

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy
Đợt 2, năm 2017**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

Căn cứ Quyết định số 5420/QĐ-BNN-TCCB ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Lâm nghiệp;

Căn cứ Văn bản số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên;

Theo đề nghị của Trường các khoa: Cơ điện và Công trình; Lâm học; Quản lý tài nguyên rừng và Môi trường; Kinh tế và Quản trị kinh doanh. Viện trưởng các Viện: Công nghệ sinh học Lâm nghiệp; Kiến trúc cảnh quan và Nội thất; Công nghiệp gỗ; Quản lý đất đai và Phát triển nông thôn và Trường phòng Đào tạo, sau khi có sự nhất trí của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường,

QUYẾT ĐỊNH:

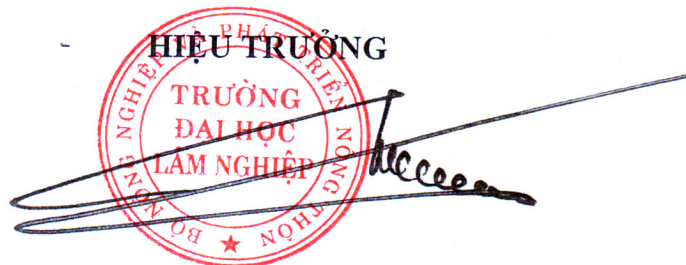
Điều 1: Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học cho 1.769 sinh viên – Hệ chính quy đã hoàn thành chương trình đào tạo (có danh sách kèm theo).

Điều 2: Sinh viên có tên trong danh sách công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học tại Điều 1 được hưởng các chế độ và thực hiện mọi nghĩa vụ sinh viên đến hết ngày 31/7/2017.

Điều 3: Trường các phòng chức năng, Trường các Khoa/Viện đào tạo và Sinh viên có tên trong sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ NN&PTNT, Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Hiệu trưởng;
- Chủ tịch HĐ Trường;
- Các Phó Hiệu trưởng;
- Lưu ĐT, VT.



GS.TS. Trần Văn Chữ

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

DANH SÁCH SINH VIÊN HỆ CHÍNH QUY ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP
ĐỢT 02, NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số: 1207/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 03/7/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số TCTL	Điểm hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
I	Ngành Công nghệ chế biến lâm sản: 31 SV							
1	1351012057	Kiều Thị Anh	28/10/1995	K58_CBLS	137	3.26	Giỏi	
2	1351012009	Nguyễn Thị Lan Anh	21/04/1995	K58_CBLS	133	2.86	Khá	
3	1351012025	Lý Văn Chính	12/08/1993	K58_CBLS	133	3.48	Giỏi	
4	1351012020	Hoa Văn Chương	12/07/1994	K58_CBLS	135	2.33	Trung bình	
5	1351013387	Nguyễn Văn Cường	06/11/1995	K58_CBLS	135	2.27	Trung bình	
6	1351013349	Nguyễn Thị Diệp	07/08/1995	K58_CBLS	135	2.71	Khá	
7	1351011997	Phạm Thị Dung	11/11/1995	K58_CBLS	133	3.3	Giỏi	
8	1351012011	Trần Đình Duy	20/01/1993	K58_CBLS	133	2.97	Khá	
9	1351012029	Đỗ Thị Duyên	03/08/1995	K58_CBLS	135	2.75	Khá	
10	1351012000	Nguyễn Thị Duyên	07/09/1994	K58_CBLS	133	3.35	Giỏi	
11	1351012028	Lê Đoàn	15/08/1993	K58_CBLS	135	2.97	Khá	
12	1351011998	Đào Khả Giang	06/01/1995	K58_CBLS	133	2.68	Khá	
13	1351012047	Lê Thị Hải	18/07/1995	K58_CBLS	135	3.16	Khá	
14	1351011992	Cao Thị Hậu	28/06/1993	K58_CBLS	135	2.94	Khá	
15	1351012004	Hoàng Thị Hiền	05/12/1995	K58_CBLS	133	3.02	Khá	
16	1351012008	Hồ Văn Linh	16/01/1995	K58_CBLS	133	3.3	Giỏi	
17	1354023108	Nguyễn Ngọc Linh	03/05/1995	K58_CBLS	133	2.4	Trung bình	
18	1351012014	Phùng Thị Loan	18/01/1995	K58_CBLS	135	2.79	Khá	
19	1351012052	Hà Quang Minh	18/12/1994	K58_CBLS	133	2.42	Trung bình	
20	1353020956	Nguyễn Thị Nhâm	10/09/1995	K58_CBLS	135	2.51	Khá	
21	1351012056	Nguyễn Thị Phương	28/02/1995	K58_CBLS	135	2.65	Khá	
22	1351012016	Ta Ngón Tăm	20/10/1994	K58_CBLS	135	2.55	Khá	
23	1351013350	Nguyễn Văn Tâm	16/06/1995	K58_CBLS	135	2.87	Khá	
24	1351012058	Lê Đoàn Thắng	05/03/1995	K58_CBLS	133	3.06	Khá	
25	1351012021	A Lăng Thâm	14/03/1993	K58_CBLS	135	2.57	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Số TCTL	Điểm hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
26	1351012002	Lưu Đình	Thế	25/01/1995	K58_CBLS	135	2.7	Khá	
27	1351012013	Nguyễn Thị	Thúy	19/08/1995	K58_CBLS	133	2.76	Khá	
28	1351011994	Nguyễn	Toàn	16/11/1995	K58_CBLS	137	3.01	Khá	
29	1351012043	Hoàng Văn	Tôn	05/04/1994	K58_CBLS	135	2.84	Khá	
30	1351012032	Hoàng Văn	Tú	16/01/1994	K58_CBLS	135	2.89	Khá	
31	1351012055	Phan Thị	Yến	13/03/1995	K58_CBLS	135	2.83	Khá	
II	Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử: 26 SV								
1	1351082098	Nguyễn Hoàng	Anh	28/09/1995	K58_CĐT	135	2.29	Trung bình	
2	1351082081	Nguyễn Vương	Anh	19/01/1994	K58_CĐT	135	2.51	Khá	
3	1351082088	Nguyễn Cao	Cường	16/04/1994	K58_CĐT	135	2.61	Khá	
4	1351082086	Vũ Duy	Cường	09/07/1995	K58_CĐT	135	2.37	Trung bình	
5	1351082082	Nguyễn Tá	Dũng	07/06/1995	K58_CĐT	135	2.74	Khá	
6	1351082093	Nguyễn Văn	Duy	19/08/1995	K58_CĐT	135	2.55	Khá	
7	1351082087	Nguyễn Văn	Đức	16/08/1994	K58_CĐT	135	2.75	Khá	
8	1351082118	Đỗ Tiến	Hà	25/06/1995	K58_CĐT	135	2.37	Trung bình	
9	1351082105	Đào Duy	Hoàng	13/09/1995	K58_CĐT	135	2.9	Khá	
10	1351082108	Trần Mạnh	Hùng	22/10/1995	K58_CĐT	135	3.36	Giỏi	
11	1351082120	Cao Việt	Hưng	13/01/1994	K58_CĐT	135	2.92	Khá	
12	1351082109	Bùi Đình	Khá	25/06/1993	K58_CĐT	135	2.66	Khá	
13	1351082132	Đào Duy	Lâm	25/06/1994	K58_CĐT	135	2.26	Trung bình	
14	1351082085	Nguyễn Hữu	Minh	24/07/1995	K58_CĐT	135	3.46	Giỏi	
15	1351082106	Phạm Thanh	Phong	22/11/1995	K58_CĐT	135	2.97	Khá	
16	1351082074	Nguyễn Văn	Quang	24/02/1994	K58_CĐT	135	3.3	Giỏi	
17	1351082102	Nguyễn Văn	Quyết	07/11/1995	K58_CĐT	135	2.95	Khá	
18	1351082122	Lê Trường	Son	25/09/1995	K58_CĐT	135	3.43	Giỏi	
19	1351082077	Mạc Văn	Son	02/09/1994	K58_CĐT	135	3.23	Giỏi	
20	1351082099	Nguyễn Trọng	Tạo	02/02/1994	K58_CĐT	135	2.69	Khá	
21	1351082072	Vũ Minh	Toàn	04/03/1994	K58_CĐT	135	2.59	Khá	
22	1351082089	Nguyễn Hữu	Trung	18/05/1994	K58_CĐT	135	2.64	Khá	
23	1351082073	Nguyễn Tiến	Trường	28/08/1995	K58_CĐT	135	2.56	Khá	
24	1351082110	Ngô Đình	Tuấn	15/12/1995	K58_CĐT	135	2.38	Trung bình	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số TCTL	Điểm hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
25	1351082090	Nguyễn Văn Tuấn	08/09/1992	K58_CĐT	135	2.58	Khá	
26	1351082078	Hoàng Thế Vinh	26/08/1995	K58_CĐT	135	2.61	Khá	
III	Ngành Kỹ thuật cơ khí: 29 SV							
1	1251060862	Đặng Quốc Anh	13/09/1994	K57_KTCK	133	2.41	Trung bình	
2	1251081613	Đinh Huy Đoàn	05/08/1994	K57_KTCK	133	2.5	Khá	
3	1351062893	Kiều Văn Bền	12/06/1995	K58_KTCK	138	2.42	Trung bình	
4	1351062889	Trần Văn Bin	15/02/1995	K58_KTCK	135	2.6	Khá	
5	1351062891	Hoàng Trọng Đạo	16/12/1995	K58_KTCK	138	2.98	Khá	
6	1351062896	Phạm Hữu Định	07/04/1993	K58_KTCK	138	2.86	Khá	
7	1351062932	Nguyễn Hữu Đức	21/10/1995	K58_KTCK	138	2.55	Khá	
8	1351063377	Nguyễn Đức Giang	20/09/1995	K58_KTCK	135	2.46	Trung bình	
9	1351062935	Nguyễn Bá Hải	04/11/1995	K58_KTCK	138	2.43	Trung bình	
10	1351062930	Mai Văn Hiệp	10/03/1993	K58_KTCK	138	2.31	Trung bình	
11	1351062936	Trần Văn Hiền	07/03/1995	K58_KTCK	135	2.69	Khá	
12	1351062905	Đỗ Văn Hoi	13/03/1995	K58_KTCK	138	2.51	Khá	
13	1351062948	Trần Văn Huy	18/07/1995	K58_KTCK	135	2.57	Khá	
14	1351062944	Nguyễn Văn Hưng	02/07/1994	K58_KTCK	138	3.14	Khá	
15	1351062950	Vũ Văn Khánh	30/08/1993	K58_KTCK	140	2.62	Khá	
16	1351062894	Mai Ngọc Khôi	18/07/1995	K58_KTCK	135	2.61	Khá	
17	1351062909	Hoàng Ngọc Lân	01/09/1995	K58_KTCK	138	2.64	Khá	
18	1351062897	Nguyễn Mạnh Linh	18/11/1994	K58_KTCK	138	2.46	Trung bình	
19	1351062923	Phạm Đình Nghị	10/03/1995	K58_KTCK	138	2.55	Khá	
20	1351062899	Thái Văn Ngọc	12/02/1994	K58_KTCK	138	2.17	Trung bình	
21	1351062940	Lê Ngọc Sơn	23/05/1995	K58_KTCK	135	2.5	Khá	
22	1351062945	Lê Văn Thành	28/08/1995	K58_KTCK	138	2.25	Trung bình	
23	1351062918	Nguyễn Văn Thành	16/04/1995	K58_KTCK	138	2.63	Khá	
24	1351062915	Trần Ngọc Thuý	21/05/1993	K58_KTCK	135	2.7	Khá	
25	1351062892	Nguyễn Văn Tiến	14/03/1995	K58_KTCK	142	2.8	Khá	
26	1351062928	Nguyễn Ngọc Tín	23/03/1994	K58_KTCK	138	2.58	Khá	
27	1354031572	Bùi Mạnh Tuấn	17/07/1995	K58_KTCK	138	2.92	Khá	
28	1351062908	Lê Anh Tuấn	14/04/1995	K58_KTCK	135	2.35	Trung bình	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số TCTL	Điểm hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
29	1351062946	Nguyễn Đình Tuấn	24/11/1994	K58_KTCK	138	2.82	Khá	
IV	Ngành Kỹ thuật công trình xây dựng: 17 SV							
1	1151052106	Đỗ Văn Mạnh	18/07/1992	K56a_KTXDCT	155	2.03	Trung bình	
2	1151052112	Đỗ Văn Thịnh	18/03/1993	K56a_KTXDCT	153	2.01	Trung bình	
3	1151052020	Lê Trọng Chương	10/05/1993	K56b_KTXDCT	153	2.07	Trung bình	
4	1151052038	Lê Hữu Hùng	07/06/1992	K56b_KTXDCT	153	2.05	Trung bình	
5	1251051267	Nguyễn Quang Thưởng	12/10/1994	K57a_KTXDCT	152	2.24	Trung bình	
6	1251051986	Nguyễn Việt Tùng	03/09/1994	K57a_KTXDCT	152	2.01	Trung bình	
7	1251051294	Vũ Văn Đô	01/05/1993	K57b_KTXDCT	152	2.62	Khá	
8	1251051318	Trịnh Văn Long	20/11/1993	K57b_KTXDCT	152	2.13	Trung bình	
9	1251051544	Trần ánh Ngọc	20/04/1993	K57b_KTXDCT	152	2.07	Trung bình	
10	1251051334	Vũ Đức Thiện	23/03/1994	K57b_KTXDCT	154	2.58	Khá	
11	1251051210	Dương Anh Duy	10/08/1994	K57c_KTXDCT	152	2.09	Trung bình	
12	1253091399	Nguyễn Tiến Phát	24/08/1994	K57c_KTXDCT	152	2.04	Trung bình	
13	1251051251	Dương Văn Quyền	14/02/1994	K57c_KTXDCT	152	2.24	Trung bình	
14	1251051988	Nguyễn Lương Võ	15/11/1994	K57c_KTXDCT	152	2.02	Trung bình	
15	1251051449	Nguyễn Văn Chuyển	05/06/1994	K57d_KTXDCT	152	2.26	Trung bình	
16	1251051990	Lê Quang Cương	09/12/1994	K57d_KTXDCT	152	2.06	Trung bình	
17	1251052053	Trần Quang Long	17/04/1993	K57d_KTXDCT	154	2.17	Trung bình	
V	Ngành Công nghệ sinh học: 98 SV							
1	1353070077	Hà Thị Chinh	25/03/1995	K58A_CNSH	130	3.76	Xuất sắc	
2	1353070116	Nguyễn Xuân Thị Dịu	20/11/1995	K58A_CNSH	130	2.77	Khá	
3	1353070107	Nguyễn Thị Việt Hà	29/05/1995	K58A_CNSH	130	3.48	Giỏi	
4	1353070091	Hoàng Thị Hằng	14/09/1995	K58A_CNSH	130	3.24	Giỏi	
5	1353070083	Đặng Thị Thu Hiền	26/06/1995	K58A_CNSH	130	3.74	Xuất sắc	
6	1353070105	Phan Thị Hiền	08/06/1994	K58A_CNSH	130	3.38	Giỏi	
7	1353070041	Trần Thị Kim Hoa	04/12/1995	K58A_CNSH	130	2.97	Khá	
8	1353070075	Vũ Thị Hoa	15/01/1995	K58A_CNSH	130	2.89	Khá	
9	1353060260	Nguyễn Quốc Việt Hoàng	09/04/1995	K58A_CNSH	130	2.73	Khá	
10	1353070040	Trương Văn Kiện	20/01/1995	K58A_CNSH	130	2.42	Trung bình	
11	1353070118	Vũ Thị Hương Lan	22/02/1995	K58A_CNSH	130	3.35	Giỏi	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số TCTL	Điểm hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
12	1353100800	Bùi Thị Mai	07/01/1995	K58A_CNSH	130	2.87	Khá	
13	1353070043	Lê Hồng Ngân	11/5/1995	K58A_CNSH	130	2.8	Khá	
14	1353070066	Mã Thị Ngọc	07/10/1994	K58A_CNSH	130	3.66	Xuất sắc	
15	1353070101	Vương Thị Oanh	02/02/1995	K58A_CNSH	130	3.47	Giỏi	
16	1353070094	Trần Văn Phúc	19/08/1995	K58A_CNSH	130	2.98	Khá	
17	1353070045	Nguyễn Thị Quỳnh	18/11/1995	K58A_CNSH	130	2.99	Khá	
18	1353071294	Phạm Như Quỳnh	12/12/1995	K58A_CNSH	130	3.05	Khá	
19	1353070039	Đinh Thị Tâm	19/07/1995	K58A_CNSH	130	2.87	Khá	
20	1353071277	Thái Bá Thám	15/02/1995	K58A_CNSH	130	2.65	Khá	
21	1353071227	Phạm Nhật Thành	02/09/1995	K58A_CNSH	130	2.91	Khá	
22	1353070120	Trần Thị Phương Thảo	10/05/1995	K58A_CNSH	130	2.99	Khá	
23	1353070100	Nguyễn Thị Thắm	20/06/1995	K58A_CNSH	130	3.43	Giỏi	
24	1353071263	Nguyễn Hoài Thu	25/07/1995	K58A_CNSH	130	2.89	Khá	
25	1353070068	Đieu Thị Thương	09/06/1994	K58A_CNSH	130	2.58	Khá	
26	1353071287	Nguyễn Văn Toàn	21/10/1995	K58A_CNSH	130	2.69	Khá	
27	1353070049	Bùi Kiều Trang	14/12/1995	K58A_CNSH	130	3.38	Giỏi	
28	1353071301	Đỗ Thị Huyền Trang	16/08/1995	K58A_CNSH	130	3.31	Giỏi	
29	1353070106	Lê Thị Minh Trang	28/06/1995	K58A_CNSH	130	3.51	Giỏi	
30	1353070070	Vũ Thị Thu Trang	22/09/1994	K58A_CNSH	130	2.84	Khá	
31	1353071225	Dương Công Tùng	02/12/1995	K58A_CNSH	130	2.62	Khá	
32	1353071239	Lã Thị Lan Anh	25/02/1994	K58B_CNSH	130	3.44	Giỏi	
33	1353071295	Trần Huyền Anh	09/02/1995	K58B_CNSH	130	2.92	Khá	
34	1353071253	Nguyễn Ngọc ánh	14/12/1995	K58B_CNSH	130	3.48	Giỏi	
35	1353071291	Nguyễn Thị Ngọc ánh	11/08/1995	K58B_CNSH	130	3.69	Xuất sắc	
36	1353071234	Đỗ Duy Bắc	12/10/1995	K58B_CNSH	130	2.74	Khá	
37	1353091943	Nguyễn Thị Bích	04/04/1995	K58B_CNSH	130	3.27	Giỏi	
38	1353071261	Nguyễn Thị Bình	24/09/1995	K58B_CNSH	130	3.73	Xuất sắc	
39	1353071243	Trần Thị Châm	19/09/1995	K58B_CNSH	132	3.2	Giỏi	
40	1353071266	Nguyễn Anh Dũng	01/03/1994	K58B_CNSH	134	3.26	Giỏi	
41	1353100835	Nguyễn Hữu Dũng	11/09/1995	K58B_CNSH	130	3.07	Khá	
42	1353071269	An Thị Thùy Dương	22/09/1995	K58B_CNSH	130	3.63	Xuất sắc	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số TCTL	Điểm hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
43	1353071292	Trần Văn Đáng	04/09/1994	K58B_CNSH	130	2.89	Khá	
44	1353071244	Trịnh Trúc Giang	02/02/1995	K58B_CNSH	130	3.16	Khá	
45	1353071299	Nguyễn Thị Hà	05/10/1994	K58B_CNSH	130	3.25	Giỏi	
46	1353071256	Phạm Thị Ngọc Hà	06/07/1995	K58B_CNSH	130	3.3	Giỏi	
47	1353071302	Nguyễn Thị Minh Hằng	01/05/1995	K58B_CNSH	130	2.92	Khá	
48	1353071264	Nguyễn Thị Hiền	06/08/1994	K58B_CNSH	130	3.53	Giỏi	
49	1353071297	Võ Thị Hiền	04/04/1994	K58B_CNSH	130	3.33	Giỏi	
50	1353071288	Nguyễn Thị Hoa	24/07/1995	K58B_CNSH	130	3.45	Giỏi	
51	1353071278	Mai Thị Hồng	25/11/1994	K58B_CNSH	130	3.12	Khá	
52	1353073360	Lê Thị Hoi	06/05/1995	K58B_CNSH	130	3.52	Giỏi	
53	1353071286	Kiều Thị Huệ	08/06/1995	K58B_CNSH	130	3.28	Giỏi	
54	1353071262	Nguyễn Thị Huyền	18/10/1995	K58B_CNSH	130	3.73	Xuất sắc	
55	1353071283	Nguyễn Thị Hương	02/03/1994	K58B_CNSH	130	3.28	Giỏi	
56	1353071251	Lê Trung Kiên	18/12/1995	K58B_CNSH	130	3	Khá	
57	1353071224	Lại Thị Ngọc Lan	06/07/1994	K58B_CNSH	130	2.83	Khá	
58	1353071273	Nguyễn Thị Phương	17/09/1994	K58B_CNSH	130	3.23	Giỏi	
59	1353071229	Nguyễn Thùy Linh	26/04/1995	K58B_CNSH	130	3.47	Giỏi	
60	1353071260	Nguyễn Thị Hồng Lý	15/02/1994	K58B_CNSH	130	3.07	Khá	
61	1353071258	Đỗ Thị My	05/06/1995	K58B_CNSH	130	3.26	Giỏi	
62	1353071249	Nguyễn Thúy My	11/05/1995	K58B_CNSH	130	2.88	Khá	
63	1353071241	Lê Thị Nga	15/06/1995	K58B_CNSH	130	3.48	Giỏi	
64	1353071284	Nguyễn Quỳnh Nga	12/09/1995	K58B_CNSH	130	3.24	Khá	Thi lại quá 5%
65	1353071255	Đỗ Thị Ngân	18/10/1995	K58B_CNSH	130	2.78	Khá	
66	1353071270	Nguyễn Thị Nguyệt	16/10/1995	K58B_CNSH	130	3.46	Giỏi	
67	1353071280	Trần Thị Hồng Nhân	19/10/1995	K58B_CNSH	130	2.67	Khá	
68	1353071228	Nguyễn Thị Nhung	14/10/1995	K58B_CNSH	130	3.37	Khá	Thi lại quá 5%
69	1353071281	Nguyễn Thị Ninh	05/08/1995	K58B_CNSH	130	3	Khá	
70	1353071252	Hoàng Tiến Quân	22/08/1995	K58B_CNSH	130	2.74	Khá	
71	1253072180	Nguyễn Viết Thu	07/08/1994	K58B_CNSH	130	2.67	Khá	
72	1353070092	Trần Thị An	04/07/1995	K58C_CNSH	130	3.46	Giỏi	
73	1353070103	Hoàng Tuấn Anh	01/10/1995	K58C_CNSH	130	3.07	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số TCTL	Điểm hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
74	1353070076	Nguyễn Thị ánh	25/08/1995	K58C_CNSH	130	3.67	Xuất sắc	
75	1353070102	Nguyễn Thuy Châu	27/08/1995	K58C_CNSH	130	3.14	Khá	
76	1353070046	Đặng Hồng Cường	22/10/1994	K58C_CNSH	130	2.47	Trung bình	
77	1353070047	Mai Ngọc Đạo	28/05/1995	K58C_CNSH	130	2.66	Khá	
78	1353070122	Nguyễn Thị Thu Hà	26/09/1995	K58C_CNSH	130	3.69	Xuất sắc	
79	1353070082	Nguyễn Thị Hoa	11/09/1995	K58C_CNSH	130	3	Khá	
80	1353070096	Nguyễn Thị Huyền	12/09/1995	K58C_CNSH	130	3.05	Khá	
81	1353070084	Đinh Văn Liêm	07/01/1995	K58C_CNSH	130	3.14	Khá	
82	1353070055	Lường Thị Loan	12/01/1995	K58C_CNSH	130	3.06	Khá	
83	1353070063	Nguyễn Thị Nga	14/05/1995	K58C_CNSH	130	3.12	Khá	
84	1353070073	Bùi Văn Nguyên	08/05/1995	K58C_CNSH	130	2.74	Khá	
85	1353070057	Nguyễn Thị Oanh	10/05/1995	K58C_CNSH	130	3.46	Giỏi	
86	1353071282	Nguyễn Thị Quỳnh	23/04/1995	K58C_CNSH	130	3.28	Giỏi	
87	1353070115	Phạm Thị Quỳnh	06/05/1995	K58C_CNSH	130	3.38	Giỏi	
88	1353071237	Nguyễn Thị Thanh Tâm	03/06/1994	K58C_CNSH	130	3.04	Khá	
89	1353070034	Nguyễn Văn Thái	28/07/1991	K58C_CNSH	130	3.16	Khá	
90	1353071274	Ngô Thị Thanh	01/02/1995	K58C_CNSH	130	3.22	Giỏi	
91	1353071293	Vũ Thị Phương Thảo	06/12/1995	K58C_CNSH	130	3.46	Giỏi	
92	1353071254	Nguyễn Thị Thu	12/11/1994	K58C_CNSH	130	3.5	Giỏi	
93	1353071236	Nguyễn Thị Thủy	12/03/1995	K58C_CNSH	130	2.95	Khá	
94	1353071303	Lê Thị Trà	13/06/1995	K58C_CNSH	130	3.12	Khá	
95	1353071238	Bùi Thị Trang	15/04/1995	K58C_CNSH	130	3.1	Khá	
96	1353070074	Hà Huyền Trang	22/12/1995	K58C_CNSH	130	2.66	Khá	
97	1353070079	Phạm Anh Tuấn	13/08/1995	K58C_CNSH	130	2.9	Khá	
98	1353071257	Trần Thị Hồng Vân	07/12/1995	K58C_CNSH	130	3.2	Giỏi	
VI	Ngành Khuyến nông: 42 SV							
1	1353082853	Trần Thị Phương Dung	24/06/1995	K58_KN	137	3.25	Giỏi	
2	1353082874	Cần Thị Thu Hạnh	09/08/1995	K58_KN	137	2.81	Khá	
3	1353133172	Hoàng Thị Thu Hằng	24/10/1995	K58_KN	137	2.68	Khá	
4	1353082885	Nguyễn Thu Hằng	17/04/1995	K58_KN	137	2.86	Khá	
5	1353082849	Lò Thị Hịa	08/04/1994	K58_KN	137	3.2	Khá	Thi lại quá 5%

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số TCTL	Điểm hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
6	1353082842	Lò Thị Học	23/04/1994	K58_KN	137	3.42	Khá	Thi lại quá 5%
7	1353082864	Vũ Mạnh Hùng	23/12/1995	K58_KN	137	2.67	Khá	
8	1353082855	Chẳng Thị Huyền	01/02/1994	K58_KN	137	3.32	Khá	Thi lại quá 5%
9	1353082873	Triệu Linh Hương	01/04/1995	K58_KN	137	3	Khá	
10	1353082826	Nguyễn Văn Khu	10/09/1995	K58_KN	137	2.8	Khá	
11	1353082834	Trịnh Thị Lành	20/08/1994	K58_KN	137	3.08	Khá	
12	1353082867	Hồ Thị Lê	26/03/1995	K58_KN	137	3.13	Khá	
13	1353133210	Ngô Văn Linh	05/08/1995	K58_KN	137	2.96	Khá	
14	1353082830	Sông A Lồng	13/02/1995	K58_KN	139	3.26	Giỏi	
15	1353082833	Nguyễn Thị Ngọc Mai	21/05/1995	K58_KN	137	2.85	Khá	
16	1353082877	Nguyễn Thị Ngọc Mai	12/09/1995	K58_KN	137	3.37	Giỏi	
17	1353082863	Trịnh Ngọc Mạnh	08/03/1994	K58_KN	137	3.13	Khá	
18	1353082860	Tổng Thị Hồng Minh	04/02/1995	K58_KN	137	3.35	Giỏi	
19	1353082839	Sỹ Thị Nga	14/11/1994	K58_KN	137	3.27	Giỏi	
20	1353082861	Phùng Thị Tuyết Nhung	12/01/1995	K58_KN	137	3.05	Khá	
21	1353082841	Bùi Thị Oanh	14/09/1994	K58_KN	137	2.84	Khá	
22	1353082831	Vì Thị Hồng Phúc	06/04/1995	K58_KN	137	3.32	Giỏi	
23	1353083364	Đặng Thị Phương	02/07/1995	K58_KN	137	2.86	Khá	
24	1351022417	Lý Mai Phương	10/10/1995	K58_KN	137	2.66	Khá	
25	1353082857	Phạm Thị Thu Phương	06/01/1995	K58_KN	137	2.74	Khá	
26	1353082835	Nguyễn Như Quỳnh	01/08/1995	K58_KN	137	2.77	Khá	
27	1353082851	Nhữ Thị Quỳnh	07/12/1995	K58_KN	137	3.28	Khá	Thi lại quá 5%
28	1353082847	Hoàng Văn Thành	02/02/1994	K58_KN	137	2.91	Khá	
29	1353082868	Hà Thị Phương Thảo	24/05/1995	K58_KN	137	2.67	Khá	
30	1353082872	Bùi Thị Thu	12/01/1995	K58_KN	137	3.2	Giỏi	
31	1353082838	Lưu Thị Thu	05/10/1995	K58_KN	137	3.26	Giỏi	
32	1353101670	Vì Thị Thu	27/10/1994	K58_KN	137	2.91	Khá	
33	1353082883	Đào Văn Thuần	29/11/1995	K58_KN	137	2.72	Khá	
34	1353082825	Nguyễn Thanh Thủy	26/12/1993	K58_KN	137	3.28	Khá	Thi lại quá 5%
35	1353082858	Nguyễn Thị Việt Thương	22/05/1995	K58_KN	137	2.76	Khá	
36	1353082850	Nguyễn Thuý Toan	17/07/1995	K58_KN	137	2.99	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số TCTL	Điểm hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
37	1351012069	Nguyễn Kiều Trinh	02/04/1995	K58_KN	137	2.8	Khá	
38	1353082886	Nguyễn Thị Việt Trinh	27/03/1994	K58_KN	137	3.03	Khá	
39	1353083348	Lương Thị Tuyên	01/01/1995	K58_KN	137	3.03	Khá	
40	1353082827	Ma Thị Xuân	16/03/1995	K58_KN	137	2.86	Khá	
41	1353082832	Trần Thị Xuân	09/01/1995	K58_KN	137	3	Khá	
42	1353082878	Nguyễn Thị Hải Yến	01/10/1995	K58_KN	137	3.16	Khá	
VII	Ngành Quản lý đất đai: 288 SV							
1	1154041517	Trần Thị Thu	16/11/1993	K56a_QLĐĐ	138	2.26	Trung bình	
2	1153082139	Nguyễn Xuân Trung	18/10/1993	K56c_QLĐĐ	136	2	Trung bình	
3	1153021026	Lưu Bình Dương	25/02/1991	K56d_QLĐĐ	136	2.01	Trung bình	
4	1153010232	Lý Văn Đức	16/07/1992	K56d_QLĐĐ	136	2	Trung bình	
5	1153080208	Ngô Ngọc Hưng	22/10/1992	K56d_QLĐĐ	136	2.44	Trung bình	
6	1254030263	Nguyễn Đại Đường	05/06/1992	K57a_QLĐĐ	136	2.01	Trung bình	
7	1254030282	Cao Đăng Khoa	05/02/1994	K57a_QLĐĐ	138	2.02	Trung bình	
8	1151052237	Nguyễn Minh Khuê	25/03/1993	K57a_QLĐĐ	136	2.3	Trung bình	
9	1254041760	Nguyễn Hồng Nhung	31/12/1994	K57a_QLĐĐ	141	2.77	Khá	Ngành 2
10	1254031572	Nguyễn Thế Anh	29/11/1993	K57b_QLĐĐ	137	2.26	Trung bình	
11	1254031369	Nguyễn Trọng Ban	14/07/1994	K57b_QLĐĐ	136	2.56	Khá	
12	1254030382	Nguyễn Duy Khương	21/08/1994	K57b_QLĐĐ	137	2.06	Trung bình	
13	1254030395	Nguyễn Tiến Mạnh	07/06/1994	K57b_QLĐĐ	137	2.01	Trung bình	
14	1254031573	Vũ Mạnh Dũng	07/07/1994	K57c_QLĐĐ	136	2	Trung bình	
15	1254031463	Đặng Đình Hùng	12/07/1992	K57c_QLĐĐ	137	2.04	Trung bình	
16	1254031726	Đỗ Thị Kiều	24/12/1994	K57d_QLĐĐ	142	2.01	Trung bình	
17	1254031584	Lê Thị Mến	28/11/1994	K57d_QLĐĐ	138	2.36	Trung bình	
18	1254030429	Đỗ Quang Trung	02/09/1994	K57e_QLĐĐ	136	2.36	Trung bình	
19	1254030430	Nguyễn Duy Tuấn	16/07/1994	K57e_QLĐĐ	138	2.11	Trung bình	
20	1254030472	Mai Huy Tâm	20/10/1994	K57f_QLĐĐ	149	2.03	Trung bình	
21	1254031740	Lê Văn Tùng	29/11/1994	K57f_QLĐĐ	138	2.01	Trung bình	
22	1354030575	Lê Thị Trâm Anh	05/05/1995	K58A_QLĐĐ	136	2.71	Khá	
23	1354033401	Nguyễn Thị Trâm Anh	09/03/1995	K58A_QLĐĐ	137	2.75	Khá	
24	1354030626	Phạm Thị Vân Anh	21/01/1995	K58A_QLĐĐ	135	2.71	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số TCTL	Điểm hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
25	1353060231	Lường Thị Chuyên	08/03/1994	K58A_QLĐĐ	136	2.6	Khá	
26	1354030582	Phạm Duy Cương	07/05/1994	K58A_QLĐĐ	141	2.21	Trung bình	
27	1354053013	Vũ Ngọc Diệp	21/03/1995	K58A_QLĐĐ	135	3.05	Khá	
28	1353101684	Kiều Thị Phương Dung	22/07/1995	K58A_QLĐĐ	135	2.64	Khá	
29	1354030548	Đỗ Việt Dũng	24/10/1995	K58A_QLĐĐ	135	2.59	Khá	
30	1353133162	Đoàn Tuấn Đức	23/09/1995	K58A_QLĐĐ	137	2.58	Khá	
31	1354030587	Đỗ Thị Hà	08/08/1995	K58A_QLĐĐ	135	2.59	Khá	
32	1354030627	Nguyễn Xuân Hà	20/05/1995	K58A_QLĐĐ	141	2.72	Khá	
33	1354030596	Phạm Thanh Hải	07/11/1995	K58A_QLĐĐ	137	2.75	Khá	
34	1354030600	Vũ Thu Hằng	30/04/1995	K58A_QLĐĐ	135	2.75	Khá	
35	1354030571	Nguyễn Thị Ngọc Hiền	03/10/1995	K58A_QLĐĐ	137	3.5	Giỏi	
36	1354030584	Nguyễn Thị Hiều	21/02/1995	K58A_QLĐĐ	137	2.9	Khá	
37	1353101728	Trần Thị Huân	18/08/1995	K58A_QLĐĐ	135	2.7	Khá	
38	1354030659	Nguyễn Quốc Huy	12/04/1995	K58A_QLĐĐ	135	2.82	Khá	
39	1354030549	Vũ Đình Huy	12/11/1994	K58A_QLĐĐ	135	2.87	Khá	
40	1354030651	Nguyễn Thị Huyền	05/01/1995	K58A_QLĐĐ	135	2.31	Trung bình	
41	1353100798	Phạm Thị Thúy Huyền	07/10/1995	K58A_QLĐĐ	136	2.89	Khá	
42	1354030565	Từ Thị Thu Huyền	24/05/1995	K58A_QLĐĐ	136	2.94	Khá	
43	1354011144	Phạm Duy Hưng	18/02/1995	K58A_QLĐĐ	136	2.57	Khá	
44	1353082844	Lê Thị Hương	15/02/1995	K58A_QLĐĐ	135	2.54	Khá	
45	1354030643	Bùi Quang Hường	17/02/1994	K58A_QLĐĐ	135	2.08	Trung bình	
46	1354030564	Đỗ Văn Thành Kiên	11/02/1995	K58A_QLĐĐ	137	2.59	Khá	
47	1354030577	Nguyễn Thị Lan	03/05/1995	K58A_QLĐĐ	135	3.25	Giỏi	
48	1354030654	Nguyễn Thị Lan	19/08/1995	K58A_QLĐĐ	136	3.13	Khá	
49	1354011110	Hoàng Nhật Linh	07/02/1995	K58A_QLĐĐ	139	2.6	Khá	
50	1354030660	Nguyễn Văn Linh	27/01/1995	K58A_QLĐĐ	138	2.67	Khá	
51	1353011198	Lã Đức Lương	15/11/1995	K58A_QLĐĐ	135	2.58	Khá	
52	1354030570	Hoàng Ngọc Mai	02/02/1995	K58A_QLĐĐ	138	2.66	Khá	
53	1354030585	Lê Thị Ngân	25/10/1995	K58A_QLĐĐ	138	2.2	Trung bình	
54	1354030555	Dương Thị Nhạn	06/02/1995	K58A_QLĐĐ	135	2.72	Khá	
55	1354030594	Ngô Thị Kim Oanh	30/10/1995	K58A_QLĐĐ	136	2.9	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số TCTL	Điểm hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
56	1353133180	Nguyễn Minh Pháp	28/03/1995	K58A_QLĐĐ	138	2.67	Khá	
57	1353091925	Nguyễn Thị Phòng	27/06/1995	K58A_QLĐĐ	135	3.37	Giỏi	
58	1354030666	Đào Văn Phóng	20/10/1995	K58A_QLĐĐ	135	2.70	Khá	
59	1354030598	Nguyễn Thị Phương	16/02/1995	K58A_QLĐĐ	135	3.17	Khá	
60	1353082880	Quách Thị Hoài Phương	02/04/1995	K58A_QLĐĐ	135	2.7	Khá	
61	1353082879	Lý Xé Pư	01/07/1995	K58A_QLĐĐ	138	3	Khá	
62	1354030556	Đổng Quang Quế	14/08/1995	K58A_QLĐĐ	136	3.14	Khá	
63	1354030559	Lê Xuân Sang	10/08/1995	K58A_QLĐĐ	139	2.83	Khá	
64	1354030652	Nguyễn Gia Sự	10/05/1995	K58A_QLĐĐ	135	2.84	Khá	
65	1354030616	Dương Thị Thanh	10/06/1995	K58A_QLĐĐ	139	2.68	Khá	
66	1354053016	Mai Thị Thuần	24/08/1995	K58A_QLĐĐ	136	2.87	Khá	
67	1353082840	Đồng Văn Toàn	06/04/1995	K58A_QLĐĐ	135	2.38	Trung bình	
68	1354030634	Giảng A Tông	13/02/1994	K58A_QLĐĐ	136	2.71	Khá	
69	1354030560	Bùi Thị Trang	24/02/1995	K58A_QLĐĐ	136	2.68	Khá	
70	1354030622	Hồ Thị Kiều Trang	28/05/1995	K58A_QLĐĐ	136	2.74	Khá	
71	1354030664	Phạm Văn Tùng	19/08/1995	K58A_QLĐĐ	136	2.65	Khá	
72	1354030638	Hoàng Thị Tuyền	22/07/1994	K58A_QLĐĐ	136	2.35	Trung bình	
73	1354030576	Nguyễn Cẩm Vân	01/01/1995	K58A_QLĐĐ	136	3.01	Khá	
74	1353043303	Hoàng Thị An	12/01/1995	K58B_QLĐĐ	138	2.68	Khá	
75	1354031555	Hà Việt Anh	18/11/1995	K58B_QLĐĐ	135	2.32	Trung bình	
76	1354031533	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	01/08/1995	K58B_QLĐĐ	136	2.85	Khá	
77	1354031526	Nguyễn Tuấn Anh	12/08/1995	K58B_QLĐĐ	135	2.83	Khá	
78	1354031622	Lưu Thị Ngọc ánh	17/12/1995	K58B_QLĐĐ	136	3.24	Giỏi	
79	1354031541	Đồng Trung Chiến	29/09/1995	K58B_QLĐĐ	136	2.18	Trung bình	
80	1354031575	Lương Văn Cương	17/04/1995	K58B_QLĐĐ	138	3.53	Giỏi	
81	1354031587	Hà Thị Diễm	03/06/1994	K58B_QLĐĐ	135	3.2	Giỏi	
82	1354023104	Trịnh Đức Dũng	19/05/1995	K58B_QLĐĐ	137	2.74	Khá	
83	1354031595	Phùng Tiến Đạt	03/05/1994	K58B_QLĐĐ	136	2.3	Trung bình	
84	1354053004	Mai Thị Hà	02/07/1995	K58B_QLĐĐ	136	2.82	Khá	
85	1354031589	Phùng Thị Thu Hà	01/05/1995	K58B_QLĐĐ	136	2.58	Khá	
86	1353061409	Hà Thị Hạnh	08/10/1994	K58B_QLĐĐ	139	2.31	Trung bình	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số TCTL	Điểm hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
87	1354031620	Nguyễn Thanh Hằng	15/12/1995	K58B_QLĐĐ	140	3.1	Khá	
88	1354031567	Bùi Minh Hiếu	11/08/1995	K58B_QLĐĐ	135	3.37	Giỏi	
89	1354031584	Nguyễn Đức Hiếu	05/11/1995	K58B_QLĐĐ	136	2.15	Trung bình	
90	1354031563	Lâm Thị Hợp	21/10/1995	K58B_QLĐĐ	136	2.83	Khá	
91	1354031599	Lý Văn Khiêm	21/04/1993	K58B_QLĐĐ	140	2.23	Trung bình	
92	1354031602	Hà Thị Liễu	09/04/1994	K58B_QLĐĐ	140	2.48	Trung bình	
93	1354031540	Nguyễn Thị Hương Ly	09/04/1995	K58B_QLĐĐ	138	2.54	Khá	
94	1354031617	Hoàng Tiến Nam	15/12/1995	K58B_QLĐĐ	135	2.96	Khá	
95	1354031568	Lò Hải Nam	30/09/1995	K58B_QLĐĐ	135	2.68	Khá	
96	1354031530	Phạm Thị Ngân	18/08/1995	K58B_QLĐĐ	136	3.01	Khá	
97	1353043279	Phùng Thị Nhung	11/10/1995	K58B_QLĐĐ	137	2.96	Khá	
98	1354023064	Tăng Đình Phú	19/02/1994	K58B_QLĐĐ	135	2.69	Khá	
99	1354031618	Nguyễn Xuân Phúc	06/03/1995	K58B_QLĐĐ	135	2.67	Khá	
100	1351050063	Quách Trọng Tấn	07/08/1995	K58B_QLĐĐ	135	2.32	Trung bình	
101	1354031559	Nguyễn Thị Thảo	14/01/1995	K58B_QLĐĐ	136	3.04	Khá	
102	1354031626	Nguyễn Thị Hương Thảo	27/07/1995	K58B_QLĐĐ	136	3.45	Giỏi	
103	1354031527	Vũ Thị Hoài Thu	07/10/1995	K58B_QLĐĐ	136	2.5	Khá	
104	1354031545	Lam Thị Thanh Thương	18/04/1995	K58B_QLĐĐ	135	2.57	Khá	
105	1354031619	Nguyễn Thị Thương	25/03/1995	K58B_QLĐĐ	138	3.21	Giỏi	
106	1353133174	Nguyễn Thu Trang	14/06/1995	K58B_QLĐĐ	136	2.68	Khá	
107	1354031582	Nguyễn Đức Trọng	21/10/1992	K58B_QLĐĐ	137	2.82	Khá	
108	1354031585	Nguyễn Xuân Trường	03/04/1995	K58B_QLĐĐ	144	2.51	Khá	
109	1353043278	Phan Anh Tú	01/04/1994	K58B_QLĐĐ	136	2.94	Khá	
110	1351012024	Đỗ ánh Tuyết	26/11/1995	K58B_QLĐĐ	143	2.74	Khá	
111	1354031624	Trần Anh Vũ	13/09/1994	K58B_QLĐĐ	136	3.13	Khá	
112	1354032302	Nguyễn Ngọc Anh	16/02/1995	K58C_QLĐĐ	136	2.68	Khá	
113	1354032241	Nguyễn Thị Vân Anh	25/12/1995	K58C_QLĐĐ	137	3.04	Khá	
114	1354011077	Nguyễn Văn Công	30/08/1994	K58C_QLĐĐ	136	3.23	Khá	Thi lại quá 5%
115	1354032244	Nguyễn Thị Phương	30/12/1995	K58C_QLĐĐ	137	2.78	Khá	
116	1354032253	Đoàn Thị Hồng Điệp	29/10/1995	K58C_QLĐĐ	135	2.89	Khá	
117	1354032284	Lê Thị Đoàn	16/01/1995	K58C_QLĐĐ	141	3.18	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số TCTL	Điểm hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
118	1354032292	Trần Thị Hà	10/01/1995	K58C_QLĐĐ	136	2.82	Khá	
119	1354032300	Bùi Duy Hải	20/09/1994	K58C_QLĐĐ	138	2.24	Trung bình	
120	1354032265	Nguyễn Thúy Hằng	01/02/1995	K58C_QLĐĐ	135	3.38	Giỏi	
121	1354032269	Phạm Thị Hiền	20/10/1995	K58C_QLĐĐ	137	2.65	Khá	
122	1354032293	Cao Xuân Hiệu	23/07/1995	K58C_QLĐĐ	135	3.17	Khá	
123	1354032238	Nghiêm Việt Hòa	31/12/1995	K58C_QLĐĐ	135	2.6	Khá	
124	1354032234	Nguyễn Thị Huệ	01/02/1994	K58C_QLĐĐ	135	2.77	Khá	
125	1354032301	Phạm Gia Huy	17/08/1995	K58C_QLĐĐ	137	2.82	Khá	
126	1354041507	Phạm Thị Hương	12/03/1995	K58C_QLĐĐ	138	2.78	Khá	
127	1354032285	Vì Thị Lan Hương	06/07/1995	K58C_QLĐĐ	138	2.53	Khá	
128	1354032267	Lê Thị Thu Hường	10/06/1995	K58C_QLĐĐ	138	3.24	Giỏi	
129	1354032294	Nguyễn Thị Hường	22/10/1995	K58C_QLĐĐ	135	3.03	Khá	
130	1354032240	Hoàng Thúy Lan	20/10/1994	K58C_QLĐĐ	137	3.17	Khá	
131	1354032303	Đỗ Thuý Liên	13/10/1995	K58C_QLĐĐ	136	3.58	Giỏi	
132	1354032236	Trần Thị Khánh Linh	13/03/1995	K58C_QLĐĐ	135	2.63	Khá	
133	1354032252	Vì Thuý Linh	11/11/1995	K58C_QLĐĐ	140	2.65	Khá	
134	1354032286	Lê Minh Long	07/10/1995	K58C_QLĐĐ	137	3.22	Giỏi	
135	1354032251	Nguyễn Gia Lượng	19/05/1995	K58C_QLĐĐ	139	2.18	Trung bình	
136	1353010529	Nguyễn Hà Mai	09/05/1995	K58C_QLĐĐ	137	2.89	Khá	
137	1354032235	Lê Văn Mạnh	04/09/1994	K58C_QLĐĐ	136	2.76	Khá	
138	1354032271	Bùi Thị My	17/05/1995	K58C_QLĐĐ	136	2.56	Khá	
139	1353010527	Lò Bảo Ngọc	15/09/1995	K58C_QLĐĐ	137	2.81	Khá	
140	1354032246	Trần Thị Hồng Ngọc	12/01/1995	K58C_QLĐĐ	136	2.5	Khá	
141	1354032288	Võ Văn Nhật	14/07/1994	K58C_QLĐĐ	136	3.05	Khá	
142	1354013349	Nguyễn Thị Nhung	29/08/1995	K58C_QLĐĐ	138	2.66	Khá	
143	1354032282	Thào A Páo	19/08/1995	K58C_QLĐĐ	136	2.83	Khá	
144	1354032273	Nguyễn Tá Quyết	17/02/1995	K58C_QLĐĐ	137	2.77	Khá	
145	1354032307	Nguyễn Ngọc Sơn	16/07/1995	K58C_QLĐĐ	139	2.82	Khá	
146	1354032291	Nguyễn Thị Minh Tâm	26/09/1994	K58C_QLĐĐ	135	3.17	Khá	
147	1354032297	Ngô Thị Minh Thu	28/05/1995	K58C_QLĐĐ	135	2.63	Khá	
148	1354032304	Nguyễn Thị Thuý	02/05/1995	K58C_QLĐĐ	135	3.16	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số TCTL	Điểm hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
149	1354032278	Nguyễn Quyết Tiến	16/12/1994	K58C_QLĐĐ	136	2.71	Khá	
150	1354032243	Đoàn Thị Hà Trang	29/12/1995	K58C_QLĐĐ	138	2.75	Khá	
151	1353010473	Nông Xuân Trường	24/12/1994	K58C_QLĐĐ	135	2.11	Trung bình	
152	1354032237	Dương Thế Tuấn	10/09/1994	K58C_QLĐĐ	136	2.39	Trung bình	
153	1354032299	Lang Thị Tuyết	16/03/1995	K58C_QLĐĐ	135	2.3	Trung bình	
154	1354032232	Lê Tuấn Vũ	29/11/1994	K58C_QLĐĐ	139	2.71	Khá	
155	1354032514	Nguyễn Phương Anh	14/11/1995	K58D_QLĐĐ	135	3.1	Khá	
156	1354032569	Nguyễn Thị Phương Anh	10/09/1995	K58D_QLĐĐ	135	3.63	Xuất sắc	
157	1354032572	Nguyễn Thị Ngọc ánh	07/02/1994	K58D_QLĐĐ	136	3.74	Xuất sắc	
158	1354032531	Nguyễn Kim Chi	11/10/1995	K58D_QLĐĐ	135	2.98	Khá	
159	1354032541	Vũ Văn Dũng	11/10/1995	K58D_QLĐĐ	135	2.59	Khá	
160	1354032580	Phạm Bá Đông	18/02/1995	K58D_QLĐĐ	135	2.67	Khá	
161	1354032561	Nguyễn Thị Hồng Hải	10/08/1995	K58D_QLĐĐ	135	2.88	Khá	
162	1354032516	Nguyễn Thị Thu Hằng	20/09/1995	K58D_QLĐĐ	135	3.04	Khá	
163	1354032582	Lò Thị Hiên	18/09/1994	K58D_QLĐĐ	136	3.26	Giỏi	
164	1354032527	Hoàng Thị Hiên	22/04/1995	K58D_QLĐĐ	135	3.34	Giỏi	
165	1354032575	Nguyễn Thị Hoa	19/06/1995	K58D_QLĐĐ	135	3.34	Giỏi	
166	1353010492	Phan Thị Hoa	13/03/1995	K58D_QLĐĐ	139	3.07	Khá	
167	1354032578	Trần Văn Hoàng	23/08/1995	K58D_QLĐĐ	136	2.31	Trung bình	
168	1354023085	Bùi Nhật Hùng	13/03/1995	K58D_QLĐĐ	135	2.52	Khá	
169	1354032528	Trần Đức Hùng	03/09/1995	K58D_QLĐĐ	136	2.87	Khá	
170	1354032552	Nguyễn Ngọc Huy	23/12/1995	K58D_QLĐĐ	138	2.93	Khá	
171	1354032571	Phùng Thị Thu Huyền	30/03/1995	K58D_QLĐĐ	135	3.27	Khá	Thi lại quá 5%
172	1354032549	Bùi Thị Hương	24/06/1995	K58D_QLĐĐ	135	3.02	Khá	
173	1354032576	Phạm Tùng Lâm	18/05/1995	K58D_QLĐĐ	136	2.57	Khá	
174	1354032533	Vũ Kiều Lệ	29/07/1995	K58D_QLĐĐ	135	2.99	Khá	
175	1354032544	Nguyễn Thị Linh	11/11/1995	K58D_QLĐĐ	135	3.36	Giỏi	
176	1354032529	Nguyễn Thị Khánh Linh	17/12/1994	K58D_QLĐĐ	139	2.62	Khá	
177	1354032558	Lý Văn Lưu	18/04/1995	K58D_QLĐĐ	135	2.21	Trung bình	
178	1354032520	Chữ Thị Mai	14/01/1995	K58D_QLĐĐ	137	2.98	Khá	
179	1354032513	Trần Thị Mỹ	09/12/1995	K58D_QLĐĐ	135	2.69	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số TCTL	Điểm hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
180	1353091015	Phan Thị Ngân	11/10/1995	K58D_QLĐĐ	137	2.98	Khá	
181	1354032538	Đỗ Văn Nghĩa	06/02/1995	K58D_QLĐĐ	135	2.63	Khá	
182	1354032551	Sầm Văn Nhân	05/01/1995	K58D_QLĐĐ	135	2.62	Khá	
183	1353100824	Đinh Thị Tuyết Nhung	29/09/1994	K58D_QLĐĐ	136	3.04	Khá	
184	1354032532	Quan Văn Phong	03/10/1995	K58D_QLĐĐ	137	2.3	Trung bình	
185	1354032537	Nguyễn Thị Xuân Quỳnh	02/03/1995	K58D_QLĐĐ	136	3.42	Giỏi	
186	1354032550	Vũ Xuân Quỳnh	14/04/1995	K58D_QLĐĐ	135	2.97	Khá	
187	1354032564	Nguyễn Văn Sơn	12/10/1994	K58D_QLĐĐ	135	2.22	Trung bình	
188	1354032546	Nguyễn Việt Sơn	19/05/1995	K58D_QLĐĐ	135	2.93	Khá	
189	1354032556	Sùng A Sơn	11/02/1995	K58D_QLĐĐ	139	2.87	Khá	
190	1353014002	Trần Thế Sơn	16/06/1995	K58D_QLĐĐ	140	2.73	Khá	
191	1354032567	Đậu Thị Thuý	25/05/1995	K58D_QLĐĐ	135	3.46	Giỏi	
192	1354032542	Lưu Cẩm Tú	23/11/1995	K58D_QLĐĐ	135	3.26	Giỏi	
193	1354032526	Ngô Văn Tuấn	13/06/1994	K58D_QLĐĐ	136	2.94	Khá	
194	1353101690	Nguyễn Thị Tươi	27/04/1995	K58D_QLĐĐ	137	2.62	Khá	
195	1353082869	Bùi Hải Yến	07/11/1995	K58D_QLĐĐ	136	3.44	Giỏi	
196	1354032563	Lương Thị Yến	15/02/1995	K58D_QLĐĐ	135	2.59	Khá	
197	1354032574	Đinh Thị Lan Anh	13/02/1995	K58E_QLĐĐ	135	2.73	Khá	
198	1354032646	Nguyễn Mai Anh	03/12/1995	K58E_QLĐĐ	135	2.63	Khá	
199	1354032687	Phạm Ngọc Anh	19/06/1995	K58E_QLĐĐ	135	3.52	Giỏi	
200	1354030658	Trần Thị Anh	25/04/1994	K58E_QLĐĐ	136	2.87	Khá	
201	1354032701	Nguyễn Hoàng Yến Chi	23/06/1995	K58E_QLĐĐ	139	2.23	Trung bình	
202	1354032677	Nguyễn Thị Hồng Cúc	01/06/1995	K58E_QLĐĐ	137	2.91	Khá	
203	1354030657	Bùi Thị Phương Dung	31/08/1995	K58E_QLĐĐ	138	2.7	Khá	
204	1354032642	Lê Trọng Dũng	15/05/1995	K58E_QLĐĐ	135	2.52	Khá	
205	1354032671	Nguyễn Thị Hải	05/05/1995	K58E_QLĐĐ	136	2.54	Khá	
206	1354032654	Lê Thị Hằng	18/10/1995	K58E_QLĐĐ	135	2.89	Khá	
207	1354032691	Lê Văn Hiếu	23/03/1995	K58E_QLĐĐ	137	3	Khá	
208	1354030550	Nguyễn Việt Hiếu	25/12/1995	K58E_QLĐĐ	137	3.64	Xuất sắc	
209	1354032638	Tạ Thị Bích Hoi	18/04/1995	K58E_QLĐĐ	137	2.5	Khá	
210	1354032657	Trần Tuấn Khang	25/07/1995	K58E_QLĐĐ	138	2.78	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số TCTL	Điểm hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
211	1354023369	Nguyễn Phú Khánh	31/03/1994	K58E_QLĐĐ	139	2.14	Trung bình	
212	1354032697	Nguyễn Thị Mai Linh	23/11/1995	K58E_QLĐĐ	135	3.44	Giỏi	
213	1354032653	Trần Hải Linh	08/12/1995	K58E_QLĐĐ	137	2.56	Khá	
214	1354032668	Đỗ Văn Lợi	26/05/1995	K58E_QLĐĐ	135	2.97	Khá	
215	1354032695	Vũ Thị Ly	04/11/1995	K58E_QLĐĐ	135	2.97	Khá	
216	1354032665	Nguyễn Thị Tuyết Nga	06/11/1995	K58E_QLĐĐ	137	3.04	Khá	
217	1353133197	Nguyễn Thị Hồng Nhiên	02/05/1995	K58E_QLĐĐ	136	2.41	Trung bình	
218	1354032645	Nguyễn Duy Phú	17/08/1995	K58E_QLĐĐ	135	2.87	Khá	
219	1354030655	Cao Như Quỳnh	02/07/1995	K58E_QLĐĐ	135	2.68	Khá	
220	1354032650	Nguyễn Thị Quỳnh	09/01/1995	K58E_QLĐĐ	137	2.6	Khá	
221	1354030592	Nguyễn Văn Thái	24/11/1995	K58E_QLĐĐ	136	2.58	Khá	
222	1354032685	Cao Văn Thành	26/07/1995	K58E_QLĐĐ	136	2.53	Khá	
223	1354032651	Bùi Mậu Thắng	26/01/1995	K58E_QLĐĐ	136	2.58	Khá	
224	1354032655	Hoàng Thị Thêu	23/02/1995	K58E_QLĐĐ	140	2.29	Trung bình	
225	1354030611	Nguyễn Văn Thịnh	17/11/1995	K58E_QLĐĐ	136	3.38	Giỏi	
226	1354032672	Lê Thị Thùy	21/05/1995	K58E_QLĐĐ	136	2.84	Khá	
227	1354032686	Lê Thị Minh Thúy	19/09/1995	K58E_QLĐĐ	136	3.14	Khá	
228	1354032647	Vì Thị Thư	12/12/1995	K58E_QLĐĐ	135	3.01	Khá	
229	1354032656	Hoàng Văn Trung	03/05/1995	K58E_QLĐĐ	138	2.11	Trung bình	
230	1354032679	Nguyễn Tiến Tùng	06/10/1995	K58E_QLĐĐ	137	2.69	Khá	
231	1354030635	Hoàng Thị Uyên	15/07/1995	K58E_QLĐĐ	139	2.19	Trung bình	
232	1354030574	Trần Thị Xuân	22/02/1995	K58E_QLĐĐ	136	3.25	Giỏi	
233	1354032712	Tòng Thị Như Bình	25/03/1995	K58F_QLĐĐ	135	2.79	Khá	
234	1354032757	Phạm Tiến Dũng	22/09/1995	K58F_QLĐĐ	136	2.99	Khá	
235	1354033405	Nguyễn Đình Bình Điệp	07/01/1995	K58F_QLĐĐ	138	3.67	Xuất sắc	
236	1354032748	Nguyễn Ngọc Hải	17/09/1995	K58F_QLĐĐ	136	2.65	Khá	
237	1354032751	Đỗ Thị Hoa	09/03/1995	K58F_QLĐĐ	135	2.32	Trung bình	
238	1354032732	Hoàng Thị Hoàn	21/03/1995	K58F_QLĐĐ	135	2.57	Khá	
239	1354032720	Nguyễn Thị Hương	10/02/1995	K58F_QLĐĐ	135	3	Khá	
240	1354032756	Trần Thị Thanh Hương	15/10/1995	K58F_QLĐĐ	138	2.79	Khá	
241	1354033404	Bùi Thị Khánh Linh	21/06/1995	K58F_QLĐĐ	135	2.8	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số TCTL	Điểm hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
242	1354032745	Lê Yến Linh	09/10/1995	K58F_QLĐĐ	135	2.36	Trung bình	
243	1354032755	Hoàng Ngọc Mai	10/10/1995	K58F_QLĐĐ	135	2.59	Khá	
244	1354032741	Lò Thị Nga	02/12/1995	K58F_QLĐĐ	135	2.63	Khá	
245	1354032703	Hoàng Giang Ngân	09/11/1995	K58F_QLĐĐ	136	2.91	Khá	
246	1354032739	Tạ Trọng Nhân	02/10/1995	K58F_QLĐĐ	137	2.7	Khá	
247	1354032766	Đặng Thị Nhung	05/06/1995	K58F_QLĐĐ	135	3.45	Giỏi	
248	1354032735	Trịnh Thị Tâm	24/12/1995	K58F_QLĐĐ	135	3	Khá	
249	1354032747	Đặng Thị Thanh Thảo	13/12/1995	K58F_QLĐĐ	136	2.75	Khá	
250	1354032761	Lê Thị Thắm	18/09/1995	K58F_QLĐĐ	136	2.98	Khá	
251	1354032718	Lại Xuân Tinh	12/10/1995	K58F_QLĐĐ	135	2.34	Trung bình	
252	1354032709	Lục Thị Trang	06/08/1995	K58F_QLĐĐ	136	2.9	Khá	
253	1354032719	Trần Thị Huyền Trang	24/07/1995	K58F_QLĐĐ	137	2.53	Khá	
254	1354032729	Bùi Thanh Trung	17/10/1995	K58F_QLĐĐ	135	2.71	Khá	
255	1354032762	Lê Thị Tuệ	13/04/1995	K58F_QLĐĐ	135	3.04	Khá	
256	1354032749	Cao Thị ánh Tuyết	09/07/1995	K58F_QLĐĐ	135	3.68	Xuất sắc	
257	1354032760	Nguyễn Thị Yến	11/10/1994	K58F_QLĐĐ	136	2.65	Khá	
258	1354031553	Nguyễn Thị Ngọc ánh	08/09/1995	K58G_QLĐĐ	140	2.84	Khá	
259	1354030667	Phạm Thị Chi	07/09/1995	K58G_QLĐĐ	138	3.51	Giỏi	
260	1354031554	Nguyễn Thị Bích Diệp	05/01/1995	K58G_QLĐĐ	136	3.12	Khá	
261	1354030669	Lê Ngọc Diệu	05/02/1995	K58G_QLĐĐ	135	3.22	Giỏi	
262	1354031627	Trịnh Thị Hiền	13/12/1994	K58G_QLĐĐ	136	3	Khá	
263	1354031571	Phan Trọng Hoàn	20/02/1995	K58G_QLĐĐ	137	2.9	Khá	
264	1354030621	Phạm Thị Lanh	17/07/1994	K58G_QLĐĐ	135	2.88	Khá	
265	1354031623	Nguyễn Tuyết Lê	17/07/1995	K58G_QLĐĐ	137	2.8	Khá	
266	1354031544	Phạm Thị Khánh Linh	24/07/1995	K58G_QLĐĐ	137	2.88	Khá	
267	1354030623	Trần Ngọc Linh	06/10/1995	K58G_QLĐĐ	135	2.81	Khá	
268	1354031580	Nguyễn Quý Luật	31/08/1995	K58G_QLĐĐ	135	2.7	Khá	
269	1354031610	Trương Quang Minh	02/12/1994	K58G_QLĐĐ	137	2.79	Khá	
270	1354030563	Xông Bá Nênh	21/11/1995	K58G_QLĐĐ	135	2.74	Khá	
271	1354030607	Viên Thị Bích Ngọc	23/05/1995	K58G_QLĐĐ	135	2.94	Khá	
272	1354031531	Trần Thị Quỳnh Như	09/06/1995	K58G_QLĐĐ	136	2.98	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số TCTL	Điểm hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
273	1354052955	Trịnh Thị Diệu Oanh	30/06/1995	K58G_QLĐĐ	137	2.93	Khá	
274	1354031552	Nguyễn Thị Thu Phương	27/08/1995	K58G_QLĐĐ	136	3.03	Khá	
275	1354030558	Phạm Minh Quyên	23/05/1995	K58G_QLĐĐ	136	2.55	Khá	
276	1354030590	Bùi Hồng Sơn	03/05/1994	K58G_QLĐĐ	135	2.2	Trung bình	
277	1354030588	Nguyễn Thị Thanh Tâm	18/10/1994	K58G_QLĐĐ	137	3.23	Giỏi	
278	1354030601	Lê Thị Phương Thảo	20/10/1994	K58G_QLĐĐ	136	3.01	Khá	
279	1354031542	Lê Sĩ Thắng	10/04/1994	K58G_QLĐĐ	138	2.02	Trung bình	
280	1354030617	Phạm Thị Thơm	21/02/1995	K58G_QLĐĐ	136	2.86	Khá	
281	1353010350	Trương Thị Thu	14/04/1995	K58G_QLĐĐ	136	3.31	Giỏi	
282	1354030579	Lê Thị Thanh Trang	21/01/1995	K58G_QLĐĐ	135	2.66	Khá	
283	1354031551	Vì Văn Tú	13/07/1994	K58G_QLĐĐ	135	2.37	Trung bình	
284	1354031605	Vì Văn Tuấn	23/07/1994	K58G_QLĐĐ	135	3.09	Khá	
285	1354031547	Bàn Ngọc Tuyết	21/11/1995	K58G_QLĐĐ	135	3.47	Giỏi	
286	1354031583	Đỗ Ngọc Vĩ	05/01/1995	K58G_QLĐĐ	135	2.55	Khá	
287	1354031628	Dương Thị Hải Yến	28/11/1995	K58G_QLĐĐ	138	3.64	Xuất sắc	
288	1354030624	Hoàng Thị Yến	24/06/1994	K58G_QLĐĐ	138	2.67	Khá	
VIII	Ngành Lâm nghiệp đô thị: 47 SV							
1	1153040939	Đào Ngọc Văn	09/04/1993	K56_LNĐT	141	2.28	Trung bình	
2	1253041048	Lê Minh Cảnh	25/08/1994	K57_LNĐT	130	2.49	Trung bình	
3	1353043270	Nguyễn Đức Anh	30/08/1995	K58a_LNĐT	131	2.57	Khá	
4	1353043294	Tổng Quốc Đạt	06/01/1995	K58a_LNĐT	131	2.6	Khá	
5	1353043250	Trần Thị Giang	16/02/1995	K58a_LNĐT	131	3.38	Giỏi	
6	1353043282	Lăng Phương Hiền	28/04/1994	K58a_LNĐT	131	3.06	Khá	
7	1353043309	Trần Văn Hùng	22/10/1995	K58a_LNĐT	131	2.54	Khá	
8	1353043217	Nguyễn Văn Huy	03/10/1995	K58a_LNĐT	131	2.61	Khá	
9	1353043298	Nguyễn Tiến Hường	22/11/1995	K58a_LNĐT	131	2.73	Khá	
10	1353043306	Nguyễn Hoàng Long	20/08/1995	K58a_LNĐT	131	2.62	Khá	
11	1353043255	Tổng Thị Huyền Mai	19/08/1995	K58a_LNĐT	133	2.68	Khá	
12	1353043215	Bùi Thị Kim Ngân	06/09/1995	K58a_LNĐT	133	2.72	Khá	
13	1353043295	Nguyễn Thị Ngọc	17/04/1995	K58a_LNĐT	131	3.38	Giỏi	
14	1353043252	Trần Thị Hồng Ngọc	08/03/1995	K58a_LNĐT	131	3.23	Giỏi	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số TCTL	Điểm hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
15	1353043212	Nguyễn Thị Hồng Nhung	16/03/1995	K58a_LNĐT	131	2.91	Khá	
16	1353043245	Lưu Thị Ninh	14/11/1995	K58a_LNĐT	131	2.79	Khá	
17	1353043223	Nguyễn Thị Phương	23/10/1995	K58a_LNĐT	131	3.11	Khá	
18	1353043296	Đào Văn Quân	30/08/1995	K58a_LNĐT	131	2.59	Khá	
19	1353043220	Đặng Thị Hoa Trinh	09/07/1995	K58a_LNĐT	131	2.96	Khá	
20	1353043213	Lê Văn Tuấn	09/11/1995	K58a_LNĐT	131	2.57	Khá	
21	1353043235	Hoàng Tiến Tùng	01/10/1995	K58a_LNĐT	131	2.73	Khá	
22	1353043302	Sùng Thị Xinh	26/09/1995	K58a_LNĐT	131	2.99	Khá	
23	1353044005	Nguyễn Thị Yến	05/05/1995	K58a_LNĐT	135	3.04	Khá	
24	1353043238	Phạm Hoàng Yến	25/05/1995	K58a_LNĐT	131	2.58	Khá	
25	1353043307	Trần Nam Anh	26/11/1994	K58b_LNĐT	131	2.91	Khá	
26	1353043244	Hoàng Văn Cần	19/08/1995	K58b_LNĐT	131	2.45	Trung bình	
27	1353043261	Nguyễn Thùy Dung	18/11/1995	K58b_LNĐT	131	2.8	Khá	
28	1353043272	Phan Văn Dũng	27/05/1994	K58b_LNĐT	131	2.97	Khá	
29	1353043384	Nguyễn Huy Đạt	17/05/1995	K58b_LNĐT	131	2.95	Khá	
30	1353043265	Vũ Trọng Đạt	25/09/1995	K58b_LNĐT	131	3.26	Giỏi	
31	1353043285	Nguyễn Văn Hiệp	05/11/1995	K58b_LNĐT	131	2.91	Khá	
32	1353043219	Đoàn Thị Thanh Hoài	03/10/1995	K58b_LNĐT	131	2.99	Khá	
33	1353043277	Lê Quốc Huy	17/07/1994	K58b_LNĐT	131	2.7	Khá	
34	1353043216	Nguyễn Xuân Hường	16/02/1995	K58b_LNĐT	133	2.76	Khá	
35	1353043218	Nguyễn Bá Vũ Linh	28/07/1995	K58b_LNĐT	131	2.7	Khá	
36	1353043234	Khuất Thị Loan	06/02/1995	K58b_LNĐT	131	2.82	Khá	
37	1353044015	Đàm Duy Mạnh	19/10/1994	K58b_LNĐT	131	2.94	Khá	
38	1353043259	Trần Hồng Ngọc	03/02/1995	K58b_LNĐT	131	3.23	Khá	Thi lại quá 5%
39	1353043308	Ngô Huy Phúc	27/05/1994	K58b_LNĐT	131	2.96	Khá	
40	1353043300	Nguyễn Hồng Quyết	05/01/1995	K58b_LNĐT	131	2.52	Khá	
41	1353043257	Nguyễn Đức Thành	09/05/1995	K58b_LNĐT	131	3.03	Khá	
42	1353043273	Nguyễn Thị Thúy	12/03/1995	K58b_LNĐT	131	3.3	Giỏi	
43	1353043291	Nguyễn Tiến Toàn	14/06/1995	K58b_LNĐT	131	2.76	Khá	
44	1353043232	Trần Mai Trung	21/04/1995	K58b_LNĐT	131	2.73	Khá	
45	1353043240	Đào Đoàn Tụ	29/06/1995	K58b_LNĐT	131	2.7	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số TCTL	Điểm hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
46	1353043256	Nguyễn Anh Tuấn	09/06/1995	K58b_LNĐT	131	2.81	Khá	
47	1353043269	Nguyễn Thị Phi Yến	19/05/1994	K58b_LNĐT	133	2.83	Khá	
IX	Ngành Kiến trúc cảnh quan: 34 SV							
1	1253110908	Hà Việt Anh	07/08/1994	K57_KTCQ	155	2.55	Khá	
2	1253110909	Lê Tuấn Anh	15/12/1993	K57_KTCQ	153	2.6	Khá	
3	1253110910	Phạm Thị Kiều Anh	30/01/1994	K57_KTCQ	153	2.7	Khá	
4	1253112036	Vũ Tuấn Anh	20/11/1993	K57_KTCQ	154	2.82	Khá	
5	1253112037	Nguyễn Hữu Đạo	27/05/1994	K57_KTCQ	153	2.91	Khá	
6	1253110911	Lê Thành Đạt	22/01/1994	K57_KTCQ	161	2.71	Khá	
7	1253112038	Đỗ Minh Đức	27/08/1994	K57_KTCQ	155	3.01	Khá	
8	1251051219	Hồ Minh Đức	20/03/1994	K57_KTCQ	155	2.45	Trung bình	
9	1253110912	Nguyễn Minh Đức	07/04/1994	K57_KTCQ	154	2.23	Trung bình	
10	1253112039	Phạm Quang Đức	25/06/1993	K57_KTCQ	153	2.65	Khá	
11	1253111392	Trần Ngân Giang	22/02/1994	K57_KTCQ	153	2.93	Khá	
12	1253110913	Bùi Trung Hải	30/05/1994	K57_KTCQ	153	2.68	Khá	
13	1253110914	Hoàng Thị Thu Hằng	10/11/1994	K57_KTCQ	153	3.22	Giỏi	
14	1251052003	Phạm Minh Hằng	10/07/1994	K57_KTCQ	155	3.13	Khá	
15	1253111453	Linh Thu Hiền	02/09/1994	K57_KTCQ	155	2.88	Khá	
16	1253110917	Trần Hoàng	13/09/1994	K57_KTCQ	155	2.76	Khá	
17	1253110921	Nguyễn Quang Huy	31/12/1994	K57_KTCQ	153	2.78	Khá	
18	1253110920	Bùi Văn Hữu	11/12/1993	K57_KTCQ	153	2.95	Khá	
19	1253112047	Lê Duy Khánh	18/05/1994	K57_KTCQ	154	3.05	Khá	
20	1253110922	Nguyễn Diệu Linh	05/04/1994	K57_KTCQ	155	2.9	Khá	
21	1251041157	Vũ Hoàng Nam	21/12/1994	K57_KTCQ	157	2.62	Khá	
22	1253110923	Vũ Xuân Nghĩa	30/03/1994	K57_KTCQ	153	2.78	Khá	
23	1253110924	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	18/05/1994	K57_KTCQ	157	2.71	Khá	
24	1253112048	Lại Thị Nhân	25/10/1994	K57_KTCQ	153	2.64	Khá	
25	1253111559	Lê Thị Nhi	14/11/1994	K57_KTCQ	153	2.66	Khá	
26	1253110925	Nguyễn Tiến Phúc	13/12/1994	K57_KTCQ	154	2.57	Khá	
27	1253111552	Vũ Thị Như Quỳnh	15/06/1994	K57_KTCQ	153	3.12	Khá	
28	1253110926	Nguyễn Minh Thành	05/06/1994	K57_KTCQ	155	2.92	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Số TCTL	Điểm hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
29	1253110927	Đặng Văn	Thông	13/10/1994	K57_KTCQ	153	2.96	Khá	
30	1253112221	Lê Duy	Trường	30/11/1994	K57_KTCQ	155	3.23	Giỏi	
31	1253110929	Nguyễn Xuân	Trường	09/12/1994	K57_KTCQ	153	2.59	Khá	
32	1251051351	Nguyễn Hoàng	Tùng	16/12/1994	K57_KTCQ	153	2.75	Khá	
33	1253110931	Ngô Hoàng Thu	Uyên	24/12/1994	K57_KTCQ	153	2.67	Khá	
34	1253110932	Trần Thuỳ	Vân	25/12/1994	K57_KTCQ	153	2.82	Khá	
X	Ngành Thiết kế nội thất: 84 SV								
1	1151041168	Nguyễn Trường	Giang	14/08/1993	K56_TKNT	126	2.15	Trung bình	
2	1151041218	Lô Văn	Thương	02/11/1993	K56_TKNT	126	2.64	Khá	
3	1151041224	Nguyễn Sơn	Tùng	07/04/1992	K56_TKNT	126	2.61	Khá	
4	1251051208	Nguyễn Xuân	Diện	14/10/1993	K57a_TKNT	126	2.22	Trung bình	
5	1251042140	Nguyễn Duy	Hoàng	10/11/1994	K57a_TKNT	126	2.4	Trung bình	
6	1251041148	Trần Đức	Hung	24/12/1994	K57a_TKNT	126	2.57	Khá	
7	1251041131	Phạm Đức	Hải	10/10/1993	K57b_TKNT	126	2.66	Khá	
8	1251041191	Phạm Văn	Tuấn	13/02/1994	K57b_TKNT	126	2.1	Trung bình	
9	1351041211	Ngô Định	An	03/07/1994	K58A_TKNT	130	2.73	Khá	
10	1351041191	Nguyễn Thị	An	22/10/1995	K58A_TKNT	128	3.2	Giỏi	
11	1251051967	Trần Thị Vân	Anh	07/11/1993	K58A_TKNT	126	3.51	Giỏi	
12	1351050064	Võ Khánh	Bảo	13/07/1995	K58A_TKNT	128	3.27	Giỏi	
13	1351041181	Nguyễn Hà	Diễm	20/10/1995	K58A_TKNT	128	3.09	Khá	
14	1351041200	Đoàn Thanh	Dương	26/09/1995	K58A_TKNT	128	3.25	Khá	Thi lại quá 5%
15	1351041182	Trần Thị Thuỳ	Dương	03/05/1995	K58A_TKNT	128	2.91	Khá	
16	1351041186	Lê Anh	Đức	23/09/1995	K58A_TKNT	128	2.94	Khá	
17	1351041185	Trần Thị	Hằng	03/07/1995	K58A_TKNT	128	3.15	Khá	
18	1351050051	Lê Văn	Hiệp	05/10/1995	K58A_TKNT	128	3.07	Khá	
19	1351041216	Nguyễn Văn	Hiệp	09/05/1995	K58A_TKNT	128	2.79	Khá	
20	1351041209	Nguyễn Thị	Hòa	05/11/1995	K58A_TKNT	128	3.55	Giỏi	
21	1351050213	Nguyễn Minh	Hoạt	23/12/1995	K58A_TKNT	128	3.06	Khá	
22	1351041201	Nguyễn Thị	Hương	15/01/1995	K58A_TKNT	128	3.11	Khá	
23	1351041221	Trần Văn	Khánh	25/06/1995	K58A_TKNT	128	3.05	Khá	
24	1351050066	Phạm Văn	Kiểm	26/01/1995	K58A_TKNT	128	3.15	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số TCTL	Điểm hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
25	1351041202	Nguyễn Thị Bích Liên	16/09/1995	K58A_TKNT	128	3.24	Giỏi	
26	1351041193	Phạm Diệu Linh	01/03/1995	K58A_TKNT	128	3.32	Giỏi	
27	1351041203	Trần Thị Tú Linh	12/02/1995	K58A_TKNT	128	3.32	Giỏi	
28	1351042434	Nguyễn Thành Luân	31/01/1995	K58A_TKNT	130	2.79	Khá	
29	1351041183	Đỗ Đình Mạnh	26/09/1995	K58A_TKNT	128	3.1	Khá	
30	1351042438	Ngô Văn Mươi	08/04/1994	K58A_TKNT	128	2.9	Khá	
31	1351041220	Nguyễn Ngọc Nam	18/12/1995	K58A_TKNT	128	2.83	Khá	
32	1351041194	Phạm Văn Nam	12/05/1995	K58A_TKNT	128	2.38	Trung bình	
33	1351041208	Phùng Quốc Nam	11/10/1995	K58A_TKNT	128	3.16	Khá	
34	1351041195	Lê Thị Nga	11/11/1995	K58A_TKNT	128	2.98	Khá	
35	1351041215	Lê Thị Bích Ngọc	11/12/1995	K58A_TKNT	128	3.24	Khá	Thi lại quá 5%
36	1351082091	Nguyễn Thị Hồng Nhung	07/10/1995	K58A_TKNT	130	2.65	Khá	
37	1351042442	Ngô Thị Tú Oanh	04/01/1995	K58A_TKNT	128	3.19	Khá	
38	1351042451	Trương Thị Minh Phương	12/07/1994	K58A_TKNT	128	3.02	Khá	
39	1351041184	Hoàng Hương Quỳnh	19/05/1995	K58A_TKNT	128	2.91	Khá	
40	1351041188	Vũ Quang Thắng	07/08/1995	K58A_TKNT	128	2.52	Khá	
41	1351050037	Trịnh Văn Tinh	29/10/1994	K58A_TKNT	132	2.89	Khá	
42	1351041187	Trần Công Toán	16/02/1995	K58A_TKNT	130	3.08	Khá	
43	1351041207	Nguyễn Thị Thu Trang	17/05/1994	K58A_TKNT	128	3.11	Khá	
44	1351042457	Đỗ Thành Trung	06/03/1995	K58A_TKNT	128	3.49	Giỏi	
45	1351042444	Triệu Hải Yên	20/10/1994	K58A_TKNT	128	3.16	Khá	
46	1351062943	Nguyễn Văn Anh	31/05/1994	K58B_TKNT	128	2.95	Khá	
47	1351050244	Đỗ Như Ba	19/05/1995	K58B_TKNT	128	2.91	Khá	
48	1351041955	Lê Thanh Bình	07/05/1995	K58B_TKNT	128	3.05	Khá	
49	1351041981	Phùng Bá Chương	15/04/1995	K58B_TKNT	128	3.05	Khá	
50	1351041959	Nguyễn Thị Dung	30/10/1995	K58B_TKNT	128	3.52	Giỏi	
51	1351041983	Nguyễn Quang Duy	17/09/1995	K58B_TKNT	128	2.48	Trung bình	
52	1351041965	Đoàn Hương Giang	25/12/1994	K58B_TKNT	128	3.24	Giỏi	
53	1351041969	Nguyễn Văn Giáp	21/03/1994	K58B_TKNT	128	2.78	Khá	
54	1351041974	Vũ Thị Hằng	25/01/1995	K58B_TKNT	128	3.05	Khá	
55	1351041971	Nguyễn Thị Hậu	11/07/1995	K58B_TKNT	128	3.29	Giỏi	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Số TCTL	Điểm hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
56	1351041968	Mai Trần	Hoan	05/10/1995	K58B_TKNT	128	3.12	Khá	
57	1351041989	Nguyễn Đức	Hoàng	28/02/1995	K58B_TKNT	128	3.18	Khá	
58	1351041964	Trịnh Thị Việt	Hồng	17/01/1995	K58B_TKNT	128	3.45	Giỏi	
59	1351041945	Đỗ Văn	Huỳnh	01/05/1994	K58B_TKNT	128	3.03	Khá	
60	1351012001	Hoàng Thị Lan	Hương	22/05/1994	K58B_TKNT	128	3.56	Giỏi	
61	1351050166	Phùng Văn	Khánh	28/09/1995	K58B_TKNT	128	3.36	Giỏi	
62	1351041988	Phạm Thị Thu	Lâm	23/08/1995	K58B_TKNT	128	2.87	Khá	
63	1351042464	Nguyễn Duy	Long	23/12/1995	K58B_TKNT	126	2.98	Khá	
64	1351042433	Phạm Thị	Mai	06/12/1995	K58B_TKNT	128	2.77	Khá	
65	1351041966	Vũ Tuấn	Nam	01/11/1995	K58B_TKNT	128	3.14	Khá	
66	1351041976	Vũ Thị	Nhàn	26/02/1995	K58B_TKNT	128	3.02	Khá	
67	1351050074	Lê Thị Kim	Oanh	16/01/1995	K58B_TKNT	128	2.93	Khá	
68	1351041949	Trần Thị Hoàng	Oanh	20/06/1995	K58B_TKNT	128	3.07	Khá	
69	1351042460	Hoàng Minh	Phương	02/08/1995	K58B_TKNT	128	3.11	Khá	
70	1351042446	Nguyễn Văn	Quân	03/02/1995	K58B_TKNT	128	2.85	Khá	
71	1351050180	Đỗ Ngọc	Sang	23/02/1995	K58B_TKNT	130	3.01	Khá	
72	1351041962	Đặng Thị	Sáu	15/06/1995	K58B_TKNT	128	3.28	Giỏi	
73	1351041952	Đặng Tuấn	Thành	22/01/1995	K58B_TKNT	128	2.86	Khá	
74	1351041970	Vũ Văn	Thành	15/11/1995	K58B_TKNT	128	3.33	Giỏi	
75	1351041987	Mai Thị Minh	Thảo	21/05/1995	K58B_TKNT	128	3.44	Giỏi	
76	1351042439	Vũ Minh	Thời	15/12/1995	K58B_TKNT	128	2.99	Khá	
77	1351042454	Lê Trung	Tín	10/01/1994	K58B_TKNT	128	2.88	Khá	
78	1351050133	Vũ Đình	Toán	04/01/1995	K58B_TKNT	130	2.76	Khá	
79	1351042443	Nguyễn Thị	Trang	13/05/1994	K58B_TKNT	128	3.09	Khá	
80	1351041967	Phạm Bảo	Trung	08/10/1994	K58B_TKNT	128	2.87	Khá	
81	1351050165	Chu Xuân	Trường	21/11/1995	K58B_TKNT	126	2.75	Khá	
82	1351041990	Nguyễn Thị	Tuyến	10/08/1995	K58B_TKNT	128	3.33	Giỏi	
83	1351041982	Đàm Như	ý	15/01/1995	K58B_TKNT	128	2.87	Khá	
84	1351041953	Phan Lạc Như	ý	12/06/1995	K58B_TKNT	128	2.99	Khá	
XI	Ngành Lâm nghiệp: 19 SV								
1	1353133168	Lý Văn	Công	25/04/1995	K58_LN	134	2.57	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số TCTL	Điểm hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
2	1353133200	Hoàng Văn Doanh	15/03/1995	K58_LN	132	2.8	Khá	
3	1353133186	Lê Minh Dương	24/08/1993	K58_LN	132	2.38	Trung bình	
4	1353133149	Nguyễn Thị Giang	27/03/1995	K58_LN	132	2.95	Khá	
5	1353133185	Nguyễn Thái Hải	14/07/1995	K58_LN	132	2.27	Trung bình	
6	1353133175	Chẳng Kim Hoàn	10/10/1995	K58_LN	132	2.64	Khá	
7	1353133179	Phạm Xuân Hưng	08/01/1995	K58_LN	132	2.47	Trung bình	
8	1353133194	Nguyễn Tuấn Khải	25/03/1995	K58_LN	132	2.59	Khá	
9	1353133145	Nguyễn Hữu Nam	02/02/1990	K58_LN	132	2.98	Khá	
10	1353133207	Mai Thị Nhõn	24/04/1994	K58_LN	132	3.11	Khá	
11	1353133158	Đinh Ngân Phượng	20/05/1995	K58_LN	132	2.52	Khá	
12	1353133146	Nguyễn Hữu Thái	07/10/1995	K58_LN	132	3.01	Khá	
13	1353133184	Ngô Phương Thảo	13/08/1995	K58_LN	132	2.95	Khá	
14	1353133188	Khoàng Thị Thắm	11/11/1995	K58_LN	132	2.62	Khá	
15	1353133382	Lê Thị Thu	09/04/1995	K58_LN	132	2.77	Khá	
16	1353133161	Nguyễn Thị Trang	30/08/1995	K58_LN	132	3.05	Khá	
17	1353133171	Trần Văn Trung	18/01/1995	K58_LN	132	2.87	Khá	
18	1353133348	Đặng Đình Tuấn	01/03/1995	K58_LN	132	2.56	Khá	
19	1353133173	Tạ Nhật Vương	31/10/1995	K58_LN	132	2.59	Khá	
XII	Ngành Lâm sinh: 118 SV							
1	1153010244	Nông Văn Hùng	01/12/1992	K56_Lâm sinh	138	2	Trung bình	
2	1253011880	Bùi Chiêu Dương	04/02/1994	K57a_Lâm sinh	137	2.03	Trung bình	
3	1253010885	Triệu Văn Huy	16/02/1990	K57a_Lâm sinh	134	2.04	Trung bình	
4	1353010402	Hà Văn Anh	08/08/1995	K58A_LS	136	2.85	Khá	
5	1353010503	Trương Thị Hồng Anh	05/05/1995	K58A_LS	136	2.68	Khá	
6	1353010491	Lê Ngọc ánh	17/10/1994	K58A_LS	136	3.03	Khá	
7	1353010379	Nguyễn Ngọc Châm	26/06/1995	K58A_LS	136	3.48	Giỏi	
8	1353010542	Nguyễn Yên Chi	18/04/1995	K58A_LS	136	2.63	Khá	
9	1351050078	Trịnh Quốc Cường	28/06/1995	K58A_LS	136	2.64	Khá	
10	1353010396	Phan Thị Dinh	27/12/1994	K58A_LS	136	2.64	Khá	
11	1353010343	Mai Thị Dung	29/07/1995	K58A_LS	136	3.53	Giỏi	
12	1353010387	Mai Trí Dũng	22/12/1995	K58A_LS	136	3.14	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số TCTL	Điểm hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
13	1353010513	Trần Đăng Dũng	29/01/1995	K58A_LS	136	2.62	Khá	
14	1353022357	Lê Khánh Duy	06/06/1995	K58A_LS	136	2.56	Khá	
15	1353010429	Lò Văn Đạt	28/12/1994	K58A_LS	136	2.28	Trung bình	
16	1353010460	Nguyễn Hoàng Đức	19/04/1994	K58A_LS	136	2.75	Khá	
17	1353011206	Phạm Việt Đức	01/05/1994	K58A_LS	136	2.63	Khá	
18	1353010454	Tòng Trung Đức	26/05/1994	K58A_LS	136	2.68	Khá	
19	1353010505	Bùi Thị Hải Hà	06/07/1994	K58A_LS	136	3.48	Giỏi	
20	1351072773	Lê Viêt Hà	23/05/1995	K58A_LS	136	2.56	Khá	
21	1354052980	Nguyễn Thị Bích Hào	10/09/1994	K58A_LS	136	2.81	Khá	
22	1353020907	Triệu Thị Hoan	27/06/1995	K58A_LS	136	2.92	Khá	
23	1353091896	Bùi Đức Mạnh	06/09/1995	K58A_LS	136	2.56	Khá	
24	1353091912	Phạm Tiến Miên	08/08/1995	K58A_LS	136	2.5	Khá	
25	1353061381	Lê Thị Thu Nhật	28/04/1995	K58A_LS	136	3.09	Khá	
26	1353071231	Khuất Thị Quyên	22/04/1994	K58A_LS	136	3.16	Khá	
27	1354032759	Trần Nam Sơn	20/11/1995	K58A_LS	136	2.28	Trung bình	
28	1353060196	Phạm Văn Thịnh	03/11/1995	K58A_LS	136	2.96	Khá	
29	1353010482	Mông Thị Thoá	06/09/1995	K58A_LS	136	2.96	Khá	
30	1353010422	Hà Thị Thủy	10/03/1995	K58A_LS	136	2.75	Khá	
31	1353010349	Nguyễn Quang Thương	02/09/1995	K58A_LS	136	2.63	Khá	
32	1353011190	Hoàng Xuân Toàn	16/01/1991	K58A_LS	136	3.01	Khá	
33	1353011203	Lê Thị Huyền Trang	20/08/1994	K58A_LS	136	2.83	Khá	
34	1353022411	Nguyễn Văn Triệu	05/11/1994	K58A_LS	136	3.63	Xuất sắc	
35	1351011999	Nguyễn Đức Trường	05/08/1995	K58A_LS	136	2.67	Khá	
36	1353010346	Đỗ Thanh Tùng	23/08/1995	K58A_LS	136	3.12	Khá	
37	1353010412	Nguyễn Văn Tùng	19/01/1995	K58A_LS	136	2.39	Trung bình	
38	1353010370	Trần Tùng	03/02/1995	K58A_LS	136	2.65	Khá	
39	1353010389	Phạm Tuyên	28/08/1995	K58A_LS	136	2.56	Khá	
40	1353010366	Đinh Xuân Tự	17/02/1995	K58A_LS	136	2.52	Khá	
41	1353010382	Nguyễn Tiến Vũ	02/09/1995	K58A_LS	136	3.21	Giỏi	
42	1354011116	Nguyễn Đức Vượng	23/06/1994	K58A_LS	136	2.4	Trung bình	
43	1353043263	Hoàng Hải Cương	18/10/1994	K58B_LS	136	2.72	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số TCTL	Điểm hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
44	1353100772	Lã Văn Dương	17/10/1995	K58B_LS	136	3.02	Khá	
45	1354032276	Nguyễn Việt Đức	11/08/1995	K58B_LS	136	2.63	Khá	
46	1353010480	Cao Thị Thu Hà	11/08/1995	K58B_LS	136	2.62	Khá	
47	1353010470	Lù Văn Hải	28/07/1992	K58B_LS	136	2.56	Khá	
48	1353010519	Nguyễn Xuân Hải	25/09/1991	K58B_LS	136	2.36	Trung bình	
49	1353011189	Phạm Văn Hạnh	13/01/1995	K58B_LS	136	2.94	Khá	
50	1353010545	Hà Thu Hiền	20/12/1995	K58B_LS	136	2.54	Khá	
51	1353010490	Lê Thị Thu Hiền	21/05/1995	K58B_LS	136	2.69	Khá	
52	1353010517	Phạm Thị Thu Hiền	28/09/1994	K58B_LS	136	2.87	Khá	
53	1353010368	Trần Mạnh Hùng	01/09/1995	K58B_LS	138	2.61	Khá	
54	1353010407	Đoàn Thị Huyền	11/07/1995	K58B_LS	136	2.67	Khá	
55	1353010414	Đồng Quang Hưng	23/01/1994	K58B_LS	136	2.3	Trung bình	
56	1353010499	Nguyễn Quốc Khánh	02/09/1995	K58B_LS	136	2.5	Khá	
57	1353011194	Phan Duy Kiên	28/02/1995	K58B_LS	136	2.61	Khá	
58	1353010481	Nguyễn Thị Thúy Liễu	12/05/1995	K58B_LS	136	2.6	Khá	
59	1353011212	Đặng Thị ái Linh	23/01/1995	K58B_LS	136	2.92	Khá	
60	1353010531	Nguyễn Hữu Long	13/06/1995	K58B_LS	136	2.35	Trung bình	
61	1353010546	Hà Văn Lợi	26/03/1995	K58B_LS	136	2.11	Trung bình	
62	1353010484	Ngô Thị Mai	10/10/1995	K58B_LS	136	3.05	Khá	
63	1353010467	Triệu Văn Mạnh	15/03/1994	K58B_LS	136	2.52	Khá	
64	1353011196	Đỗ Hoàng Minh	14/08/1995	K58B_LS	136	2.73	Khá	
65	1353010451	Lý Tà Nái	11/12/1988	K58B_LS	136	2.65	Khá	
66	1353011209	Đỗ Hải Nam	10/12/1994	K58B_LS	136	2.67	Khá	
67	1353013407	Phạm Tuấn Nam	27/03/1995	K58B_LS	136	2.75	Khá	
68	1353010483	Phạm Thị Ngân	14/06/1995	K58B_LS	136	2.94	Khá	
69	1353010530	Đào Thị Bích Ngọc	18/05/1995	K58B_LS	136	2.86	Khá	
70	1353010450	Trần Thị Ngọc	05/08/1994	K58B_LS	136	2.54	Khá	
71	1353010384	Phạm Thị Hồng Nhung	06/05/1995	K58B_LS	136	3.45	Giỏi	
72	1353010369	Nguyễn Thị Oanh	11/04/1995	K58B_LS	136	3.01	Khá	
73	1353010446	Thào A Phênh	09/04/1994	K58B_LS	136	2.78	Khá	
74	1353010364	Nguyễn Thị Phương	21/03/1995	K58B_LS	136	3.31	Giỏi	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số TCTL	Điểm hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
75	1353010507	Cần Xuân Quang	04/01/1994	K58B_LS	136	2.55	Khá	
76	1354052962	Đinh Thị Quyên	07/09/1995	K58B_LS	136	2.87	Khá	
77	1353010501	Kiều Nam Quyết	21/03/1995	K58B_LS	136	2.73	Khá	
78	1353021878	Lê Lương Diệu Quỳnh	17/07/1995	K58B_LS	136	2.71	Khá	
79	1353011207	Chào Ngọc Thái	18/05/1995	K58B_LS	136	2.35	Trung bình	
80	1353010362	Nguyễn Việt Thành	22/08/1995	K58B_LS	136	2.63	Khá	
81	1353010358	Bùi Thị Thảo	01/09/1995	K58B_LS	136	2.84	Khá	
82	1353010403	Nguyễn Đức Thảo	06/08/1995	K58B_LS	136	2.57	Khá	
83	1353020959	Trần Văn Trinh	02/02/1995	K58B_LS	136	2.64	Khá	
84	1353133202	Dương Xuân Tuấn	09/02/1995	K58B_LS	136	2.78	Khá	
85	1353010488	Ong Thị Thu Hà	01/09/1995	K58C_LS	136	3.08	Khá	
86	1353010474	Nguyễn Thanh Hải	01/04/1994	K58C_LS	138	2.41	Trung bình	
87	1353010431	Liệu Thị Lệ Hằng	08/06/1993	K58C_LS	136	3	Khá	
88	1353010361	Bùi Văn Hiến	20/07/1995	K58C_LS	136	2.38	Trung bình	
89	1353010485	Bùi Thị Thanh Huyền	27/02/1995	K58C_LS	136	2.95	Khá	
90	1353010360	Nguyễn Thị Hường	01/05/1995	K58C_LS	136	2.4	Trung bình	
91	1353010498	Vũ Duy Khánh	05/05/1994	K58C_LS	136	2.84	Khá	
92	1353010400	Hà Văn Khôn	02/02/1994	K58C_LS	136	2.69	Khá	
93	1353010448	Bùi Hồng Linh	02/12/1990	K58C_LS	136	2.71	Khá	
94	1353010471	Hoàng Thị Loan	04/11/1994	K58C_LS	136	2.92	Khá	
95	1353010427	Nguyễn Văn Long	03/02/1994	K58C_LS	136	2.32	Trung bình	
96	1353010528	Nông Kim Ngoan	07/06/1991	K58C_LS	136	2.82	Khá	
97	1353010413	Hoàng Thị Nguyệt	04/09/1994	K58C_LS	136	2.76	Khá	
98	1353011200	Lý Ngọc Oanh	29/06/1995	K58C_LS	136	2.98	Khá	
99	1353010372	Phan Trọng Oánh	08/06/1994	K58C_LS	136	2.87	Khá	
100	1353011195	Lê Văn Phương	10/10/1995	K58C_LS	136	2.23	Trung bình	
101	1353010351	Lê Thị Quỳnh	18/06/1995	K58C_LS	136	3.17	Khá	
102	1353010523	Bùi Xuân Sơn	25/02/1995	K58C_LS	136	2.72	Khá	
103	1353011202	Nguyễn Duy Anh	11/07/1995	K58D_LS	136	2.68	Khá	
104	1353011210	Trần Tuấn Anh	12/10/1995	K58D_LS	138	2.51	Khá	
105	1353010522	Trần Văn Cương	16/10/1994	K58D_LS	136	2.84	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số TCTL	Điểm hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
106	1353010520	Triệu Mạnh Duy	08/08/1995	K58D_LS	136	2.58	Khá	
107	1353010506	Trần Trung Đức	14/05/1995	K58D_LS	136	2.57	Khá	
108	1353010533	Đinh Thị Thu Giang	01/06/1995	K58D_LS	136	2.8	Khá	
109	1353010354	Hoàng Thị Diệu Thêm	25/05/1995	K58D_LS	136	2.78	Khá	
110	1353010514	Nghiêm Văn Thịnh	21/05/1994	K58D_LS	140	2.97	Khá	
111	1353010447	Lang Thị Tính	01/07/1994	K58D_LS	136	2.48	Trung bình	
112	1353010375	Nguyễn Thị Thu Trang	27/07/1995	K58D_LS	136	3.28	Giỏi	
113	1353011186	Hoàng Thị Trinh	22/09/1995	K58D_LS	136	2.94	Khá	
114	1353010441	Nông Thị Trung	27/07/1994	K58D_LS	136	2.73	Khá	
115	1353010380	Hoàng Đức Tú	25/07/1995	K58D_LS	136	2.11	Trung bình	
116	1353010352	Nguyễn Thanh Tùng	26/08/1995	K58D_LS	136	2.51	Khá	
117	1353010433	Phạm Kim Tùng	06/10/1995	K58D_LS	136	3.27	Giỏi	
118	1353010455	Vi Văn Tuyên	18/02/1994	K58D_LS	136	2.85	Khá	
XIII	Ngành Quản lý tài nguyên rừng: 167 SV							
1	1153020175	Nông Văn Tuyên	27/04/1990	K56b_QLTNR	136	2.01	Trung bình	
2	1253020170	Mã Xuân Bằng	02/10/1992	K57a_QLTNR	133	2.05	Trung bình	
3	1253020178	Lang Văn Diên	08/10/1992	K57a_QLTNR	135	2.01	Trung bình	
4	1253020209	Trịnh Văn Phúc	25/09/1992	K57a_QLTNR	133	2.05	Trung bình	
5	1253020211	Nguyễn Ngọc Sáng	11/04/1992	K57a_QLTNR	134	2.01	Trung bình	
6	1253020217	Vũ Đức Thái	12/01/1994	K57a_QLTNR	134	2.04	Trung bình	
7	1253020223	Hà Văn Thống	05/07/1992	K57a_QLTNR	133	2.01	Trung bình	
8	1253020224	Vi Thị Thủy	27/09/1993	K57a_QLTNR	135	2.32	Trung bình	
9	1253020159	Mã Văn Triều	15/09/1989	K57b_QLTNR	133	2.01	Trung bình	
10	1253021662	Nguyễn Thành Trung	08/02/1993	K57b_QLTNR	134	2.04	Trung bình	
11	1353020863	Nguyễn Trọng Ngọc Anh	12/11/1995	K58AQLTNR	133	3.02	Khá	
12	1353020903	Ma Văn Bình	16/04/1995	K58AQLTNR	133	2.16	Trung bình	
13	1353020851	Vũ Văn Chính	25/07/1994	K58AQLTNR	133	2.93	Khá	
14	1353022345	Nguyễn Thành Công	18/12/1994	K58AQLTNR	133	3.3	Giỏi	
15	1354023095	Mai Văn Cương	20/05/1995	K58AQLTNR	134	2.52	Khá	
16	1353020850	Bùi Hữu Cường	11/02/1994	K58AQLTNR	133	2.7	Khá	
17	1353020942	Đỗ Cao Cường	23/08/1994	K58AQLTNR	133	2.4	Trung bình	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số TCTL	Điểm hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
18	1353020952	Lê Cường	17/03/1994	K58AQLTNR	133	2.59	Khá	
19	1353022396	Nguyễn Việt Dương	05/05/1993	K58AQLTNR	133	2.97	Khá	
20	1353020940	Lê Hữu Hải	19/07/1993	K58AQLTNR	133	2.57	Khá	
21	1353022314	Đinh Văn Hiêm	16/09/1995	K58AQLTNR	136	2.58	Khá	
22	1353020840	Đinh Thị Hiền	12/07/1995	K58AQLTNR	133	3.19	Khá	
23	1353020880	Nguyễn Mạnh Hùng	20/10/1995	K58AQLTNR	137	2.59	Khá	
24	1353020955	Phạm Trần Hùng	01/09/1995	K58AQLTNR	133	2.52	Khá	
25	1353022392	Lê Đàm Huy	01/03/1995	K58AQLTNR	135	2.7	Khá	
26	1353020896	Đinh Văn Khang	27/08/1995	K58AQLTNR	133	2.68	Khá	
27	1353020865	Lý Văn Khánh	24/03/1995	K58AQLTNR	133	2.88	Khá	
28	1353020950	Nguyễn Thị Khương	02/02/1994	K58AQLTNR	133	2.81	Khá	
29	1353020958	Phạm Khánh Lâm	05/11/1995	K58AQLTNR	135	2.77	Khá	
30	1353022402	Hoàng Thị Linh	02/11/1995	K58AQLTNR	133	3.27	Giỏi	
31	1353020894	Nguyễn Hoài Linh	11/02/1995	K58AQLTNR	133	3.07	Khá	
32	1353020915	Nguyễn Thị Loan	13/12/1992	K58AQLTNR	134	3.02	Khá	
33	1353020920	Nguyễn Hoàng Long	09/05/1994	K58AQLTNR	134	2.74	Khá	
34	1353020910	Hoàng Quang Luận	01/05/1995	K58AQLTNR	133	3.18	Khá	
35	1353133211	Lê Đức Mạnh	24/03/1995	K58AQLTNR	133	2.46	Trung bình	
36	1353020857	Hoàng Văn Nam	08/03/1995	K58AQLTNR	134	2.76	Khá	
37	1353020895	Nguyễn Văn Nam	10/06/1993	K58AQLTNR	133	2.32	Trung bình	
38	1353020899	Mạc Thị Ngần	08/03/1995	K58AQLTNR	133	2.85	Khá	
39	1353020862	Vũ Tuyết Nhung	18/06/1995	K58AQLTNR	133	3.07	Khá	
40	1353020977	Hoàng Mạnh Quyền	08/06/1995	K58AQLTNR	135	2.78	Khá	
41	1353020841	Trương Hồng Sơn	08/02/1995	K58AQLTNR	133	2.72	Khá	
42	1353020893	Lò Văn Tài	08/02/1995	K58AQLTNR	133	2.12	Trung bình	
43	1353020957	Hà Văn Tân	15/07/1994	K58AQLTNR	133	2.79	Khá	
44	1353020968	Nguyễn Ngọc Thành	25/09/1995	K58AQLTNR	137	2.7	Khá	
45	1353020898	Nguyễn Ngọc Thắng	18/06/1995	K58AQLTNR	133	2.63	Khá	
46	1353070058	Nguyễn Thị Thủy	28/12/1995	K58AQLTNR	133	3.4	Giỏi	
47	1353020905	Hoàng Văn Tinh	20/06/1994	K58AQLTNR	134	3.34	Giỏi	
48	1353020904	Nguyễn Quang Trung	19/07/1994	K58AQLTNR	135	2.21	Trung bình	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số TCTL	Điểm hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
49	1353020931	Nguyễn Xuân Trường	25/05/1993	K58AQLTNR	133	2.52	Khá	
50	1353020911	Đặng Văn Tùng	07/03/1995	K58AQLTNR	133	2.27	Trung bình	
51	1353020924	Quảng Văn Tùng	15/03/1993	K58AQLTNR	135	2.24	Trung bình	
52	1353020873	Phạm Thị Tuyết	19/03/1995	K58AQLTNR	133	2.71	Khá	
53	1353020889	Triệu Quang Vinh	03/09/1994	K58AQLTNR	133	2.65	Khá	
54	1353020943	Dương Thị Yến	10/02/1994	K58AQLTNR	133	2.76	Khá	
55	1353021890	Bùi Hữu Bắc	26/09/1994	K58B_QLTNR	134	2.67	Khá	
56	1353021801	Vì Văn Bốn	18/11/1997	K58B_QLTNR	133	2.66	Khá	
57	1353021821	Võ Tá Dũng	22/12/1994	K58B_QLTNR	134	2.69	Khá	
58	1353021797	Nông Văn Đoàn	03/11/1995	K58B_QLTNR	133	2.55	Khá	
59	1353023352	Nguyễn Hoàng Giáp	09/03/1994	K58B_QLTNR	133	2.75	Khá	
60	1353022383	Đỗ Đức Hà	26/10/1995	K58B_QLTNR	133	2.84	Khá	
61	1353021884	Hoàng Trung Hạng	19/10/1995	K58B_QLTNR	134	2.45	Trung bình	
62	1353021848	Chư Lê Bích Huệ	22/11/1995	K58B_QLTNR	133	2.9	Khá	
63	1353021894	Nguyễn Văn Huy	20/04/1995	K58B_QLTNR	135	3.12	Khá	
64	1353021868	Tao Thị Hường	12/11/1994	K58B_QLTNR	134	2.62	Khá	
65	1353021766	Hà Thị Liễu	06/10/1995	K58B_QLTNR	134	2.95	Khá	
66	1353021809	Hà Kim Long	08/08/1995	K58B_QLTNR	133	2.77	Khá	
67	1353022338	Lương Văn Lực	28/11/1995	K58B_QLTNR	133	2.64	Khá	
68	1353021892	Nguyễn Thị Hương Ly	23/01/1995	K58B_QLTNR	133	3.36	Giỏi	
69	1353022408	Đinh Thị Ngọc	25/10/1994	K58B_QLTNR	134	2.92	Khá	
70	1353021815	Lò Văn Nhập	11/03/1995	K58B_QLTNR	133	2.64	Khá	
71	1353021771	Triệu Thúy Phượng	08/05/1995	K58B_QLTNR	133	2.65	Khá	
72	1353021805	Vũ Văn Quang	15/05/1994	K58B_QLTNR	134	2.89	Khá	
73	1353021886	Lãnh Hồng Quân	10/10/1995	K58B_QLTNR	133	2.57	Khá	
74	1353101750	Nguyễn Thị Quỳnh	06/04/1995	K58B_QLTNR	133	2.61	Khá	
75	1354030615	Trần Sơn Quỳnh	03/04/1995	K58B_QLTNR	133	2.76	Khá	
76	1353021831	Viên Thanh Tú	21/11/1995	K58B_QLTNR	133	3.03	Khá	
77	1353021756	Nguyễn Viết Tuấn	18/01/1995	K58B_QLTNR	133	2.56	Khá	
78	1353021826	Trần Văn Tuấn	12/08/1994	K58B_QLTNR	134	2.19	Trung bình	
79	1353021773	Đỗ Thanh Tùng	24/04/1992	K58B_QLTNR	133	2.72	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số TCTL	Điểm hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
80	1353022336	Trần Nhật Anh	17/09/1995	K58C_QLTNR	133	3.35	Giỏi	
81	1353022334	Hứa Văn Bảng	21/10/1995	K58C_QLTNR	132	2.55	Khá	
82	1353022313	Trịnh Văn Cường	10/09/1994	K58C_QLTNR	133	2.83	Khá	
83	1353022315	Đàm Vũ Trường Giang	25/10/1995	K58C_QLTNR	133	2.61	Khá	
84	1353022374	Giàng A Giàng	14/03/1995	K58C_QLTNR	133	2.93	Khá	
85	1353022399	Nguyễn Thị Thu Hằng	30/04/1995	K58C_QLTNR	133	3.32	Giỏi	
86	1353022312	Lê Trần Hiền	12/05/1995	K58C_QLTNR	133	2.35	Trung bình	
87	1353022385	Trần Trung Hiếu	08/08/1995	K58C_QLTNR	133	2.61	Khá	
88	1353022390	Trần Huy Hoàng	29/11/1995	K58C_QLTNR	133	2.79	Khá	
89	1353022317	Lê Thu Hương	29/10/1995	K58C_QLTNR	133	2.98	Khá	
90	1353022359	Triệu Văn Linh	15/07/1994	K58C_QLTNR	133	2.78	Khá	
91	1353022401	Lò Thị Loan	19/01/1995	K58C_QLTNR	133	2.79	Khá	
92	1353022395	Đoàn Xuân Lương	01/06/1995	K58C_QLTNR	133	2.79	Khá	
93	1353022326	Nguyễn Quang Minh	25/03/1995	K58C_QLTNR	133	2.64	Khá	
94	1353022355	Phùng Thanh Nam	22/05/1995	K58C_QLTNR	133	2.72	Khá	
95	1353022377	Bùi Thị Nhung	28/05/1995	K58C_QLTNR	133	2.47	Trung bình	
96	1353022388	Đỗ Văn Nội	10/12/1994	K58C_QLTNR	133	2.65	Khá	
97	1353022323	Vũ Đức Tâm	30/04/1995	K58C_QLTNR	133	2.27	Trung bình	
98	1353022349	Trương Văn Thành	12/08/1995	K58C_QLTNR	133	2.19	Trung bình	
99	1353022325	Đinh Thị Thảo	18/07/1995	K58C_QLTNR	133	3.23	Giỏi	
100	1353022416	Dương Thị Thư	16/10/1995	K58C_QLTNR	133	2.78	Khá	
101	1353022361	Hoàng Văn Trọng	15/07/1995	K58C_QLTNR	133	2.53	Khá	
102	1353022310	Nguyễn Văn Trung	21/10/1995	K58C_QLTNR	136	2.55	Khá	
103	1353022373	Nghiêm Văn Trường	12/06/1996	K58C_QLTNR	133	2.42	Trung bình	
104	1353023349	Nguyễn Đặng Trường	05/06/1995	K58C_QLTNR	133	2.78	Khá	
105	1353022341	Lương Văn Tú	10/07/1995	K58C_QLTNR	133	2.58	Khá	
106	1353022371	Bùi Anh Tuấn	06/12/1995	K58C_QLTNR	133	2.58	Khá	
107	1353022332	Hoàng Văn Tuấn	19/11/1994	K58C_QLTNR	135	2.91	Khá	
108	1353022407	Đinh Thanh Tuyên	23/09/1994	K58C_QLTNR	133	2.25	Trung bình	
109	1353022381	Giàng Lập Vảng	06/10/1995	K58C_QLTNR	134	2.46	Trung bình	
110	1353022375	Nguyễn Văn Vũ	24/05/1995	K58C_QLTNR	133	2.34	Trung bình	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số TCTL	Điểm hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
111	1353020890	Đinh Thị Vân Anh	12/12/1995	K58D_QLTNR	133	2.65	Khá	
112	1353020845	Nguyễn Huy Bình	10/03/1995	K58D_QLTNR	133	2.71	Khá	
113	1353020944	Dương Mạnh Cường	15/11/1994	K58D_QLTNR	133	2.38	Trung bình	
114	1353020872	Đinh Thiện Dưỡng	26/05/1995	K58D_QLTNR	133	2.77	Khá	
115	1353022360	Phạm Văn Định	01/02/1995	K58D_QLTNR	136	2.77	Khá	
116	1353020853	Lê Nguyên Hoàng	17/06/1995	K58D_QLTNR	133	2.13	Trung bình	
117	1353020953	Phạm Anh Hoàng	20/10/1995	K58D_QLTNR	133	2.7	Khá	
118	1353020891	Hà Thị Huệ	11/04/1995	K58D_QLTNR	141	3.27	Giỏi	
119	1353020887	Lê Đình Hùng	19/05/1995	K58D_QLTNR	133	3.29	Khá	Thi lại quá 5%
120	1353020875	Nguyễn Trọng Hùng	18/10/1994	K58D_QLTNR	133	2.59	Khá	
121	1353020867	Hà Hoàng Long	27/09/1995	K58D_QLTNR	133	2.39	Trung bình	
122	1353020917	Hồ A Minh	09/11/1994	K58D_QLTNR	133	2.65	Khá	
123	1353020916	Hoàng Văn Quang	05/02/1995	K58D_QLTNR	137	2.46	Trung bình	
124	1353020976	Nguyễn Trọng Tài	20/03/1995	K58D_QLTNR	133	2.45	Trung bình	
125	1353020936	Mã Anh Thế	28/02/1994	K58D_QLTNR	133	2.09	Trung bình	
126	1353023389	Phan Ngọc Toán	07/04/1995	K58D_QLTNR	134	2.34	Trung bình	
127	1353020933	Lê Thị Việt Trinh	03/10/1995	K58D_QLTNR	133	3.11	Khá	
128	1353020883	Hoàng Kim Trung	24/04/1994	K58D_QLTNR	134	2.53	Khá	
129	1353020843	Đoàn Thanh Truyền	19/07/1993	K58D_QLTNR	133	2.12	Trung bình	
130	1353020913	Dương Văn Tú	02/09/1995	K58D_QLTNR	133	2.51	Khá	
131	1353020870	Bùi Văn Tuấn	17/08/1994	K58D_QLTNR	133	2.58	Khá	
132	1353020864	Trần Quốc Tuấn	02/09/1995	K58D_QLTNR	132	2.31	Trung bình	
133	1353020856	Lê Anh Tùng	02/12/1994	K58D_QLTNR	133	2.44	Trung bình	
134	1353020885	Lự Thanh Tuyền	21/03/1995	K58D_QLTNR	133	2.57	Khá	
135	1353020844	Đặng Tuấn Vũ	29/09/1995	K58D_QLTNR	133	2.4	Trung bình	
136	1353020900	Chu Thanh Yên	15/09/1995	K58D_QLTNR	138	3.48	Giỏi	
137	1353021804	Lê Tế Anh	08/07/1995	K58E_QLTNR	134	2.69	Khá	
138	1353013412	Nguyễn Tuấn Anh	10/08/1994	K58E_QLTNR	136	2.75	Khá	
139	1353021763	Hoàng Giang Biên	15/09/1995	K58E_QLTNR	133	2.77	Khá	
140	1353021832	Đào Thế Cường	14/10/1995	K58E_QLTNR	134	2.23	Trung bình	
141	1353022320	Nguyễn Mạnh Cường	11/12/1995	K58E_QLTNR	134	2.94	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số TCTL	Điểm hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
142	1353021806	Triệu Văn Cường	22/09/1995	K58E_QLTNR	134	2.66	Khá	
143	1353021867	Hoàng Tùng Dương	19/04/1994	K58E_QLTNR	133	2.75	Khá	
144	1353021795	Nguyễn Đình Guom	05/03/1995	K58E_QLTNR	135	2.96	Khá	
145	1353021827	Lương Văn Hiên	08/04/1995	K58E_QLTNR	133	2.56	Khá	
146	1353022376	Ngô Đào Hoàng	20/04/1995	K58E_QLTNR	134	2.19	Trung bình	
147	1353021807	Trần Văn Hoàng	22/09/1995	K58E_QLTNR	133	2.94	Khá	
148	1353021888	Đỗ Thị Hồng	20/07/1995	K58E_QLTNR	132	2.61	Khá	
149	1353021824	Đinh Phú Hùng	22/06/1995	K58E_QLTNR	133	3.07	Khá	
150	1353061367	Trần Thanh Huyền	07/03/1995	K58E_QLTNR	133	3.16	Khá	
151	1353021788	Giáp Huy Hường	08/01/1995	K58E_QLTNR	134	2.89	Khá	
152	1353021880	Trần Thị Quỳnh Mai	15/08/1995	K58E_QLTNR	133	2.97	Khá	
153	1353021769	Nguyễn Văn Nam	23/11/1995	K58E_QLTNR	133	2.74	Khá	
154	1353021789	Bùi Thị Bích Ngọc	17/12/1995	K58E_QLTNR	133	2.52	Khá	
155	1353021818	Nguyễn Ngọc Nguyên	11/05/1990	K58E_QLTNR	135	2.61	Khá	
156	1353021776	Phạm Thị Nhung	28/06/1995	K58E_QLTNR	140	3.45	Giỏi	
157	1353021853	Lò Văn Quang	21/10/1994	K58E_QLTNR	134	2.19	Trung bình	
158	1353021844	Nông Văn Quảng	22/12/1994	K58E_QLTNR	136	3.26	Giỏi	
159	1353021812	Nguyễn Đức Quỳnh	10/05/1995	K58E_QLTNR	137	3.77	Xuất sắc	
160	1353021762	Đặng Minh Tấn	22/02/1994	K58E_QLTNR	133	2.84	Khá	
161	1353021883	Hoàng Kim Thiết	20/07/1994	K58E_QLTNR	134	2.53	Khá	
162	1353021782	Lê Thị Thu	04/12/1995	K58E_QLTNR	133	3.27	Giỏi	
163	1354052956	Nguyễn Thị Thùy Trang	17/03/1995	K58E_QLTNR	133	2.33	Trung bình	
164	1353021799	Phan Văn Trường	10/06/1995	K58E_QLTNR	134	2.38	Trung bình	
165	1353021872	Nguyễn Văn Tú	06/03/1994	K58E_QLTNR	133	2.5	Khá	
166	1353021772	Trương Huỳnh Tuấn	01/11/1994	K58E_QLTNR	133	2.82	Khá	
167	1353021889	Trần Anh Vũ	07/07/1994	K58E_QLTNR	133	3.02	Khá	
XIV	Ngành Quản lý tài nguyên thiên nhiên: 166 SV							
1	1253100957	Phan Bá Hoàng	01/12/1994	K57_QLTNTN(C)	123	2.57	Khá	
2	1353100775	Lê Thúy An	18/10/1994	K58A_QLTN(C)	132	2.32	Trung bình	
3	1353100825	Nguyễn Phương Anh	14/08/1995	K58A_QLTN(C)	129	2.51	Khá	
4	1353100815	Trần Thị Ngọc ánh	20/09/1995	K58A_QLTN(C)	129	2.75	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số TCTL	Điểm hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
5	1353100702	La Ngọc Doanh	08/05/1995	K58A_QLTN(C)	130	2.13	Trung bình	
6	1353100728	Nguyễn Thị Thu Dung	23/07/1995	K58A_QLTN(C)	129	2.77	Khá	
7	1353100807	Nguyễn Sỹ Dũng	21/06/1994	K58A_QLTN(C)	129	2.91	Khá	
8	1353100724	Đỗ Thành Đạt	30/08/1995	K58A_QLTN(C)	130	2.93	Khá	
9	1353100672	Nguyễn Quỳnh Giang	14/11/1995	K58A_QLTN(C)	129	2.76	Khá	
10	1353100826	Lê Thị Hà	04/11/1995	K58A_QLTN(C)	130	3.03	Khá	
11	1353100734	Nguyễn Thị Hạnh	16/02/1995	K58A_QLTN(C)	129	2.76	Khá	
12	1353100766	Bùi Thị Thanh Hiếu	02/11/1995	K58A_QLTN(C)	129	3.05	Khá	
13	1353100673	Nguyễn Thị Hoa	25/01/1994	K58A_QLTN(C)	129	3.04	Khá	
14	1353100740	Lê Thị Hoài	26/08/1995	K58A_QLTN(C)	129	3.15	Khá	
15	1353100683	Nguyễn Thị Huyền	22/08/1995	K58A_QLTN(C)	129	2.76	Khá	
16	1353100779	Nguyễn Thị Thanh Hương	08/06/1995	K58A_QLTN(C)	129	3.1	Khá	
17	1353100818	Nguyễn Thị Thảo Hương	01/10/1995	K58A_QLTN(C)	130	3.01	Khá	
18	1353100722	Nguyễn Tiến Kha	27/12/1993	K58A_QLTN(C)	129	2.26	Trung bình	
19	1353100686	Nguyễn Duy Khánh	26/12/1992	K58A_QLTN(C)	129	2.82	Khá	
20	1351092222	Nguyễn Trọng Khánh	25/05/1995	K58A_QLTN(C)	129	2.79	Khá	
21	1353100767	Lù Thị Khuyên	12/08/1994	K58A_QLTN(C)	129	2.63	Khá	
22	1353100773	Nông Thị Kim Liên	14/01/1995	K58A_QLTN(C)	129	2.8	Khá	
23	1353100777	Nguyễn Thị Liễu	10/06/1993	K58A_QLTN(C)	129	2.41	Trung bình	
24	1353100801	Nguyễn Diệu Linh	07/08/1994	K58A_QLTN(C)	129	3.06	Khá	
25	1353100819	Sầm Thuỳ Linh	03/05/1995	K58A_QLTN(C)	130	2.4	Trung bình	
26	1353100743	Vũ Thị Mỹ Linh	05/04/1995	K58A_QLTN(C)	129	2.66	Khá	
27	1353100732	Lưu Phương Ly	30/07/1995	K58A_QLTN(C)	130	2.8	Khá	
28	1353100792	Hoàng Đức Mạnh	31/10/1995	K58A_QLTN(C)	130	3	Khá	
29	1351072786	Hà Thế Nam	05/08/1995	K58A_QLTN(C)	129	2.22	Trung bình	
30	1353082865	Trần Thị Nga	04/06/1995	K58A_QLTN(C)	133	2.82	Khá	
31	1353100713	Hoàng Bích Ngọc	15/10/1995	K58A_QLTN(C)	129	3.54	Giỏi	
32	1353100797	Nguyễn Minh Ngọc	23/01/1995	K58A_QLTN(C)	133	2.71	Khá	
33	1353100711	Lưu Thị Lâm Oanh	06/10/1995	K58A_QLTN(C)	129	2.7	Khá	
34	1353100700	Bùi Thị Duy Phượng	10/11/1995	K58A_QLTN(C)	129	2.62	Khá	
35	1353100699	Phạm Thị Quỳnh	10/10/1995	K58A_QLTN(C)	129	2.83	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số TCTL	Điểm hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
36	1353100707	Trần Văn Sáng	27/09/1995	K58A_QLTN(C)	130	2.66	Khá	
37	1353100757	Nguyễn Thị Thanh	14/08/1994	K58A_QLTN(C)	129	2.71	Khá	
38	1353100781	Hà Thị Thảo	28/03/1994	K58A_QLTN(C)	129	2.92	Khá	
39	1353100812	Nguyễn Thu Thảo	23/11/1995	K58A_QLTN(C)	129	3.27	Giỏi	
40	1353100750	Phùng Thị Bích Thảo	22/12/1995	K58A_QLTN(C)	130	2.58	Khá	
41	1354023053	Phạm Việt Thắng	27/09/1995	K58A_QLTN(C)	132	2.81	Khá	
42	1353100674	Tạ Minh Thu	13/02/1995	K58A_QLTN(C)	129	2.43	Trung bình	
43	1353100790	Lò Văn Thủy	06/12/1993	K58A_QLTN(C)	129	2.88	Khá	
44	1353100765	Nguyễn Thị Thương	25/02/1995	K58A_QLTN(C)	129	2.71	Khá	
45	1353104015	Nguyễn Thanh Tiến	05/01/1994	K58A_QLTN(C)	129	2.85	Khá	
46	1353100749	Lê Thị Huyền Trang	16/07/1995	K58A_QLTN(C)	129	3.12	Khá	
47	1353100705	Nguyễn Thị Linh Trang	06/06/1995	K58A_QLTN(C)	130	2.75	Khá	
48	1353100838	Vũ Thị Trang	07/07/1995	K58A_QLTN(C)	132	3.27	Giỏi	
49	1353091941	Đặng Thị Trinh	28/12/1995	K58A_QLTN(C)	129	2.21	Trung bình	
50	1351072776	Đặng Văn Trường	06/11/1994	K58A_QLTN(C)	129	2.53	Khá	
51	1353100691	Nguyễn Văn Tuệ	17/05/1995	K58A_QLTN(C)	135	2.71	Khá	
52	1353091005	Phạm Văn Tuyên	01/09/1995	K58A_QLTN(C)	132	2.54	Khá	
53	1353100778	Ma Doãn Vượng	25/07/1995	K58A_QLTN(C)	129	2.35	Trung bình	
54	1353100703	Lê Thị Hoàng Yến	08/08/1995	K58A_QLTN(C)	129	3.05	Khá	
55	1353100730	Nguyễn Thị Hải Yến	03/05/1994	K58A_QLTN(C)	129	2.81	Khá	
56	1353101663	Lã Hoàng Anh	19/05/1995	K58B_QLTN(C)	129	2.93	Khá	
57	1353101743	Nguyễn Văn Anh	29/01/1995	K58B_QLTN(C)	130	2.98	Khá	
58	1354011104	Trịnh Ngọc Anh	11/08/1995	K58B_QLTN(C)	132	3.68	Xuất sắc	
59	1353101748	Phan Thị Ngọc ánh	10/11/1994	K58B_QLTN(C)	133	3	Khá	
60	1353101749	Chu Thị Bích	01/07/1995	K58B_QLTN(C)	132	3.47	Giỏi	
61	1353101713	Nguyễn Thị Bích	15/02/1994	K58B_QLTN(C)	129	2.51	Khá	
62	1353101742	Phùng Thị Dung	28/07/1995	K58B_QLTN(C)	129	3	Khá	
63	1353013387	Vũ Quang Duy	10/01/1995	K58B_QLTN(C)	130	2.58	Khá	
64	1353101652	Phạm Thị Thuỳ Dương	03/02/1995	K58B_QLTN(C)	129	2.68	Khá	
65	1353101755	Bùi Văn Đạt	03/07/1995	K58B_QLTN(C)	129	2.88	Khá	
66	1354030649	Quảng Văn En	16/10/1992	K58B_QLTN(C)	129	2.39	Trung bình	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số TCTL	Điểm hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
67	1353101632	Đỗ Thị Hải	13/03/1995	K58B_QLTN(C)	130	2.78	Khá	
68	1353101662	Phạm Dương Hào	20/09/1995	K58B_QLTN(C)	129	3.04	Khá	
69	1353101673	Hà Thanh Hằng	07/10/1995	K58B_QLTN(C)	129	3.16	Khá	
70	1353101735	Ngô Thu Hằng	18/04/1995	K58B_QLTN(C)	130	3.05	Khá	
71	1353101646	Nguyễn Thị Hậu	14/10/1995	K58B_QLTN(C)	129	3.43	Giỏi	
72	1353101726	Nguyễn Thị Bích Hòa	04/04/1995	K58B_QLTN(C)	129	2.64	Khá	
73	1353101664	Nguyễn Thị Huyền	15/03/1994	K58B_QLTN(C)	129	3.24	Giỏi	
74	1353101722	Nguyễn Thị Thu Hương	09/11/1995	K58B_QLTN(C)	129	2.69	Khá	
75	1353091930	Hoàng Gia Khánh	04/11/1995	K58B_QLTN(C)	130	2.53	Khá	
76	1353101732	Ngô Thị Mai Lan	31/07/1994	K58B_QLTN(C)	130	3.31	Giỏi	
77	1353101695	Trần Khánh Lâm	06/09/1995	K58B_QLTN(C)	129	2.57	Khá	
78	1353101680	Trương Thị Linh	18/02/1995	K58B_QLTN(C)	129	2.84	Khá	
79	1353103399	Nguyễn Thị Loan	06/03/1994	K58B_QLTN(C)	129	3.47	Giỏi	
80	1353101685	Nguyễn Thị Mai	25/10/1995	K58B_QLTN(C)	129	2.68	Khá	
81	1353090986	Trương Thị Minh	09/05/1995	K58B_QLTN(C)	130	3.28	Giỏi	
82	1353101720	Bùi Thị Minh Nguyệt	15/05/1995	K58B_QLTN(C)	130	3.23	Giỏi	
83	1253100966	Nịnh Thị Nhân	20/03/1992	K58B_QLTN(C)	129	2.84	Khá	
84	1353101687	Bùi Thị ý Nhi	20/11/1995	K58B_QLTN(C)	129	3.26	Giỏi	
85	1353101717	Trần Thị Hồng Nhung	30/10/1995	K58B_QLTN(C)	130	2.92	Khá	
86	1353101693	Nguyễn Kim Oanh	17/11/1995	K58B_QLTN(C)	129	2.69	Khá	
87	1353133153	Vũ Thanh Phong	02/04/1994	K58B_QLTN(C)	129	2.67	Khá	
88	1353101654	Ngô Ngọc Phương	10/06/1994	K58B_QLTN(C)	130	2.9	Khá	
89	1353101660	Mai Như Phượng	17/10/1994	K58B_QLTN(C)	129	2.63	Khá	
90	1353101698	Quách Văn Quang	20/04/1995	K58B_QLTN(C)	129	2.63	Khá	
91	1353101645	Nguyễn Thanh Sơn	11/08/1994	K58B_QLTN(C)	129	2.73	Khá	
92	1353101729	Lê Thị Thanh Tâm	25/08/1995	K58B_QLTN(C)	129	3.1	Khá	
93	1351082117	Cao Phương Thảo	09/03/1995	K58B_QLTN(C)	129	2.6	Khá	
94	1353101630	Nguyễn Thị Thu Thảo	04/05/1995	K58B_QLTN(C)	130	2.97	Khá	
95	1354030595	Nguyễn Thị Minh Thi	06/03/1995	K58B_QLTN(C)	129	2.91	Khá	
96	1353101691	Lê Thị Thuý	12/03/1995	K58B_QLTN(C)	129	2.81	Khá	
97	1353091926	Cù Thị Thu Trang	09/02/1995	K58B_QLTN(C)	130	3.28	Giỏi	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số TCTL	Điểm hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
98	1354052964	Hoàng Thiên Trang	09/01/1995	K58B_QLTN(C)	130	3.01	Khá	
99	1353011188	Mai Thị Hồng Vân	13/05/1995	K58B_QLTN(C)	129	3.21	Giỏi	
100	1353101724	Phạm Thị Vân	04/08/1995	K58B_QLTN(C)	129	3.38	Giỏi	
101	1353101633	Phạm Minh Vương	11/10/1995	K58B_QLTN(C)	130	2.62	Khá	
102	1353101688	Nguyễn Thị Hải Yến	06/01/1995	K58B_QLTN(C)	129	2.71	Khá	
103	1353101744	Đỗ Thị Khánh Anh	04/09/1995	K58C_QLTN(C)	129	3.36	Giỏi	
104	1353101650	Nguyễn Phương Anh	11/11/1995	K58C_QLTN(C)	130	2.19	Trung bình	
105	1353101675	Nguyễn Thị Bến	19/03/1995	K58C_QLTN(C)	129	3.14	Khá	
106	1353101751	Vũ Kim Chi	20/05/1995	K58C_QLTN(C)	132	2.94	Khá	
107	1353101753	Vũ Thị Dung	16/06/1995	K58C_QLTN(C)	130	3.33	Giỏi	
108	1353101686	Lê Thùy Dương	13/03/1995	K58C_QLTN(C)	130	2.67	Khá	
109	1353010478	Trần Thị Đào	25/04/1994	K58C_QLTN(C)	130	3.02	Khá	
110	1353101709	Ngô Thị Thuý Hằng	27/03/1995	K58C_QLTN(C)	130	2.93	Khá	
111	1353101739	Nguyễn Minh Hiếu	29/04/1995	K58C_QLTN(C)	130	2.53	Khá	
112	1353101734	Nguyễn Thị Nhật Huyền	14/02/1995	K58C_QLTN(C)	137	2.77	Khá	
113	1353101733	Đinh Thị Hương	04/08/1995	K58C_QLTN(C)	129	2.88	Khá	
114	1353101642	Nguyễn Thị Hường	29/10/1995	K58C_QLTN(C)	129	3.45	Giỏi	
115	1353091900	Nguyễn Việt Khánh	01/10/1994	K58C_QLTN(C)	130	2.86	Khá	
116	1353101718	Hoàng Thị Lành	17/10/1995	K58C_QLTN(C)	129	3.16	Khá	
117	1353101666	Trương Thị Linh	30/04/1995	K58C_QLTN(C)	129	2.53	Khá	
118	1353101697	Nguyễn Văn Lộc	01/08/1995	K58C_QLTN(C)	129	2.58	Khá	
119	1353101746	Trần Thị Nhài	20/10/1995	K58C_QLTN(C)	132	3.16	Khá	
120	1353101692	Bùi Bích Phương	20/12/1995	K58C_QLTN(C)	129	3.05	Khá	
121	1353101676	Phan Thị Thu Sương	05/03/1995	K58C_QLTN(C)	129	3.11	Khá	
122	1353101634	Lê Thị Phương Thảo	27/07/1995	K58C_QLTN(C)	129	3.01	Khá	
123	1353101671	Đỗ Tri Thức	27/01/1995	K58C_QLTN(C)	130	2.8	Khá	
124	1353011192	Nguyễn Văn Thương	04/04/1992	K58C_QLTN(C)	129	2.78	Khá	
125	1353101711	Phạm Đức Toàn	08/12/1995	K58C_QLTN(C)	130	2.11	Trung bình	
126	1353101649	Đào Thị Trang	10/12/1994	K58C_QLTN(C)	129	3.09	Khá	
127	1353101723	Hoàng Thu Trang	24/04/1994	K58C_QLTN(C)	130	2.57	Khá	
128	1353103398	Nguyễn Quỳnh Trang	25/01/1995	K58C_QLTN(C)	130	2.77	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số TCTL	Điểm hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
129	1353101658	Nguyễn Hữu Trung	14/07/1994	K58C_QLTN(C)	130	3.07	Khá	
130	1354043373	Trần Xuân Trường	12/11/1994	K58C_QLTN(C)	129	2.83	Khá	
131	1353101747	Nguyễn Anh Tuấn	02/07/1995	K58C_QLTN(C)	129	2.55	Khá	
132	1353101738	Đào Duy Tùng	20/01/1994	K58C_QLTN(C)	133	3.27	Giỏi	
133	1353101667	Nguyễn Thanh Tùng	13/02/1995	K58C_QLTN(C)	130	2.38	Trung bình	
134	1353101721	Nguyễn Thị Yến	20/01/1995	K58C_QLTN(C)	129	2.63	Khá	
135	1353100696	Phan Thị Ngọc ánh	08/11/1994	K58D_QLTN(C)	130	2.62	Khá	
136	1353100809	Dương Thị Thùy Dung	23/09/1995	K58D_QLTN(C)	132	3.01	Khá	
137	1353100714	Vũ Mạnh Dũng	11/03/1995	K58D_QLTN(C)	133	2.93	Khá	
138	1353100681	Lê Thị Thu Giang	15/09/1995	K58D_QLTN(C)	130	3.09	Khá	
139	1353100676	Lê Thị Hà	04/09/1995	K58D_QLTN(C)	129	2.73	Khá	
140	1353100796	Trần Thị Thu Hiền	29/10/1995	K58D_QLTN(C)	129	2.9	Khá	
141	1353100764	Lầu Thị Hoa	29/11/1994	K58D_QLTN(C)	129	3.24	Giỏi	
142	1353100768	Phạm Thị Thu Hoài	10/02/1995	K58D_QLTN(C)	129	2.6	Khá	
143	1353100799	Tô Thị Thanh Hồng	26/07/1995	K58D_QLTN(C)	130	3.39	Giỏi	
144	1353100706	Phạm Thị Ngọc Huyền	05/10/1995	K58D_QLTN(C)	130	2.74	Khá	
145	1353100839	Vũ Thị Minh Hường	12/07/1995	K58D_QLTN(C)	129	2.84	Khá	
146	1353100716	Đặng Quang Khanh	14/06/1995	K58D_QLTN(C)	130	2.37	Trung bình	
147	1353100725	Lại Thị Hương Liên	10/08/1995	K58D_QLTN(C)	129	2.54	Khá	
148	1353100715	Đàm Thị Liễu	16/11/1995	K58D_QLTN(C)	129	2.85	Khá	
149	1353100759	Nguyễn Mỹ Linh	22/11/1995	K58D_QLTN(C)	130	3.75	Xuất sắc	
150	1353100780	Nguyễn Thị Loan	16/08/1995	K58D_QLTN(C)	129	3.39	Giỏi	
151	1353100721	Lê Quỳnh Mai	31/08/1994	K58D_QLTN(C)	132	2.68	Khá	
152	1353100771	Phạm Thị Mẫn	02/04/1995	K58D_QLTN(C)	130	3.26	Giỏi	
153	1353100737	Phạm Thị Hằng Nga	02/01/1995	K58D_QLTN(C)	130	3.31	Giỏi	
154	1353100745	Lưu Thị Ngọc	06/05/1995	K58D_QLTN(C)	129	2.58	Khá	
155	1353100830	Lý Bình Nhi	21/05/1995	K58D_QLTN(C)	129	2.67	Khá	
156	1353103396	Kim Văn Phúc	21/06/1994	K58D_QLTN(C)	129	2.94	Khá	
157	1353100831	Phan Thị Mai Phương	03/07/1995	K58D_QLTN(C)	129	2.51	Khá	
158	1353100710	Bùi Thị Sang	18/07/1995	K58D_QLTN(C)	130	2.94	Khá	
159	1353100742	Đặng Văn Thành	01/07/1995	K58D_QLTN(C)	130	2.99	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số TCTL	Điểm hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
160	1353100761	Đỗ Thị Hoài Thu	01/12/1995	K58D_QLTN(C)	130	3.68	Xuất sắc	
161	1353100829	Đỗ Hoài Thương	22/11/1995	K58D_QLTN(C)	129	2.84	Khá	
162	1353100794	Nguyễn Thị Trang	22/04/1995	K58D_QLTN(C)	129	3.04	Khá	
163	1353100690	Trần Thị Trang	03/10/1995	K58D_QLTN(C)	133	2.87	Khá	
164	1353100726	Hà Thị Việt Trinh	06/05/1995	K58D_QLTN(C)	129	2.69	Khá	
165	1353100755	Nguyễn Văn Tùng	20/06/1995	K58D_QLTN(C)	129	2.72	Khá	
166	1353100787	Hà Thị Yến	01/05/1995	K58D_QLTN(C)	129	2.73	Khá	
XV	Ngành Khoa học môi trường: 292 SV							
1	1053090677	Trịnh Minh Trung	16/07/1992	55a_KHMT	134	2.01	Trung bình	
2	1153060045	Hoàng Thị Nhung	11/02/1992	K56b_KHMT	134	2.18	Trung bình	
3	1253060817	Nguyễn Thị Hạnh	24/02/1993	K57b_KHMT	133	2.5	Khá	
4	1254031367	Nguyễn Bá Hiệp	01/04/1992	K57b_KHMT	133	2.28	Trung bình	
5	1253061388	Trần Khánh Linh	05/06/1994	K57b_KHMT	133	2.2	Trung bình	
6	1353060139	Lê Công Đức Anh	08/03/1995	K58A_KHMT	134	3.22	Giỏi	
7	1353060195	Phan Lê Anh	07/10/1995	K58A_KHMT	136	3.52	Giỏi	
8	1353060266	Vũ Thị Nguyệt Anh	25/01/1995	K58A_KHMT	134	2.66	Khá	
9	1353060181	Nguyễn Thị ánh	22/05/1995	K58A_KHMT	136	3.21	Giỏi	
10	1353060151	Nguyễn Ngọc Bình	15/11/1995	K58A_KHMT	134	2.57	Khá	
11	1353060201	Bùi Thị Linh Chi	15/02/1994	K58A_KHMT	134	2.59	Khá	
12	1353010526	Lê Nguyễn Diễm Chi	28/05/1995	K58A_KHMT	134	2.66	Khá	
13	1353060238	Nguyễn Mạnh Cường	31/12/1995	K58A_KHMT	134	2.64	Khá	
14	1353021866	Nguyễn Văn Dinh	02/02/1994	K58A_KHMT	135	2.78	Khá	
15	1353060255	Đào Thị Dung	17/08/1995	K58A_KHMT	134	3.07	Khá	
16	1353061429	Hà Thu Dung	19/03/1995	K58A_KHMT	134	3.12	Khá	
17	1353060198	Nguyễn Thị Thùy Dung	29/09/1995	K58A_KHMT	134	3.35	Giỏi	
18	1353060230	Nguyễn Cảnh Dương	12/10/1994	K58A_KHMT	134	2.79	Khá	
19	1354011102	Vũ Thùy Dương	08/08/1995	K58A_KHMT	134	2.8	Khá	
20	1353060174	Nguyễn Tiến Đạt	12/04/1995	K58A_KHMT	134	2.63	Khá	
21	1353060275	Đoàn Thanh Hà	21/10/1995	K58A_KHMT	134	2.57	Khá	
22	1353060208	Lương Thị Hà	05/01/1995	K58A_KHMT	134	2.83	Khá	
23	1353101710	Trần Thanh Hà	02/01/1995	K58A_KHMT	134	3.54	Giỏi	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số TCTL	Điểm hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
24	1353060257	Doãn Văn Hải	11/01/1995	K58A_KHMT	135	2.59	Khá	
25	1353061428	Phạm Hoàng Hải	21/07/1995	K58A_KHMT	134	2.96	Khá	
26	1353061479	Nguyễn Thuý Hằng	18/01/1995	K58A_KHMT	135	3.4	Giỏi	
27	1353060185	Nguyễn Thị Thu Hiền	30/09/1995	K58A_KHMT	134	2.96	Khá	
28	1353060281	Tòng Thị Hoa	16/12/1994	K58A_KHMT	134	2.95	Khá	
29	1353061425	Trần Thị Hoa	02/03/1995	K58A_KHMT	134	2.91	Khá	
30	1354030662	Trần Thu Huyền	04/06/1995	K58A_KHMT	134	2.85	Khá	
31	1353060225	Đỗ Thị Hương	13/10/1994	K58A_KHMT	134	2.68	Khá	
32	1353060258	Nguyễn Thu Hương	10/11/1995	K58A_KHMT	134	2.97	Khá	
33	1353060246	Nguyễn Tam Khôi	06/08/1995	K58A_KHMT	137	2.57	Khá	
34	1353060193	Lưu Hoàng Kim	02/07/1994	K58A_KHMT	135	2.74	Khá	
35	1354052969	Hoàng Thị Ngọc Lan	15/02/1995	K58A_KHMT	134	2.73	Khá	
36	1353060259	Hoàng Tùng Lâm	10/02/1995	K58A_KHMT	136	3.03	Khá	
37	1353060274	Hà Thị Thuý Linh	21/08/1995	K58A_KHMT	134	3.1	Khá	
38	1353090981	Phạm Thùy Linh	04/08/1995	K58A_KHMT	135	2.7	Khá	
39	1351013348	Trần Thị Khánh Linh	08/09/1995	K58A_KHMT	137	2.69	Khá	
40	1353060190	Nguyễn Thị Loan	11/01/1995	K58A_KHMT	134	2.83	Khá	
41	1351012049	Trần Thị Lộc	20/07/1994	K58A_KHMT	134	3.55	Giỏi	
42	1353060167	Nguyễn Thành Luân	27/09/1994	K58A_KHMT	136	2.68	Khá	
43	1353060233	Hà Thị Lý	24/10/1994	K58A_KHMT	134	2.66	Khá	
44	1354042609	Lê Thị Mai	27/11/1995	K58A_KHMT	134	3.26	Giỏi	
45	1353101736	Đặng Thị Ngọc Mỹ	28/05/1995	K58A_KHMT	134	3.31	Giỏi	
46	1353060179	Hoàng Cẩm Nhung	21/11/1995	K58A_KHMT	134	2.99	Khá	
47	1353060157	Dương Thị Kiều Oanh	15/12/1995	K58A_KHMT	134	3.3	Giỏi	
48	1353060203	Ngô Thị Kim Oanh	08/08/1995	K58A_KHMT	134	3.25	Giỏi	
49	1353060135	Hà Thị Phương	15/04/1995	K58A_KHMT	134	2.76	Khá	
50	1353060192	Nguyễn Thị Phương	24/03/1995	K58A_KHMT	135	3.12	Khá	
51	1353060191	Phan Thị Phương	16/07/1995	K58A_KHMT	135	3.39	Giỏi	
52	1353061459	Khuất Đình Quý	01/11/1995	K58A_KHMT	134	2.4	Trung bình	
53	1353060228	Hoàng Thị Quyên	18/07/1994	K58A_KHMT	134	2.6	Khá	
54	1353060204	Phạm Thị Quyên	28/08/1995	K58A_KHMT	134	2.97	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số TCTL	Điểm hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
55	1353014110	Panyavong Sommay	11/01/1994	K58A_KHMT	134	2.67	Khá	
56	1353061311	Trần Ngọc Sơn	02/10/1995	K58A_KHMT	134	2.75	Khá	
57	1353060252	Nguyễn Hồng Thái	06/03/1994	K58A_KHMT	134	2.45	Trung bình	
58	1353060234	Trương Văn Thành	09/02/1994	K58A_KHMT	134	2.68	Khá	
59	1353060169	Lê Thạch Thảo	02/09/1995	K58A_KHMT	134	3	Khá	
60	1353061388	Ngô Thị Phương Thảo	09/07/1995	K58A_KHMT	134	2.72	Khá	
61	1354041508	Nguyễn Thị Thanh Thảo	19/07/1995	K58A_KHMT	134	3.1	Khá	
62	1353043383	Vũ Ngọc Thuần	06/01/1995	K58A_KHMT	134	2.6	Khá	
63	1353060132	Hà Thị Thuận	22/02/1995	K58A_KHMT	134	2.93	Khá	
64	1353060271	Nguyễn Thị Thuỷ	25/10/1995	K58A_KHMT	134	3.18	Khá	
65	1353060182	Nguyễn Quyết Tiến	20/01/1995	K58A_KHMT	134	2.56	Khá	
66	1353060163	Đỗ Thị Quỳnh Trang	05/11/1995	K58A_KHMT	134	3.32	Giỏi	
67	1353060133	Hoàng Thu Trang	02/06/1995	K58A_KHMT	134	2.58	Khá	
68	1353061339	Lưu Thị Trang	26/03/1994	K58A_KHMT	134	3	Khá	
69	1353060269	Đào Thị Xuân Trinh	21/05/1995	K58A_KHMT	135	2.86	Khá	
70	1353060267	Lê Hạ Tuấn	08/08/1995	K58A_KHMT	134	2.71	Khá	
71	1353060280	Phạm Thanh Tùng	25/02/1994	K58A_KHMT	135	2.23	Trung bình	
72	1351072789	Vũ Văn Uẩn	03/08/1994	K58A_KHMT	134	2.9	Khá	
73	1353060244	Nguyễn Thị Bảo Yến	11/10/1995	K58A_KHMT	134	2.79	Khá	
74	1353061432	Nguyễn Ngọc An	07/11/1995	K58B_KHMT	134	2.86	Khá	
75	1353091027	Đinh Tuấn Anh	28/07/1995	K58B_KHMT	135	2.74	Khá	
76	1353061445	Phạm Thị Lan Anh	06/08/1995	K58B_KHMT	135	3.07	Khá	
77	1353061347	Cao Thị Châm	02/11/1995	K58B_KHMT	135	2.32	Trung bình	
78	1353061350	Nguyễn Thị Hải Chi	13/04/1995	K58B_KHMT	135	2.81	Khá	
79	1353061471	Lê Văn Cường	07/01/1995	K58B_KHMT	134	3.12	Khá	
80	1353061399	Nguyễn Duy Cường	26/10/1995	K58B_KHMT	134	2.56	Khá	
81	1353061378	Bùi Ngọc Diệp	10/11/1994	K58B_KHMT	135	3.06	Khá	
82	1353061334	Lê Thị Thùy Dung	16/07/1995	K58B_KHMT	135	2.84	Khá	
83	1353010537	Đỗ Huy Dũng	13/03/1995	K58B_KHMT	134	2.51	Khá	
84	1353043247	Nguyễn Thị Duyên	05/06/1995	K58B_KHMT	134	3	Khá	
85	1353061310	Hoàng Kim Đan	11/08/1995	K58B_KHMT	134	2.54	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số TCTL	Điểm hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
86	1351050231	Lê Đình Đạt	26/12/1995	K58B_KHMT	134	2.84	Khá	
87	1353061448	Trần Thành Đạt	03/04/1995	K58B_KHMT	134	3.35	Giỏi	
88	1353011201	Hoàng Đình Đoàn	04/01/1994	K58B_KHMT	135	2.59	Khá	
89	1353061382	Trần Xuân Động	11/08/1994	K58B_KHMT	134	3.11	Khá	
90	1353061362	Phùng Thị Thu Hà	29/03/1995	K58B_KHMT	134	2.79	Khá	
91	1351050160	Nguyễn Hoàng Hải	14/03/1995	K58B_KHMT	134	2.82	Khá	
92	1353061309	Chu Thị Hằng	23/10/1995	K58B_KHMT	134	3.1	Khá	
93	1353061426	Nguyễn Thị Hằng	15/07/1995	K58B_KHMT	134	2.76	Khá	
94	1353061366	Đỗ Thị Hiền	24/08/1995	K58B_KHMT	135	3.03	Khá	
95	1353061307	Bùi Thị Hiệp	09/12/1995	K58B_KHMT	134	3.78	Xuất sắc	
96	1353061423	Nguyễn Thị Hoa	25/06/1995	K58B_KHMT	134	2.57	Khá	
97	1353061394	Nguyễn Thái Hòa	17/10/1995	K58B_KHMT	134	2.67	Khá	
98	1351012063	Nguyễn Mạnh Hùng	28/08/1993	K58B_KHMT	134	2.87	Khá	
99	1353061443	Nguyễn Thị Thanh Huyền	20/02/1994	K58B_KHMT	134	3.28	Giỏi	
100	1353061320	Trần Trung Hưng	18/02/1995	K58B_KHMT	134	2.62	Khá	
101	1353061451	Phạm Thị Thanh Hương	27/09/1995	K58B_KHMT	134	2.93	Khá	
102	1353061306	Vũ Duy Khánh	27/08/1995	K58B_KHMT	134	3.31	Giỏi	
103	1353061364	Bùi Thị Khuyển	12/12/1995	K58B_KHMT	134	3.56	Giỏi	
104	1353061341	Phạm Diệu Linh	06/11/1995	K58B_KHMT	134	2.87	Khá	
105	1353061387	Vương Thị Khánh Linh	28/06/1995	K58B_KHMT	134	3.03	Khá	
106	1353061400	Vũ Thị Hồng Loan	23/05/1995	K58B_KHMT	134	2.84	Khá	
107	1351041960	Màu Tiến Long	09/04/1992	K58B_KHMT	134	3.47	Giỏi	
108	1351012060	Phạm Vũ Hà Phan	15/04/1995	K58B_KHMT	134	2.81	Khá	
109	1353101661	Nguyễn Thị Như Quỳnh	08/08/1995	K58B_KHMT	134	2.95	Khá	
110	1353061369	Hoàng Thị Tâm	16/08/1994	K58B_KHMT	135	3.37	Giỏi	
111	1353133159	Trương Thị Thanh Tâm	05/09/1994	K58B_KHMT	134	2.84	Khá	
112	1351082075	Trần Đức Tấn	06/12/1994	K58B_KHMT	134	2.99	Khá	
113	1353061386	Lê Thị Thanh	01/02/1995	K58B_KHMT	134	2.57	Khá	
114	1353061464	Trần Thị Thanh	18/07/1995	K58B_KHMT	134	3.22	Giỏi	
115	1353061345	Phùng Văn Thành	01/07/1994	K58B_KHMT	134	2.87	Khá	
116	1353061393	Nguyễn Thị Thảo	13/08/1995	K58B_KHMT	134	3.62	Xuất sắc	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số TCTL	Điểm hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
117	1353010493	Phạm Thị Phương Thảo	29/12/1994	K58B_KHMT	134	2.91	Khá	
118	1353061462	Trịnh Thu Thảo	12/03/1995	K58B_KHMT	134	3.28	Giỏi	
119	1353061336	Hà Văn Thắng	16/02/1995	K58B_KHMT	134	3.29	Khá	Thi lại quá 5%
120	1353061402	Nguyễn Quyết Thắng	25/01/1994	K58B_KHMT	134	2.41	Trung bình	
121	1353061441	Quảng Văn Thoả	30/06/1995	K58B_KHMT	134	3.54	Giỏi	
122	1353070051	Phạm Hoài Thu	05/07/1995	K58B_KHMT	134	3.37	Giỏi	
123	1353061375	Đặng Thị Thùy	23/04/1995	K58B_KHMT	134	2.97	Khá	
124	1353061324	Nguyễn Đức Toàn	12/05/1995	K58B_KHMT	134	2.83	Khá	
125	1353061385	Đặng Thiên Trang	19/09/1995	K58B_KHMT	134	3.22	Giỏi	
126	1354030661	Trần Thị Huyền Trang	15/07/1994	K58B_KHMT	135	3.12	Khá	
127	1353061436	Nguyễn Thị Thanh Triều	10/08/1995	K58B_KHMT	136	3.14	Khá	
128	1353020861	Lã Xuân Trường	31/08/1995	K58B_KHMT	134	2.57	Khá	
129	1353061384	Phạm Ngọc Tú	18/09/1994	K58B_KHMT	134	3.32	Giỏi	
130	1353061431	Viên Thị Cẩm Tú	09/07/1995	K58B_KHMT	134	3.17	Khá	
131	1353061360	Lê Anh Tuấn	18/09/1995	K58B_KHMT	134	2.65	Khá	
132	1353061456	Trần Thanh Tùng	12/03/1993	K58B_KHMT	135	2.56	Khá	
133	1353061308	Nguyễn Thị Ngọc Tuyết	21/10/1995	K58B_KHMT	134	2.57	Khá	
134	1353061435	Nguyễn Anh Văn	05/07/1995	K58B_KHMT	135	2.51	Khá	
135	1353061419	Bùi Thị Vân	17/03/1994	K58B_KHMT	134	2.97	Khá	
136	1353022405	Hoàng Thị Vân	02/06/1995	K58B_KHMT	134	3.03	Khá	
137	1351012065	Phạm Minh Vương	24/07/1994	K58B_KHMT	134	2.83	Khá	
138	1353043292	Nguyễn Thị Vượng	03/02/1995	K58B_KHMT	134	2.88	Khá	
139	1353061328	Nguyễn Thị Yến	18/02/1995	K58B_KHMT	135	3.27	Giỏi	
140	1353061329	Nông Thị Hải Yến	08/03/1995	K58B_KHMT	134	3.21	Giỏi	
141	1353100741	Trần Thị Yến	23/02/1995	K58B_KHMT	135	3.01	Khá	
142	1353062163	Nguyễn Thị Thúy An	15/12/1995	K58C_KHMT	135	2.57	Khá	
143	1353062137	Đàm Thị Ngọc Anh	24/01/1996	K58C_KHMT	134	2.87	Khá	
144	1353062166	Nguyễn Đức Anh	16/07/1993	K58C_KHMT	136	2.46	Trung bình	
145	1353062174	Nguyễn Thị Dung	17/11/1995	K58C_KHMT	134	2.67	Khá	
146	1353062146	Nguyễn Thị Đào	25/01/1995	K58C_KHMT	134	2.74	Khá	
147	1353062161	Trần Phan Hải	12/02/1995	K58C_KHMT	134	2.71	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số TCTL	Điểm hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
148	1353063349	Lê Thị Hải	28/10/1995	K58C_KHMT	134	3.13	Khá	
149	1353062175	Dương Thuý Hạnh	26/06/1994	K58C_KHMT	135	2.79	Khá	
150	1353091047	Bùi Quang Hào	05/12/1995	K58C_KHMT	134	3.04	Khá	
151	1353062160	Nguyễn Ngọc Hiếu	17/11/1995	K58C_KHMT	134	2.99	Khá	
152	1353062169	Nguyễn Thị Hoa	10/11/1995	K58C_KHMT	134	2.79	Khá	
153	1353062148	Nguyễn Khánh Hoà	22/05/1995	K58C_KHMT	134	2.62	Khá	
154	1353022398	Vũ Thị Hoan	01/05/1995	K58C_KHMT	134	2.86	Khá	
155	1353062170	Lương Thị Huệ	01/01/1995	K58C_KHMT	134	2.69	Khá	
156	1353062171	Lê Anh Huy	24/02/1995	K58C_KHMT	134	2.73	Khá	
157	1353062176	Nguyễn Thị Huyền	24/04/1995	K58C_KHMT	135	2.87	Khá	
158	1353062158	Lê Thị Thu Hương	26/10/1994	K58C_KHMT	134	3.26	Giỏi	
159	1353010445	Xa Đức Long	01/09/1994	K58C_KHMT	134	2.18	Trung bình	
160	1353062164	Đặng Thị Luyện	27/05/1993	K58C_KHMT	134	2.93	Khá	
161	1353061475	Đỗ Ngọc Lượng	07/09/1994	K58C_KHMT	134	2.79	Khá	
162	1353061414	Nguyễn Thị My Ly	15/04/1995	K58C_KHMT	135	3	Khá	
163	1353062154	Vũ Thị Ly	16/05/1995	K58C_KHMT	134	3.38	Giỏi	
164	1353061401	Tạ Thị Lý	20/05/1995	K58C_KHMT	134	2.72	Khá	
165	1353061412	Hoàng Đức Mạnh	11/06/1995	K58C_KHMT	135	2.31	Trung bình	
166	1353010540	Trần Văn Mạnh	13/09/1994	K58C_KHMT	137	2.66	Khá	
167	1353061368	Trần Thị Đình Mây	15/04/1995	K58C_KHMT	134	3.24	Giỏi	
168	1353061395	Vũ Thị Mơ	07/01/1995	K58C_KHMT	134	2.84	Khá	
169	1353061450	Đặng Văn Nam	10/10/1994	K58C_KHMT	134	2.57	Khá	
170	1353061478	Đào Thị Nga	12/12/1995	K58C_KHMT	134	3.1	Khá	
171	1353061473	Tô Kim Ngân	12/12/1995	K58C_KHMT	134	2.6	Khá	
172	1353061397	Nguyễn Quang Nghị	11/11/1994	K58C_KHMT	134	2.82	Khá	
173	1353061322	Mã Thị Ngôi	26/09/1994	K58C_KHMT	135	2.36	Trung bình	
174	1353061318	Đặng Thị Nhiên	25/11/1994	K58C_KHMT	134	3.4	Giỏi	
175	1353061376	Đặng Thị Nhu	31/12/1995	K58C_KHMT	134	3.08	Khá	
176	1353061474	Nguyễn Thị Hồng Nhung	05/12/1995	K58C_KHMT	135	2.61	Khá	
177	1353061434	Đỗ Thị Ninh	13/09/1995	K58C_KHMT	134	3.04	Khá	
178	1353061354	Lê Thị Oanh	11/11/1995	K58C_KHMT	135	2.79	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số TCTL	Điểm hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
179	1353061312	Nguyễn Thị Kiều Oanh	04/10/1995	K58C_KHMT	135	2.62	Khá	
180	1353061313	Vũ Thị Minh Phương	30/08/1995	K58C_KHMT	134	3	Khá	
181	1353062162	Lê Thị Phương	19/06/1995	K58C_KHMT	134	2.97	Khá	
182	1353062157	Trần Hữu Quang	21/07/1995	K58C_KHMT	134	3.26	Giỏi	
183	1353062140	Hồ Thị Quỳnh	05/01/1995	K58C_KHMT	134	3.23	Giỏi	
184	1353062139	Vũ Thị Thắm	26/08/1995	K58C_KHMT	134	3.86	Xuất sắc	
185	1353062168	Lò Đức Thắng	12/06/1995	K58C_KHMT	134	2.67	Khá	
186	1353062150	Dương Minh Thủy	25/08/1995	K58C_KHMT	136	2.21	Trung bình	
187	1353062147	Trần Thị Thủy	30/11/1995	K58C_KHMT	134	3.4	Giỏi	
188	1353062165	Phạm Thị Thúy	11/11/1995	K58C_KHMT	134	3	Khá	
189	1353062149	Đào Thị Việt Trinh	01/04/1994	K58C_KHMT	134	3.54	Giỏi	
190	1353062152	Vũ Thị Thanh Xuân	16/08/1994	K58C_KHMT	134	2.51	Khá	
191	1351072792	Phan Đức An	25/05/1995	K58D_KHMT	134	2.71	Khá	
192	1353061391	Lương Thị Châm Anh	08/10/1995	K58D_KHMT	135	2.7	Khá	
193	1353061476	Bùi Thị ánh	20/12/1995	K58D_KHMT	134	2.77	Khá	
194	1353061326	Nguyễn Văn Bình	02/10/1995	K58D_KHMT	134	3.51	Giỏi	
195	1353061346	Nguyễn Thị Chi	04/08/1995	K58D_KHMT	135	3.01	Khá	
196	1353061392	Nguyễn Hữu Chí	02/01/1995	K58D_KHMT	137	2.58	Khá	
197	1354031598	Lê Thị Thuý Dịu	24/01/1995	K58D_KHMT	134	2.83	Khá	
198	1353061372	Vũ Thị Dung	05/06/1995	K58D_KHMT	135	2.71	Khá	
199	1353061398	Hán Mạnh Dũng	14/06/1995	K58D_KHMT	134	2.62	Khá	
200	1354031621	Phạm Văn Duy	16/01/1995	K58D_KHMT	135	2.85	Khá	
201	1353061452	Lò Thị Duyên	06/05/1995	K58D_KHMT	134	2.91	Khá	
202	1353061455	Nguyễn Thuý Dương	11/10/1995	K58D_KHMT	134	2.65	Khá	
203	1353061314	Nguyễn Văn Dương	08/07/1995	K58D_KHMT	134	2.82	Khá	
204	1353061413	Nguyễn Quốc Đạt	28/11/1994	K58D_KHMT	134	2.41	Trung bình	
205	1353100827	Trần Văn Đức	22/02/1995	K58D_KHMT	135	2.57	Khá	
206	1353061357	Bùi Thị Giang	03/07/1995	K58D_KHMT	136	3.39	Giỏi	
207	1353061433	Nông Trường Giang	29/03/1994	K58D_KHMT	134	2.73	Khá	
208	1353020879	Trần Hương Giang	27/08/1995	K58D_KHMT	134	3.39	Giỏi	
209	1353061319	Tạ Quang Hải	10/10/1995	K58D_KHMT	134	2.85	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số TCTL	Điểm hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
210	1353061327	Bùi Thị Mỹ Hạnh	02/10/1995	K58D_KHMT	134	2.78	Khá	
211	1353061317	Nguyễn Thị Hằng	14/02/1995	K58D_KHMT	134	2.96	Khá	
212	1353061365	Đỗ Quốc Hiền	15/09/1995	K58D_KHMT	134	2.71	Khá	
213	1353061463	Nguyễn Xuân Hiếu	06/06/1995	K58D_KHMT	136	2.53	Khá	
214	1353100823	Phạm Phương Hoa	02/06/1995	K58D_KHMT	134	2.76	Khá	
215	1353014001	Lê Thị Huê	09/11/1994	K58D_KHMT	134	3.01	Khá	
216	1354030656	Nguyễn Thị Huệ	25/07/1995	K58D_KHMT	134	3.46	Giỏi	
217	1353061333	Vũ Thị Thu Huyền	17/12/1995	K58D_KHMT	134	3.09	Khá	
218	1354030566	Ngô Vũ Hưng	01/02/1995	K58D_KHMT	134	2.54	Khá	
219	1353061446	Nguyễn Đình Khánh	30/03/1995	K58D_KHMT	135	2.58	Khá	
220	1353061418	Hà Thủy Lan	27/04/1994	K58D_KHMT	134	3.09	Khá	
221	1353061467	Nguyễn Mỹ Linh	14/09/1995	K58D_KHMT	134	2.7	Khá	
222	1353060220	Tổng Khánh Linh	08/09/1995	K58D_KHMT	134	2.91	Khá	
223	1353061370	Trần Thị Linh	30/04/1995	K58D_KHMT	134	3.31	Giỏi	
224	1353060236	Quảng Thị Loan	23/02/1994	K58D_KHMT	135	3.17	Khá	
225	1353061352	Trần Thị Loan	03/07/1995	K58D_KHMT	134	3.44	Giỏi	
226	1353061344	Hoàng Văn Long	29/10/1995	K58D_KHMT	134	2.66	Khá	
227	1353020860	Hoàng Thị Ngọc Ly	14/11/1995	K58D_KHMT	134	3.49	Giỏi	
228	1353060240	Nguyễn Hương Ly	12/06/1994	K58D_KHMT	134	3.26	Giỏi	
229	1353060270	Phương Tâm Thảo Ly	02/11/1995	K58D_KHMT	135	3.07	Khá	
230	1353060253	Nguyễn Hoàng Mai	09/05/1995	K58D_KHMT	134	2.67	Khá	
231	1353020961	Nguyễn Quỳnh Mai	20/10/1995	K58D_KHMT	134	3.44	Giỏi	
232	1353101677	Nguyễn Thị Nhã	27/11/1995	K58D_KHMT	135	2.77	Khá	
233	1353101638	Phan Minh Quang	23/01/1995	K58D_KHMT	134	2.5	Khá	
234	1351041204	Nguyễn Thị Lệ Quyên	17/04/1995	K58D_KHMT	134	3.23	Giỏi	
235	1354031573	Nguyễn Như Quỳnh	16/03/1994	K58D_KHMT	134	2.72	Khá	
236	1353061323	Bùi Thị Sang	15/10/1995	K58D_KHMT	134	3.46	Giỏi	
237	1353061480	Nguyễn Thị Hồng Thái	27/12/1995	K58D_KHMT	134	3.12	Khá	
238	1353061315	Phạm Chí Thanh	27/04/1995	K58D_KHMT	134	2.9	Khá	
239	1353061380	Hoàng Văn Thành	19/08/1995	K58D_KHMT	136	3.04	Khá	
240	1353061349	Trần Thị Thao	10/04/1995	K58D_KHMT	135	3.33	Giỏi	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số TCTL	Điểm hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
241	1353061337	Tô Thu Thuý	06/09/1995	K58D_KHMT	134	2.94	Khá	
242	1353061430	Chu Lê Huyền Trang	15/07/1995	K58D_KHMT	134	3.41	Giỏi	
243	1353061454	Đào Duy Tùng	01/09/1994	K58D_KHMT	134	2.51	Khá	
244	1353061421	Nguyễn Thị Tuyền	21/11/1995	K58D_KHMT	134	3.37	Giỏi	
245	1353061305	Đỗ Thị Tươi	24/07/1995	K58D_KHMT	134	3.26	Giỏi	
246	1353061469	Nguyễn Đình Văn	20/01/1995	K58D_KHMT	134	2.82	Khá	
247	1353061390	Lại Thị Yên	06/01/1995	K58D_KHMT	134	3.07	Khá	
248	1353060127	Tạ Thị Vân Anh	30/08/1995	K58E_KHMT	134	2.92	Khá	
249	1353060210	Ngô Thị Quỳnh Châm	19/10/1995	K58E_KHMT	134	2.83	Khá	
250	1353060137	Nguyễn Tuấn Cường	03/04/1995	K58E_KHMT	134	2.48	Trung bình	
251	1353060222	Nguyễn Thị Dung	09/07/1995	K58E_KHMT	134	3.23	Giỏi	
252	1353060197	Phạm Văn Dũng	24/02/1994	K58E_KHMT	134	2.36	Trung bình	
253	1353060166	Vũ Minh Duy	21/02/1995	K58E_KHMT	137	2.8	Khá	
254	1353060214	Ngô Thị Đan	01/11/1995	K58E_KHMT	135	2.67	Khá	
255	1353060189	Lưu Ngọc Đạt	25/10/1995	K58E_KHMT	134	2.57	Khá	
256	1353060160	Lê Thị Gấm	04/05/1995	K58E_KHMT	134	3.34	Giỏi	
257	1353060130	Lê Thị Hà	25/08/1995	K58E_KHMT	134	3.05	Khá	
258	1353060142	Nguyễn Thị Thu Hà	03/07/1995	K58E_KHMT	134	3.04	Khá	
259	1353060144	Đặng Thị Hiền	19/04/1995	K58E_KHMT	134	3.07	Khá	
260	1353060212	Nguyễn Thu Hiền	20/08/1993	K58E_KHMT	134	2.53	Khá	
261	1353060248	Nguyễn Trung Hiếu	04/10/1995	K58E_KHMT	134	2.24	Trung bình	
262	1353060165	Vũ Thị Ngọc Hoài	10/07/1995	K58E_KHMT	137	2.68	Khá	
263	1353060162	Trần Thị Thu Huyền	19/05/1995	K58E_KHMT	134	2.82	Khá	
264	1353060161	Nguyễn Thị Hương	28/02/1995	K58E_KHMT	134	3.37	Giỏi	
265	1353010363	Nguyễn Thị Thu Hường	06/08/1995	K58E_KHMT	134	3.26	Giỏi	
266	1353060217	Nguyễn Duy Khánh	14/02/1995	K58E_KHMT	134	3.35	Giỏi	
267	1353060140	Nguyễn Trung Kiên	16/12/1994	K58E_KHMT	134	2.53	Khá	
268	1353060143	La Thị Lành	12/06/1995	K58E_KHMT	134	3.09	Khá	
269	1353060173	Nguyễn Hải Lâm	02/09/1995	K58E_KHMT	134	2.41	Trung bình	
270	1353060136	Nguyễn Mỹ Linh	03/12/1995	K58E_KHMT	134	2.96	Khá	
271	1353060171	Lê Thị Ly Na	10/02/1995	K58E_KHMT	134	2.72	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số TCTL	Điểm hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
272	1353060164	Đỗ Văn Nam	08/04/1995	K58E_KHMT	135	2.83	Khá	
273	1353060249	Đàm Thị Thúy Nga	15/09/1995	K58E_KHMT	134	2.73	Khá	
274	1353060211	Đặng Thị Nga	14/06/1995	K58E_KHMT	135	2.71	Khá	
275	1353060172	Nguyễn Thị Thu Nga	12/11/1995	K58E_KHMT	134	3.17	Khá	
276	1353060283	Ngô Thị Ngà	04/07/1995	K58E_KHMT	134	3.33	Giỏi	
277	1353060263	Đinh Thị Ngọc	15/09/1995	K58E_KHMT	134	2.68	Khá	
278	1353060128	Nguyễn Thị Ngọc	17/07/1995	K58E_KHMT	134	2.96	Khá	
279	1353060177	Ngô Duy Nguyễn	01/02/1995	K58E_KHMT	134	2.85	Khá	
280	1353060247	Khổng Thị Oanh	02/06/1995	K58E_KHMT	134	3.25	Giỏi	
281	1353060282	Lý Thị Phương	26/04/1995	K58E_KHMT	134	2.85	Khá	
282	1353060273	Nguyễn Thị Phương	25/05/1995	K58E_KHMT	135	3.49	Giỏi	
283	1353060264	Bùi Mạnh Quân	22/12/1995	K58E_KHMT	134	2.53	Khá	
284	1353060152	Bùi Hồng Thái	02/01/1990	K58E_KHMT	134	2.81	Khá	
285	1353060145	Vũ Văn Thành	17/06/1995	K58E_KHMT	134	2.06	Trung bình	
286	1353060180	Nguyễn Thị Phương Thảo	16/06/1995	K58E_KHMT	134	3.47	Khá	Thi lại quá 5%
287	1353060277	Phạm Thu Thảo	12/12/1995	K58E_KHMT	134	2.86	Khá	
288	1353063348	Cần Đức Thuận	07/09/1994	K58E_KHMT	134	2.4	Trung bình	
289	1353060150	Phạm Thị Thuỳ	04/06/1995	K58E_KHMT	134	3.17	Khá	
290	1353060207	Nguyễn Linh Trang	16/10/1995	K58E_KHMT	134	2.58	Khá	
291	1353060141	Nguyễn Thị Trâm	22/05/1995	K58E_KHMT	134	3.2	Khá	Thi lại quá 5%
292	1353060146	Nguyễn Thanh Tùng	23/01/1995	K58E_KHMT	134	2.71	Khá	
XVI	Ngành Quản trị kinh doanh: 52 SV							
1	1154011409	Vũ Thị Kim Ngọc	29/12/1993	K56b_QTKD	129	2.5	Khá	
2	1254011037	Hoàng Đức Tuyền	15/02/1994	K57a_QTKD	137	2.32	Trung bình	
3	1354011171	Nguyễn Thị Mai Anh	24/08/1995	K58A_QTKD	131	3.29	Giỏi	
4	1354023124	Tô Thị Vân Anh	07/04/1995	K58A_QTKD	131	2.64	Khá	
5	1354011065	Nguyễn Thị Ngọc Đông	19/10/1995	K58A_QTKD	131	2.44	Trung bình	
6	1354011118	Đỗ Thị Hiệp	21/08/1995	K58A_QTKD	130	2.38	Trung bình	
7	1354011121	Lê Thị Hoa	08/04/1995	K58A_QTKD	131	3.11	Khá	
8	1354011053	Trần Khánh Hoà	07/03/1994	K58A_QTKD	133	2.8	Khá	
9	1354011101	Phạm Thị Huế	14/12/1995	K58A_QTKD	131	2.97	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số TCTL	Điểm hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
10	1354011165	Đoàn Thị Minh Huyền	06/09/1995	K58A_QTKD	131	2.93	Khá	
11	1353091039	Đào Thị Hường	11/06/1995	K58A_QTKD	132	3.05	Khá	
12	1354011111	Trần Thị Hường	05/03/1995	K58A_QTKD	130	2.69	Khá	
13	1354011125	Trần Thị Khuy	22/01/1995	K58A_QTKD	131	3.62	Xuất sắc	
14	1354011157	Hòa Thùy Linh	11/05/1995	K58A_QTKD	133	2.72	Khá	
15	1354011176	Lý Thị Loan	17/05/1995	K58A_QTKD	140	3	Khá	
16	1354011154	Nguyễn Khánh Ly	17/09/1995	K58A_QTKD	130	2.77	Khá	
17	1354011117	Nguyễn Thị Nga	25/12/1995	K58A_QTKD	132	2.59	Khá	
18	1354011167	Đỗ Thị Ngân	24/01/1995	K58A_QTKD	131	3.01	Khá	
19	1354011103	Nguyễn Thị Ngọc	21/01/1995	K58A_QTKD	130	2.43	Trung bình	
20	1354053025	Lê Thị Quỳnh Nhung	22/03/1995	K58A_QTKD	137	3.61	Xuất sắc	
21	1354011057	Trần Duyên Phúc	12/12/1995	K58A_QTKD	130	2.52	Khá	
22	1354011068	Nguyễn Thị Thu Phương	01/01/1995	K58A_QTKD	131	2.56	Khá	
23	1354011114	Tạ Tố Tâm	22/12/1995	K58A_QTKD	137	2.97	Khá	
24	1354011058	Mai Thị Thanh	27/10/1995	K58A_QTKD	133	2.15	Trung bình	
25	1354011145	Nguyễn Thị Thoan	20/03/1995	K58A_QTKD	130	3.25	Giỏi	
26	1351092230	Nguyễn Thị Thuý	15/09/1995	K58A_QTKD	130	3.54	Giỏi	
27	1354014013	Lê Thị Minh Thúy	26/11/1995	K58A_QTKD	131	2.8	Khá	
28	1354011156	Bùi Văn Toàn	12/05/1995	K58A_QTKD	131	2.53	Khá	
29	1354011153	Phan Thị Trang	04/11/1995	K58A_QTKD	131	2.5	Khá	
30	1354011124	Nguyễn Đức Trung	22/05/1995	K58A_QTKD	131	2.78	Khá	
31	1354011106	Nguyễn Thị Xuyên	20/01/1995	K58A_QTKD	131	2.25	Trung bình	
32	1354042486	Nguyễn Thị Hương	22/05/1995	K58A_QTKD	139	2.72	Khá	Ngành 2
33	1354011137	Nguyễn Thị Kim Anh	26/06/1995	K58B_QTKD	131	2.74	Khá	
34	1354011050	Chu Thị Dung	11/09/1995	K58B_QTKD	130	2.03	Trung bình	
35	1354011074	Trần Thị Hằng	09/07/1995	K58B_QTKD	132	3.24	Giỏi	
36	1354011132	Phùng Trọng Hiệp	10/10/1995	K58B_QTKD	131	3.11	Khá	
37	1354011079	Trần Thị Hoa	01/12/1995	K58B_QTKD	131	3.02	Khá	
38	1354011141	Nguyễn Hữu Hoàng	21/01/1995	K58B_QTKD	137	2.54	Khá	
39	1354011100	Nguyễn Bích Huệ	07/11/1995	K58B_QTKD	130	2.68	Khá	
40	1354011152	Nguyễn Việt Khoa	09/02/1995	K58B_QTKD	132	2.48	Trung bình	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số TCTL	Điểm hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
41	1354011073	Nguyễn Thị Lan	10/12/1994	K58B_QTKD	131	2.81	Khá	
42	1354011097	Nguyễn Thị Diệu Linh	01/03/1995	K58B_QTKD	131	2.86	Khá	
43	1354011178	Nguyễn Thị Thuý Linh	11/06/1994	K58B_QTKD	130	2.79	Khá	
44	1354011175	Nguyễn Thị Nga	18/01/1995	K58B_QTKD	130	2.59	Khá	
45	1354011113	Phan Thị Kim Ngân	30/03/1994	K58B_QTKD	133	2.97	Khá	
46	1354011133	Đoàn Tuyết Nhung	06/08/1995	K58B_QTKD	131	2.6	Khá	
47	1354011134	Nguyễn Thị Hồng Phương	21/12/1995	K58B_QTKD	131	2.52	Khá	
48	1354011085	Nguyễn Đức Phụng	06/04/1995	K58B_QTKD	133	2.42	Trung bình	
49	1351072782	Đinh Văn Thịnh	22/12/1995	K58B_QTKD	131	2.13	Trung bình	
50	1354011062	Đậu Thị Thu	10/09/1995	K58B_QTKD	130	2.57	Khá	
51	1354011160	Giang Thị Thu Trang	02/05/1995	K58B_QTKD	131	2.68	Khá	
52	1354011069	Đặng Thị Xen	02/06/1995	K58B_QTKD	132	3.31	Giỏi	
XVII	Ngành Hệ thống thông tin: 02 SV							
1	1051071344	Trần Minh Thành	19/05/1991	`55_HTTT	130	2.31	Trung bình	
2	1251070936	Chu Văn Lâm	10/01/1993	K57_HTTT	131	2.47	Trung bình	
XVIII	Ngành Kế toán: 181 SV							
1	1154030947	Nguyễn Trần Hoà	10/02/1993	K56a_Kế toán	135	2.31	Trung bình	Ngành 2
2	1154041645	Lâm Thị Ngọc Anh	29/09/1993	K56b_Kế toán	129	2.19	Trung bình	
3	1254041754	Nguyễn Diệu Linh	02/03/1994	K57b_Kế toán	129	2.48	Trung bình	
4	1254040655	Trần Thị Thu Hà	03/08/1994	K57d_Kế toán	129	2.35	Trung bình	
5	1254041799	Nguyễn Thị Hường	27/02/1994	K57d_Kế toán	131	2.92	Khá	
6	1254040557	Phạm Lan Phương	14/05/1994	K57e_Kế toán	129	2.05	Trung bình	
7	1254040563	Tạ Thanh Thảo	06/03/1994	K57e_Kế toán	129	2.05	Trung bình	
8	1254040568	Nguyễn Thanh Thuý	13/03/1994	K57e_Kế toán	131	2.11	Trung bình	
9	1254040646	Bùi Thị Xuân	04/01/1992	K57e_Kế toán	129	2.04	Trung bình	
10	1354040336	Trần Thị Cúc	09/02/1994	K58A_K.toán	129	2.33	Trung bình	
11	1354023092	Lưu Văn Duẩn	22/08/1994	K58A_K.toán	139	2.16	Trung bình	
12	1354040302	Lê Việt Dũng	20/08/1995	K58A_K.toán	134	2.41	Trung bình	
13	1354040335	Ngô Thị Thuý Dương	01/07/1995	K58A_K.toán	133	2.62	Khá	
14	1354040296	Nguyễn Thị Đào	22/03/1995	K58A_K.toán	129	2.74	Khá	
15	1354040305	Nguyễn Thị Đức	29/10/1995	K58A_K.toán	129	2.62	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số TCTL	Điểm hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
16	1354023366	Đỗ Hương Giang	01/06/1995	K58A_K.toán	131	2.67	Khá	
17	1354040313	Đinh Thị Ngọc Hà	08/04/1994	K58A_K.toán	131	2.71	Khá	
18	1354023059	Trần Thị Hà	16/09/1995	K58A_K.toán	129	3.28	Giỏi	
19	1354040339	Đinh Thị Mỹ Hạnh	01/01/1995	K58A_K.toán	133	2.52	Khá	
20	1354040333	Nguyễn Thị Hằng	30/08/1995	K58A_K.toán	131	2.4	Trung bình	
21	1354040323	Tạ Thị Thu Hiền	13/08/1995	K58A_K.toán	133	2.36	Trung bình	
22	1354043350	Lê Thị Hồng	14/04/1995	K58A_K.toán	129	2.61	Khá	
23	1354040290	Trần Thị Thu Hương	10/10/1995	K58A_K.toán	131	2.72	Khá	
24	1354040308	Phạm Thị Minh Khuê	22/02/1994	K58A_K.toán	131	3.04	Khá	
25	1351050268	Nguyễn Văn Khương	20/11/1995	K58A_K.toán	129	2.14	Trung bình	
26	1354040331	Phạm Thùy Linh	20/11/1995	K58A_K.toán	132	2.62	Khá	
27	1351072783	Dương Thị Loan	26/07/1995	K58A_K.toán	130	2.76	Khá	
28	1354040288	Hoàng Thị Loan	06/10/1995	K58A_K.toán	131	2.92	Khá	
29	1354040309	Hứa Thị Loan	21/02/1994	K58A_K.toán	131	2.75	Khá	
30	1354040317	Hoàng Hương Ly	10/04/1995	K58A_K.toán	130	2.57	Khá	
31	1354040306	Hạng Thị Mỹ	16/05/1994	K58A_K.toán	129	2.23	Trung bình	
32	1354053023	Nguyễn Thị Ngọc	24/12/1994	K58A_K.toán	131	3.23	Giỏi	
33	1354054006	Đoàn Yến Nhi	20/06/1995	K58A_K.toán	130	2.71	Khá	
34	1354032515	Lê Thị Nhi	21/01/1995	K58A_K.toán	129	3.47	Giỏi	
35	1354040315	Lò Thị Nhung	04/11/1994	K58A_K.toán	129	2.64	Khá	
36	1354040319	Đỗ Thị Kim Oanh	20/10/1995	K58A_K.toán	131	2.44	Trung bình	
37	1354040298	Đỗ Thị Phương	24/02/1995	K58A_K.toán	130	2.75	Khá	
38	1354023081	Phạm Hiền Phương	15/09/1995	K58A_K.toán	129	2.48	Trung bình	
39	1354040286	Phạm Thị Hồng Quỳnh	15/10/1995	K58A_K.toán	130	2.45	Trung bình	
40	1354040328	Trần Thị Quỳnh	10/08/1995	K58A_K.toán	138	2.68	Khá	
41	1354040293	Lương Văn Tài	24/11/1995	K58A_K.toán	131	2.51	Khá	
42	1354040338	Đoàn Thị Thanh	10/12/1995	K58A_K.toán	129	2.55	Khá	
43	1354040332	Phan Thị Thảo	24/09/1995	K58A_K.toán	130	2.57	Khá	
44	1354040297	Trịnh Thị Thuý	12/10/1995	K58A_K.toán	133	3.17	Khá	
45	1354023112	Kim Thị Thùy	23/02/1994	K58A_K.toán	145	3.24	Giỏi	
46	1354040289	Nguyễn Thị Thương	15/10/1995	K58A_K.toán	133	2.67	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số TCTL	Điểm hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
47	1354040291	Đào Huyền Trang	13/10/1995	K58A_K.toán	133	2.6	Khá	
48	1354052995	Nguyễn Kim Trang	27/05/1994	K58A_K.toán	130	2.5	Khá	
49	1354040299	Nguyễn Thị Huyền Trang	14/10/1995	K58A_K.toán	131	3.04	Khá	
50	1351050212	Trịnh Thị Mai Xinh	30/09/1995	K58A_K.toán	130	2.23	Trung bình	
51	1354040311	Hoàng Hải Yến	30/07/1994	K58A_K.toán	131	2.31	Trung bình	
52	1354040287	Nguyễn Hải Yến	22/10/1995	K58A_K.toán	131	3.19	Khá	
53	1354040337	Trần Thị Minh Yến	13/11/1995	K58A_K.toán	131	3.33	Giỏi	
54	1354053014	Nguyễn Thị Hà	07/06/1995	K58A_K.toán	137	2.56	Khá	Ngành 2
55	1354052988	Ngô Thị Nhung	24/04/1995	K58A_K.toán	143	3.07	Khá	Ngành 2
56	1354041520	Lê Thị Nguyệt ánh	02/07/1995	K58B_K.toán	133	3.29	Giỏi	
57	1354041501	Vương Thị Ngọc ánh	29/06/1994	K58B_K.toán	133	2.21	Trung bình	
58	1353010359	Nguyễn Thị Cúc	16/11/1995	K58B_K.toán	133	2.71	Khá	
59	1354041495	Nguyễn Thị Dương	19/05/1995	K58B_K.toán	130	3.19	Khá	
60	1354041499	Trịnh Ngọc Điệp	18/08/1995	K58B_K.toán	133	2.61	Khá	
61	1354041522	Nguyễn Mai Giang	16/01/1995	K58B_K.toán	129	2.87	Khá	
62	1254040527	Lê Thị Thu Hà	05/02/1994	K58B_K.toán	129	2.69	Khá	
63	1354041506	Lê Thị Hạnh	01/02/1995	K58B_K.toán	133	2.83	Khá	
64	1354032764	Trần Thị Hạnh	11/08/1995	K58B_K.toán	130	2.87	Khá	
65	1354041511	Lâm Thị Hào	07/06/1995	K58B_K.toán	133	2.8	Khá	
66	1354041488	Phùng Thị Thúy Hằng	22/10/1995	K58B_K.toán	131	2.76	Khá	
67	1353091923	Trịnh Thị Thanh Hiền	17/11/1995	K58B_K.toán	133	2.27	Trung bình	
68	1354041483	Hoàng Thị Mai Hoa	02/06/1995	K58B_K.toán	129	2.81	Khá	
69	1353010465	Nguyễn Thị Khánh Hoà	28/10/2011	K58B_K.toán	130	2.6	Khá	
70	1354041504	Nguyễn Thị Hồng	07/12/1995	K58B_K.toán	132	3.3	Giỏi	
71	1353010421	Lê Thị Huệ	03/09/1995	K58B_K.toán	130	2.72	Khá	
72	1354041490	Nguyễn Thị Kim Huệ	02/11/1995	K58B_K.toán	131	2.82	Khá	
73	1354031534	Lê Thị Thu Huyền	21/08/1995	K58B_K.toán	132	2.66	Khá	
74	1353101702	Nguyễn Thị Huyền	15/04/1995	K58B_K.toán	131	2.87	Khá	
75	1354041512	Nguyễn Thị Khánh Huyền	01/10/1995	K58B_K.toán	130	2.6	Khá	
76	1354041485	Trịnh Thị Hương	07/04/1995	K58B_K.toán	131	2.09	Trung bình	
77	1353010418	Nguyễn Tuấn Linh	30/04/1994	K58B_K.toán	130	2.19	Trung bình	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số TCTL	Điểm hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
78	1354041496	Nguyễn Phương Loan	05/01/1995	K58B_K.toán	130	3.14	Khá	
79	1354041509	Phạm Thị Hải Ly	09/03/1994	K58B_K.toán	133	3.33	Khá	Thi lại quá 5%
80	1354041487	Chu Thị Thanh Nga	21/11/1995	K58B_K.toán	130	3.53	Giỏi	
81	1354041502	Đỗ Kim Ngân	07/09/1995	K58B_K.toán	131	2.63	Khá	
82	1354041521	Mai Thị Bé Nguyệt	04/02/1994	K58B_K.toán	131	2.95	Khá	
83	1354041503	Nguyễn Thị Hồng Nhung	16/08/1995	K58B_K.toán	134	2.1	Trung bình	
84	1354024006	Nguyễn Thị Lan Phương	08/04/1995	K58B_K.toán	130	2.8	Khá	
85	1354041517	Dương Thị Phượng	20/02/1995	K58B_K.toán	131	2.6	Khá	
86	1354041510	Phùng Thị Kim Quy	13/05/1995	K58B_K.toán	133	2.82	Khá	
87	1354041491	Đào Thị Quyên	15/01/1995	K58B_K.toán	130	2.1	Trung bình	
88	1354041493	Nguyễn Phương Quỳnh	06/11/1995	K58B_K.toán	131	3.29	Giỏi	
89	1354023413	Trần Thị Phương Thảo	15/11/1994	K58B_K.toán	136	2.81	Khá	
90	1354014015	Tô Thị Kim Thoa	07/06/1994	K58B_K.toán	129	2.95	Khá	
91	1354011056	Phạm Thị Thu Thủy	11/01/1995	K58B_K.toán	129	2.76	Khá	
92	1354041513	Vũ Thị Thúy	07/03/1995	K58B_K.toán	129	3.15	Khá	
93	1354041497	Nguyễn Thị Thương	03/07/1995	K58B_K.toán	133	2.25	Trung bình	
94	1354041486	La Thị Tới	15/07/1995	K58B_K.toán	134	3.63	Xuất sắc	
95	1354011094	Đàm Thu Trang	12/10/1995	K58B_K.toán	130	2.67	Khá	
96	1354023083	Lê Thị Huyền Trang	25/08/1995	K58B_K.toán	132	3.34	Giỏi	
97	1354041514	Nguyễn Thị Hà Trang	09/11/1995	K58B_K.toán	129	3.11	Khá	
98	1354041482	Phạm Huyền Trang	18/11/1995	K58B_K.toán	130	3.22	Giỏi	
99	1354032517	Lê Bảo Trâm	10/02/1995	K58B_K.toán	129	2.63	Khá	
100	1354042210	Đỗ Thị Vân Anh	15/05/1995	K58C_K.toán	129	2.86	Khá	
101	1354042182	Đào Thị Châm	29/10/1995	K58C_K.toán	132	2.5	Khá	
102	1354042209	Nguyễn Thị Dung	20/05/1995	K58C_K.toán	129	2.6	Khá	
103	1354042177	Bùi Thị Duyên	29/07/1995	K58C_K.toán	131	2.12	Trung bình	
104	1354042220	Dương Thị Duyên	05/02/1995	K58C_K.toán	138	2.81	Khá	
105	1354042192	Nguyễn Thị Duyên	22/06/1994	K58C_K.toán	143	2.7	Khá	
106	1354011072	Kiều Ngọc Hà	21/08/1995	K58C_K.toán	135	2.36	Trung bình	
107	1354042198	Lê Thu Hà	16/02/1994	K58C_K.toán	131	2.87	Khá	
108	1354042215	Hoàng Thị Thu Hằng	18/08/1995	K58C_K.toán	129	2.62	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số TCTL	Điểm hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
109	1354042205	Nguyễn Thị Thu Hằng	02/02/1995	K58C_K.toán	129	2.88	Khá	
110	1354042200	Lê Thị Thu Hiền	12/11/1995	K58C_K.toán	133	2.68	Khá	
111	1354042206	Hoàng Thị Huyền	13/02/1995	K58C_K.toán	129	3.27	Giỏi	
112	1354042208	Tạ Thị Hương	24/07/1995	K58C_K.toán	131	2.51	Khá	
113	1354042216	Hà Thị Lan	27/05/1994	K58C_K.toán	130	2.63	Khá	
114	1354042187	Ngô Diệu Linh	14/09/1995	K58C_K.toán	132	3.06	Khá	
115	1354042196	Ngô Thị Loan	11/01/1995	K58C_K.toán	129	3.01	Khá	
116	1354043413	Hoàng Thị Nga	04/10/1995	K58C_K.toán	129	2.38	Trung bình	
117	1354042189	Nguyễn Thị Nga	27/06/1995	K58C_K.toán	132	2.67	Khá	
118	1354042199	Nguyễn Thị Ngọc	28/12/1995	K58C_K.toán	129	3.46	Giỏi	
119	1354042184	Nguyễn Thị Nhân	27/01/1995	K58C_K.toán	133	2.79	Khá	
120	1354042202	Đinh Thị Hiền Nhi	02/09/1995	K58C_K.toán	131	2.76	Khá	
121	1354042179	Bùi Thị Hồng Nhung	03/09/1995	K58C_K.toán	129	3.04	Khá	
122	1354042180	Nguyễn Lan Phương	28/11/1995	K58C_K.toán	133	2.94	Khá	
123	1354042188	Nguyễn Thị Phương	17/04/1994	K58C_K.toán	133	3.11	Khá	
124	1354042211	Trần Thị Phương Thảo	05/11/1995	K58C_K.toán	133	2.65	Khá	
125	1354042178	Nguyễn Thị Kim Thoa	19/10/1995	K58C_K.toán	129	3.12	Khá	
126	1354042217	Nguyễn Thị Thu	28/02/1995	K58C_K.toán	133	3.23	Giỏi	
127	1354042203	Trần Diệu Thùy	17/11/1995	K58C_K.toán	129	2.29	Trung bình	
128	1354042183	Lưu Thị Trang	20/05/1995	K58C_K.toán	133	2.58	Khá	
129	1354042218	Nguyễn Thị Thu Trang	14/03/1994	K58C_K.toán	133	3.5	Giỏi	
130	1354042190	Nguyễn Thị ánh Vân	14/08/1995	K58C_K.toán	132	3.61	Xuất sắc	
131	1354042181	Hoàng Thị Nhật Xuân	18/10/1995	K58C_K.toán	133	3.01	Khá	
132	1354042201	Nguyễn Thị Xuân	16/02/1995	K58C_K.toán	149	3.48	Giỏi	
133	1354042185	Trịnh Thị Hải Yến	10/04/1995	K58C_K.toán	129	2.66	Khá	
134	1354042506	Hoàng Thị Vân Anh	18/10/1995	K58D_K.toán	129	2.81	Khá	
135	1354042473	Nguyễn Hà Anh	16/09/1995	K58D_K.toán	131	2.61	Khá	
136	1354042503	Phạm Thùy Dung	25/12/1995	K58D_K.toán	131	2.74	Khá	
137	1354042499	Lê Tiến Đạt	05/05/1995	K58D_K.toán	136	2.61	Khá	
138	1354042481	Lê Thị Hằng	21/10/1995	K58D_K.toán	129	2.59	Khá	
139	1354042497	Trần Thị Minh Hằng	03/09/1995	K58D_K.toán	133	2.71	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số TCTL	Điểm hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
140	1354042468	Nguyễn Thị Hậu	14/06/1995	K58D_K.toán	131	3.68	Xuất sắc	
141	1354040295	Nguyễn Thị Hoa	11/07/1994	K58D_K.toán	136	3.05	Khá	
142	1354042489	Hoàng Thị Huyền	01/07/1995	K58D_K.toán	129	2.71	Khá	
143	1354040341	Phan Doãn Khoa	02/03/1993	K58D_K.toán	133	2.69	Khá	
144	1354042502	Nguyễn Đình Thị Lan	04/11/1995	K58D_K.toán	129	2.5	Khá	
145	1354042500	Nguyễn Khánh Linh	01/06/1995	K58D_K.toán	129	2.86	Khá	
146	1354042480	Khổng Đỗ Phương My	10/01/1994	K58D_K.toán	129	3.27	Giỏi	
147	1354042487	Nguyễn Hồng Nhung	03/12/1994	K58D_K.toán	129	2.53	Khá	
148	1354042466	Phạm Thị Hồng Nhung	29/10/1995	K58D_K.toán	131	3.32	Giỏi	
149	1354042494	Nguyễn Thị Phương	20/07/1994	K58D_K.toán	133	2.31	Trung bình	
150	1354042496	Nguyễn Thị Phương	10/04/1995	K58D_K.toán	130	2.5	Khá	
151	1354040301	Bùi Thị Quế	20/08/1995	K58D_K.toán	129	3.05	Khá	
152	1354042482	Tô Thị Tâm	10/01/1995	K58D_K.toán	131	2.57	Khá	
153	1354042492	Ngô Thị Thắng	01/08/1995	K58D_K.toán	129	2.89	Khá	
154	1354042491	Nguyễn Thị Thuý	20/06/1995	K58D_K.toán	130	2.92	Khá	
155	1351042420	Dương Thu Thủy	13/11/1994	K58D_K.toán	131	2.55	Khá	
156	1354042504	Phan Thị Thu Thủy	01/11/1994	K58D_K.toán	131	3.66	Xuất sắc	
157	1354042505	Đỗ Thị Trang	07/03/1995	K58D_K.toán	129	2.79	Khá	
158	1354042475	Vì Thị Hồng Vân	06/04/1995	K58D_K.toán	129	3.34	Giỏi	
159	1354042479	Nguyễn Thị Xuân	13/01/1995	K58D_K.toán	130	2.93	Khá	
160	1354042471	Nguyễn Hải Yến	04/10/1995	K58D_K.toán	133	3.03	Khá	
161	1354042619	Lê Thị Lan Anh	31/08/1995	K58E_K.toán	131	3.13	Khá	
162	1354042614	Lê Thị Cúc	25/04/1995	K58E_K.toán	129	2.81	Khá	
163	1354042634	Đặng Thị Hạnh	06/04/1995	K58E_K.toán	132	2.89	Khá	
164	1354042600	Nguyễn Thị Hồng Hậu	15/11/1995	K58E_K.toán	131	2.71	Khá	
165	1354042622	Lương Thu Huyền	26/03/1995	K58E_K.toán	131	2.13	Trung bình	
166	1354042620	Nguyễn Thị Lan Hương	19/09/1994	K58E_K.toán	133	2.62	Khá	
167	1354042584	Lê Nhật Lệ	14/12/1995	K58E_K.toán	133	2.79	Khá	
168	1354042631	Mai Khánh Linh	29/09/1995	K58E_K.toán	134	2.67	Khá	
169	1354042601	Phạm Thùy Linh	19/03/1995	K58E_K.toán	129	2.56	Khá	
170	1354042621	Nguyễn Thị Thu Nga	29/10/1995	K58E_K.toán	133	2.96	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Số TCTL	Điểm hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
171	1354042607	Đỗ Thị	Phượng	23/10/1995	K58E_K.toán	133	2.61	Khá	
172	1354042602	Đặng Thị	Thuỷ	19/02/1995	K58E_K.toán	129	2.54	Khá	
173	1354042591	Nguyễn Thu	Thủy	12/11/1995	K58E_K.toán	130	3.18	Khá	
174	1354042612	Phạm Mạnh	Tiến	22/11/1995	K58E_K.toán	130	2.81	Khá	
175	1354042613	Khúc Thị	Trang	16/04/1995	K58E_K.toán	129	3.14	Khá	
176	1354042594	Nguyễn Thùy	Trang	10/10/1995	K58E_K.toán	130	2.92	Khá	
177	1354042630	Phạm Thị	Trang	12/11/1995	K58E_K.toán	149	2.94	Khá	
178	1354042615	Trịnh Thị Thuỷ	Trang	04/04/1995	K58E_K.toán	130	3.42	Giỏi	
179	1354042617	Nguyễn Thị Kim	Tuyến	03/11/1995	K58E_K.toán	129	2.28	Trung bình	
180	1354042604	Nguyễn Thị	Vui	24/07/1995	K58E_K.toán	129	3.36	Giỏi	
181	1354042625	Ngô Thị	Xuyến	20/10/1995	K58E_K.toán	131	2.97	Khá	
XIX	Ngành Kinh tế: 43 SV								
1	1154052229	Nguyễn Quang	Vinh	26/09/1992	K56_Kinh tế	130	2.11	Trung bình	
2	1254050101	Nguyễn Hà	My	31/07/1994	K57_Kinh tế	134	2.51	Khá	
3	1354053022	Hà Thị Kim	Anh	21/03/1995	K58_K.tế	133	2.66	Khá	
4	1354053408	Phạm Hà	Anh	30/09/1995	K58_K.tế	131	2.86	Khá	
5	1354011075	Nguyễn Đức	Bình	12/08/1995	K58_K.tế	131	2.53	Khá	
6	1354053009	Đỗ Thị	Diệp	14/04/1995	K58_K.tế	142	2.54	Khá	
7	1354052989	Mai Thị	Diệu	01/02/1995	K58_K.tế	130	2.24	Trung bình	
8	1354052972	Nguyễn Thị Ngọc	Diệu	11/12/1995	K58_K.tế	130	2.52	Khá	
9	1354052994	Đoàn Minh	Dũng	30/08/1995	K58_K.tế	130	2.58	Khá	
10	1354053032	Nguyễn Cao	Đạt	10/04/1995	K58_K.tế	133	3.02	Khá	
11	1354052974	Bùi Thị	Giang	17/03/1993	K58_K.tế	133	2.81	Khá	
12	1354053033	Đinh Thị	Giang	26/09/1995	K58_K.tế	133	2.67	Khá	
13	1351082126	Ứng Thị	Hà	06/06/1995	K58_K.tế	129	2.68	Khá	
14	1354053012	Đỗ Thị Thu	Hằng	20/06/1995	K58_K.tế	138	2.68	Khá	
15	1354052973	Nguyễn Thị Minh	Hằng	01/02/1994	K58_K.tế	130	2.77	Khá	
16	1354053028	Trần Thị	Hiền	22/09/1995	K58_K.tế	130	2.62	Khá	
17	1354053039	Lê Thị	Hoa	02/12/1995	K58_K.tế	130	2.7	Khá	
18	1354052958	Đỗ Thị	Hoà	23/11/1995	K58_K.tế	130	2.72	Khá	
19	1354053037	Hoàng Thị Thanh	Huyền	05/02/1994	K58_K.tế	131	3.16	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số TCTL	Điểm hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
20	1354053000	Nguyễn Khánh Linh	15/06/1995	K58_K.tế	130	2.88	Khá	
21	1354011089	Bùi Thị Mai	10/02/1993	K58_K.tế	131	2.78	Khá	
22	1354052970	Bùi Thị Thanh Mai	05/02/1994	K58_K.tế	130	2.67	Khá	
23	1354053026	Tô Thị My	05/08/1995	K58_K.tế	132	2.8	Khá	
24	1354052959	Trần Thị Linh Nhi	30/08/1995	K58_K.tế	136	2.62	Khá	
25	1354053031	Nguyễn Thị Kim Oanh	05/09/1995	K58_K.tế	130	2.84	Khá	
26	1354052990	Nguyễn Việt Phúc	08/08/1995	K58_K.tế	131	2.12	Trung bình	
27	1354052986	Vũ Minh Phương	21/04/1995	K58_K.tế	130	2.82	Khá	
28	1354052999	Giang Thị Phụng	10/11/1995	K58_K.tế	132	2.76	Khá	
29	1354053010	Nguyễn Thị Quyên	01/07/1995	K58_K.tế	130	2.74	Khá	
30	1351082136	Lê Thị Hồng Quỳnh	24/06/1995	K58_K.tế	133	2.23	Trung bình	
31	1354052971	Lò Thị Quỳnh	27/10/1994	K58_K.tế	130	2.56	Khá	
32	1354053011	Vũ Diễm Quỳnh	11/08/1995	K58_K.tế	132	2.57	Khá	
33	1354053015	Tạ Hương Thảo	14/12/1995	K58_K.tế	129	2.82	Khá	
34	1354052954	Cao Thị Thắm	25/09/1995	K58_K.tế	133	2.52	Khá	
35	1354053021	Bùi Văn Thịnh	18/08/1995	K58_K.tế	131	2.82	Khá	
36	1353010430	Cà Thị Thu	10/01/1994	K58_K.tế	129	2.55	Khá	
37	1354052952	Lê Thị Trang	27/12/1994	K58_K.tế	131	2.67	Khá	
38	1354053020	Vũ Văn Trinh	28/09/1995	K58_K.tế	130	2.38	Trung bình	
39	1354053003	Lê Đức Trung	29/11/1995	K58_K.tế	135	2.46	Trung bình	
40	1354052993	Hoàng Xuân Trường	01/09/1995	K58_K.tế	130	2.6	Khá	
41	1354052976	Hoàng Thị Tuyết	23/05/1994	K58_K.tế	130	2.72	Khá	
42	1354053029	Phạm Thị Tuyết	10/11/1995	K58_K.tế	130	2.45	Trung bình	
43	1354053017	Nguyễn Thị Hồng Uyên	11/01/1995	K58_K.tế	131	3.26	Giỏi	
XX	Ngành Kinh tế nông nghiệp: 33 SV							
1	1154021087	Vũ Hồng Hải	24/09/1993	K56_KTNN	130	2.03	Trung bình	
2	1354023130	Đặng Thành Đạt	06/10/1995	K58a_KTNN	131	2.77	Khá	
3	1354023066	Nguyễn Văn Hà	12/11/1995	K58a_KTNN	132	3.08	Khá	
4	1354023118	Đinh Thị Huyền	23/03/1995	K58a_KTNN	132	2.65	Khá	
5	1354023062	Chu Thị Thu Hường	11/07/1995	K58a_KTNN	132	2.65	Khá	
6	1354023049	Bùi Thị Diệu Linh	03/03/1995	K58a_KTNN	132	2.65	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số TCTL	Điểm hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
7	1354023138	Lê Thúy Hậu Linh	01/01/1994	K58a_KTNN	132	2.82	Khá	
8	1354023097	Lê Công Long	20/12/1995	K58a_KTNN	131	2.61	Khá	
9	1354023040	Hoàng Nhật Mai	18/04/1995	K58a_KTNN	131	2.71	Khá	
10	1354023094	Nguyễn Quỳnh Nga	02/05/1995	K58a_KTNN	131	2.59	Khá	
11	1354023126	Lê Thị Kim Ngân	28/06/1994	K58a_KTNN	132	3.25	Giỏi	
12	1353093390	Nguyễn Thị Mai Quyên	28/08/1995	K58a_KTNN	132	2.95	Khá	
13	1354023050	Trịnh Thị Phương Thảo	16/05/1995	K58a_KTNN	137	2.9	Khá	
14	1354023103	Bùi Thị Thuỷ	27/04/1995	K58a_KTNN	131	2.44	Trung bình	
15	1354011061	Bùi Minh Tiến	06/01/1995	K58a_KTNN	135	2.27	Trung bình	
16	1354023367	Phan Thu Trang	06/10/1995	K58a_KTNN	132	2.83	Khá	
17	1354023120	Kiều Minh Tuấn	01/08/1995	K58a_KTNN	131	2.19	Trung bình	
18	1354023046	Võ Thị Xuyên	19/01/1995	K58a_KTNN	132	3.04	Khá	
19	1354023048	Nguyễn Thị Chinh	19/12/1995	K58b_KTNN	132	2.83	Khá	
20	1354023099	Phạm Thị Dung	31/05/1995	K58b_KTNN	132	2.67	Khá	
21	1354023121	Nguyễn Tiến Đạt	23/04/1995	K58b_KTNN	133	2.05	Trung bình	
22	1354023123	Nguyễn Thị Giang	08/09/1995	K58b_KTNN	138	2.82	Khá	
23	1354023058	Hoàng Thị Thu Hà	16/06/1995	K58b_KTNN	132	2.58	Khá	
24	1354023116	Nguyễn Thị Thu Hà	01/06/1995	K58b_KTNN	132	2.63	Khá	
25	1354023080	Nguyễn Huy Hạnh	18/06/1995	K58b_KTNN	131	2.54	Khá	
26	1354023074	Nguyễn Thị Khánh Hòa	29/10/1995	K58b_KTNN	132	2.93	Khá	
27	1354023105	Đào Thị Linh	25/06/1994	K58b_KTNN	131	2.82	Khá	
28	1354023084	Vương Thị Thanh Mai	05/02/1995	K58b_KTNN	132	2.56	Khá	
29	1354023140	Nguyễn Thị Nguyệt Nga	01/02/1995	K58b_KTNN	133	2.72	Khá	
30	1354023055	Phạm Thị Phin	06/04/1995	K58b_KTNN	132	2.54	Khá	
31	1354023042	Phạm Thị Minh Phụng	25/05/1995	K58b_KTNN	131	2.35	Trung bình	
32	1354023041	Nguyễn Thị Thanh	24/04/1995	K58b_KTNN	135	2.78	Khá	
33	1354024003	Nguyễn Thị Thu Trà	07/09/1995	K58b_KTNN	134	2.87	Khá	

Tổng số sinh viên theo danh sách: 1769 SV